BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

------oOo------

KHỔNG VĂN TÚ

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHO VAY TRUNG VÀ DÀI HẠN TẠI NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM - CHI NHÁNH PHÚ THỌ II

ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ

HÀ NỘI - 2024

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

------oOo------

KHỔNG VĂN TÚ

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHO VAY TRUNG VÀ DÀI HẠN TẠI NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM - CHI NHÁNH PHÚ THỌ II

Chuyên ngành: Tài chính ngân hàng

Mã số: 8340201

ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ

Người hướng dẫn khoa học:

PGS. TS Lê Thanh Tâm

HÀ NỘI - 2024

LỜI CAM ĐOAN

Học viên xin cam đoan Đề án **"*Nâng cao chất lượng cho vay trung và dài hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ II*"** là kết quả của quá trình nghiên cứu độc lập của học viên dưới sự hướng dẫn của PGS. TS. Lê Thanh Tâm. Các số liệu được sử dụng trong nghiên cứu này có nguồn gốc rõ ràng, đáng tin cậy và được thu thập từ thực tế. Kết quả nghiên cứu là chính xác, trung thực và chưa được công bố ở các công trình nghiên cứu khác.

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

Học viên

Khổng Văn Tú

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành đề án này, học viên xin trân trọng cảm ơn các thầy giáo, cô giáo Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân đã nhiệt tình giảng giải, chỉ dẫn cho học viên kiến thức và những kinh nghiệm quý báu trong thời gian qua.

Với lòng biết ơn chân thành và sâu sắc nhất, học viên xin chân thành cảm ơn sự quan tâm, giúp đỡ, chỉ bảo tận tình của PGS. TS. Lê Thanh Tâm trong suốt quá trình nghiên cứu và thực hiện đề án.

Học viên cũng xin gửi lời cảm ơn các đồng nghiệp và Ban lãnh đạo Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ II đã tạo điều kiện cho tác giả thu thập tài liệu, thông tin và tổng hợp số liệu trong suốt quá trình nghiên cứu và hoàn thiện công trình nghiên cứu này.

Học viên xin cảm ơn gia đình, bạn bè, đồng nghiệp đã động viên, khuyến khích để học viên hoàn thành khóa học thạc sỹ.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng, tuy nhiên đề tài không thể tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót, tác giả rất mong nhận được ý kiến đóng góp quý báu của các thầy cô để đề án hoàn thiện và có giá trị thực tiễn hơn.

Học viên xin trân trọng cảm ơn!

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

Học viên

Khổng Văn Tú

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN 1
LỜI CẢM ƠN 2
MỤC LỤC i
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT iii
DANH MỤC CÁC BẢNG, BIỂU, HÌNH iv
TÓM TẮT NỘI DUNG ĐỀ ÁN vi
MỞ ĐẦU 1
1. Tính cấp thiết của đề án 1
2. Mục tiêu nghiên cứu của đề án 2
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu 2
4. Phương pháp nghiên cứu 3
5. Kết cấu của đề án 4
CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ CHẤT LƯỢNG CHO VAY TRUNG VÀ DÀI HẠN CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI 5
1.1. Cho vay trung và dài hạn của ngân hàng thương mại 5
1.1.1. Khái niệm cho vay trung và dài hạn 5
1.1.2. Đặc điểm cho vay trung và dài hạn 5
1.1.3. Phân loại cho vay trung và dài hạn 6
1.2. Chất lượng cho vay trung và dài hạn của ngân hàng thương mại 7
1.2.1. Khái niệm chất lượng cho vay trung và dài hạn 7
1.2.2. Các chỉ tiêu đánh giá chất lượng cho vay trung và dài hạn của ngân hàng thương mại 8
1.3. Nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng cho vay trung và dài hạn của ngân hàng thương mại 11
1.3.1. Nhân tố thuộc về Chi nhánh 11
1.3.2. Nhân tố thuộc về Hội sở 13
1.3.3. Nhân tố thuộc môi trường 14
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CHẤT LƯỢNG CHO VAY TRUNG VÀ DÀI HẠN TẠI NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM – CHI NHÁNH PHÚ THỌ II 16
2.1. Khái quát về Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ II 16

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển 16
2.1.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy 16
2.1.3. Kết quả kinh doanh giai đoạn 2021-2023 19
2.2. Thực trạng chất lượng cho vay trung và dài hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ II 24
2.2.1. Quy trình, chính sách, sản phẩm cho vay trung và dài hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ II 24
2.2.2. Phân tích thực trạng chất lượng cho vay trung và dài hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ II 27
2.3. Đánh giá chất lượng cho vay trung và dài hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ II 43
2.3.1. Những kết quả đạt được 43
2.3.2. Hạn chế và nguyên nhân 43
CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHO VAY TRUNG VÀ DÀI HẠN TẠI NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM – CHI NHÁNH PHÚ THỌ II 49
3.1. Định hướng nâng cao chất lượng cho vay trung và dài hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ II đến năm 2030 49
3.1.1. Định hướng phát triển chung 49
3.1.2. Định hướng phát triển cho vay trung dài hạn 50
3.2. Giải pháp nâng cao chất lượng cho vay trung và dài hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ II 53
3.2.1. Tuân thủ nghiêm quy trình tín dụng 53
3.2.2. Tăng cường thu thập hệ thống thông tin tín dụng 54
3.2.3. Tăng cường công tác kiểm tra nội bộ 56
3.2.4. Nâng cao chất lượng cán bộ tín dụng 57
3.3. Kiến nghị 59
3.3.1. Kiến nghị với Ngân hàng Nhà nước tỉnh Phú Thọ 59
3.3.2. Kiến nghị với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam 60
KẾT LUẬN 62
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

Ký hiệu	Ý nghĩa
Agribank	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam
CBNV	Cán bộ nhân viên
DNNVV	Doanh nghiệp nhỏ và vừa
HĐKD	Hoạt động kinh doanh
KHCN	Khách hàng cá nhân
KHDN	Khách hàng doanh nghiệp
NHNN	Ngân hàng Nhà nước
NHTM	Ngân hàng thương mại
PGD	Phòng giao dịch
TCTD	Tổ chức tín dụng
TDH	Trung dài hạn
TSĐB	Tài sản đảm bảo
VNĐ	Việt Nam đồng

DANH MỤC CÁC BẢNG, BIỂU, HÌNH

BẢNG:

Bảng 2.1: Dư nợ của Agribank Chi nhánh Phú Thọ II, giai đoạn 2021 – 2023 21

Bảng 2.2: Kết quả hoạt động kinh doanh của Agribank Chi nhánh Phú Thọ II, giai đoạn 2021 – 2023 22

Bảng 2.3. Dư nợ trung dài hạn của Agribank Chi nhánh Phú Thọ II.....27

Bảng 2.4: Tỷ trọng dư nợ trung và dài hạn trên tổng dư nợ tại Agribank Chi nhánh Phú Thọ II.....28

Bảng 2.5. Dư nợ trung dài hạn theo loại tiền của Agribank Chi nhánh Phú Thọ II 29

Bảng 2.6. Dư nợ trung dài hạn theo khách hàng của Agribank Chi nhánh Phú Thọ II.....30

Bảng 2.7. Dư nợ trung dài hạn theo ngành kinh doanh của Agribank Chi nhánh Phú Thọ II.....32

Bảng 2.8. Dư nợ trung dài hạn theo mục đích sử dụng vốn của Agribank Chi nhánh Phú Thọ II 33

Bảng 2.9. Doanh số cho vay trung dài hạn của Agribank Chi nhánh Phú Thọ II.....35

Bảng 2.10. Các nhóm nợ cho vay trung dài hạn tại Agribank chi nhánh Phú Thọ II 37

Bảng 2.11. Dư nợ cho vay trung dài hạn có TSĐB tại Agribank chi nhánh Phú Thọ II.....40

Bảng 2.12. Tỷ lệ trích lập dự phòng rủi ro cho vay trung dài hạn tại Agribank Chi nhánh Phú Thọ II.....41

Bảng 2.13: Thu từ hoạt động cho vay trung dài hạn tại Agribank Chi nhánh Phú Thọ II 42

BIỂU

Biểu 2.1: Vốn huy động tại Agribank Chi nhánh Phú Thọ II 19
Biểu 2.2: Dư nợ trung dài hạn tại Agribank Chi nhánh Phú Thọ II 27
Biểu 2.3: Tỷ trọng dư nợ trung dài hạn tại Agribank Chi nhánh Phú Thọ II 28
Biểu 2.4: Tỷ trọng dư nợ trung dài hạn theo loại tiền tại Agribank Chi nhánh Phú Thọ II 29
Biểu 2.5: Tỷ trọng dư nợ trung dài hạn theo khách hàng tại Agribank Chi nhánh Phú Thọ II.....30
Biểu 2.6: Tỷ trọng dư nợ trung dài hạn theo ngành kinh doanh tại Agribank Chi nhánh Phú Thọ II 32
Biểu 2.7: Tỷ trọng dư nợ trung dài hạn theo mục đích sử dụng vốn tại Agribank Chi nhánh Phú Thọ II.....34
Biểu 2.9: Tỷ lệ nợ quá hạn cho vay trung dài hạn tại Agribank Chi nhánh Phú Thọ II38
Biểu 2.10: Tỷ lệ nợ xấu cho vay trung dài hạn tại Agribank Chi nhánh Phú Thọ II 39
Biểu 2.11: Tỷ lệ nợ có khả năng mất vốn trong cho vay trung dài hạn tại Agribank Chi nhánh Phú Thọ II.....40

HÌNH

Hình 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy Agribank Chi nhánh Phú Thọ II.....17
Hình 2.2: Quy trình cho vay trung và dài hạn tại Agribank Chi nhánh Phú Thọ II.....25

TÓM TẮT NỘI DUNG ĐỀ ÁN

Đề án "***Nâng cao chất lượng cho vay trung và dài hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ II***" được lựa chọn thực hiện làm đề án tốt nghiệp xuất phát từ một số lý do: (1) nâng cao chất lượng cho vay trung và dài hạn là vấn đề luôn được quan tâm hàng đầu trong các hoạt động kinh tế nói chung và hoạt động kinh doanh ngân hàng nói riêng. (2) Cho vay TDH tại Agribank Chi nhánh Phú Thọ II còn tồn tại nhiều hạn chế như: (i) dư nợ TDH tăng nhưng tốc độ đang giảm dần, từ 12,15% tại năm 2022 xuống còn 9,08% tại năm 2023; (ii) cơ cấu cho vay TDH còn một số hạn chế; (iii) tỷ trọng doanh số cho vay TDH so với tổng doanh số cho vay của chi nhánh có xu hướng giảm từ 45,10% tại năm 2021 còn 40,39% tại năm 2023; (iv) nợ quá hạn, nợ xấu, nợ có khả năng mất vốn trong cho vay TDH của Chi nhánh đều có xu hướng tăng lên qua các năm; (v) tỷ trọng thu từ cho vay TDH trên tổng thu từ cho vay đang có xu hướng giảm dần qua các năm.

Số liệu được tổng hợp và hệ thống hóa bằng phương pháp phân tổ thống kê theo các tiêu thức khác nhau phù hợp với mục tiêu của đề tài nghiên cứu. Việc xử lý và tính toán số liệu được thực hiện trên máy tính theo phần mềm thống kê thông dụng Excel. Các phương pháp phân tích được đề án sử dụng chủ yếu là phương pháp phân tích, diễn giải; phương pháp so sánh và phương pháp thống kê mô tả.

Đề án đã hệ thống hóa và làm rõ cơ sở lý luận về chất lượng cho vay TDH của ngân hàng thương mại; Vận dụng những cơ sở lý luận để phân tích, đánh giá thực trạng chất lượng cho vay TDH tại Agribank Chi nhánh Phú Thọ II giai đoạn 2021 - 2023 tại Agribank Chi nhánh Phú Thọ II. Đồng thời, đề án đánh giá kết quả đạt được và rút ra 05 hạn chế về chất lượng cho vay TDH tại Chi nhánh. Đề án cũng chỉ ra nguyên nhân khách quan và chủ quan dẫn đến hạn chế về chất lượng cho vay TDH tại Agribank - Chi nhánh Phú Thọ II. Trên cơ sở đó, Đề án đề xuất 04 giải pháp nâng cao chất lượng cho vay TDH tại Agribank - Chi nhánh Phú Thọ II, bao gồm: tuân thủ nghiêm quy trình tín dụng; tăng cường thu thpạ thông tin tín dụng; tăng cường công tác kiểm tra giám sát nội bộ; tiếp tục phòng ngừa và xử lý nợ xấu; nâng cao chất lượng cán bộ tín dụng. Đồng thời, đề án cũng đề xuất một số kiến nghị với Agribank tỉnh Phú Thọ và Agribank Hội sở để việc nâng cao chất lượng cho vay TDH tại Agribank Chi nhánh Phú Thọ II được thuận lợi hơn.

*Từ khóa**:** chất lượng cho vay; cho vay trung và dài hạn; nâng cao chất lượng cho vay trung dài hạn*

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề án

Cho vay trung dài hạn là hoạt động mang tính chiến lược của các ngân hàng thương mại. Cho vay trung và dài hạn thường có quy mô lớn và lãi suất cao hơn lãi suất ngắn hạn, thời gian dài, cho vay trung và dài hạn mang lại lợi nhuận chủ yếu cho các ngân hàng. Mặt khác, cho vay trung và dài hạn còn là cách thức khả thi để giải quyết nguồn vốn huy động còn dư thừa tại mỗi ngân hàng thương mại. Vì vậy, nâng cao chất lượng cho vay trung và dài hạn là vấn đề luôn được quan tâm hàng đầu trong các hoạt động kinh tế nói chung và hoạt động kinh doanh ngân hàng nói riêng.

Hệ thống Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam có vai trò rất quan trọng trong việc đáp ứng nhu cầu vốn cho nền kinh tế và cũng là một trong bốn ngân hàng lớn và có uy tín nhất của Việt Nam. Nằm trong hệ thống Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Chi nhánh Phú Thọ II đang từng bước hội nhập vào xu thế phát triển chung của toàn ngành. Chi nhánh đã có nhiều đóng góp tích cực trong việc hỗ trợ người dân, các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Thọ. Nhận thấy tầm quan trọng của cho vay trung và dài hạn đối với việc phát triển kinh tế, xã hội, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Chi nhánh Phú Thọ II đã và đang triển khai nhiều biện pháp để nâng cao chất lượng cho vay trung và dài hạn, đảm bảo chất lượng hoạt động tín dụng. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được trong hoạt động cho vay trung dài hạn, Chi nhánh vẫn còn bộc lộ một số hạn chế nhất định cần phải khắc phục như: dư nợ trung dài hạn tăng nhưng tốc độ đang giảm dần, từ 12,15% tại năm 2021 xuống còn 9,08% vào năm 2023; Cơ cấu cho vay trung dài hạn chưa hợp lý, tỷ trọng cho vay bằng ngoại tệ quy đổi còn rất nhỏ (dưới 1,7% tổng dư nợ trung dài hạn theo số liệu năm 2023) trong khi xét về lâu dài, các khách hàng kinh doanh trong lĩnh vực xuất nhập khẩu trên địa bàn còn khá nhiều, nhu cầu sử dụng ngoại tệ cao; Tỷ trọng cho vay của Chi nhánh chủ yếu tập trung cho ngành nông nghiệp, trong khi cho vay ngành công nghiệp chưa phát triển, tỷ trọng cho vay ngành này chỉ dưới 9% tổng dư nợ trung dài hạn; Tỷ lệ nợ quá hạn trung dài hạn tăng lên qua mỗi năm và chưa đạt được kế hoạch đề ra (dưới 3%); Nợ xấu, tỷ lệ nợ xấu cũng tăng qua các năm, chưa đạt mức kế hoạch đề ra (dưới 1%). Dư nợ có tài sản đảm bảo đang có xu hướng giảm dần; tỷ trọng thu từ cho vay trung dài hạn trên tổng thu từ cho vay đang có xu hướng giảm dần qua các năm. Điều này về lâu dài sẽ ảnh hưởng lớn tới sự an toàn trong hoạt động tín dụng trung dài hạn.

Từ thực tiễn trên, việc nghiên cứu nâng cao chất lượng cho vay trung và dài hạn

tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ II là cấp bách. Bởi vậy, tác giả đã lựa chọn đề tài: "***Nâng cao chất lượng cho vay trung và dài hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ II***" làm đề án tốt nghiệp thạc sĩ.

2. Mục tiêu nghiên cứu của đề án

2.1. Mục tiêu chung

Phân tích, đánh giá thực trạng chất lượng cho vay trung và dài hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ II từ đó đề xuất một số giải pháp và kiến nghị để nâng cao chất lượng cho vay trung dài hạn tại Chi nhánh đến năm 2030.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận về chất lượng cho vay trung và dài hạn của ngân hàng thương mại.

- Phân tích, đánh giá thực trạng chất lượng cho vay trung và dài hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ II.

- Đề xuất một số giải pháp và kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng cho vay trung và dài hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ II.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: đề án nghiên cứu chất lượng cho vay trung và dài hạn của ngân hàng thương mại.

- Phạm vi nghiên cứu:

+ Nội dung: Đề án nghiên cứu chất lượng cho vay trung và dài hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ II. Chất lượng cho vay trung và dài hạn của ngân hàng thương mại được xem xét trên ba góc độ: ngân hàng, khách hàng và nền kinh tế. Tuy nhiên, trong phạm vi nghiên cứu này, tác giả nghiên cứu chất lượng cho vay trung và dài hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ II trên góc độ ngân hàng, không nghiên cứu chất lượng cho vay trung và dài hạn trên góc độ khách hàng hay nền kinh tế.

+ Về không gian: tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ II

+ Về thời gian: Để phục vụ nghiên cứu đề án thu thập các dữ liệu thực tế về hoạt

động cho vay trung và dài hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ II trong khoảng thời gian từ năm 2021 đến năm 2023.

4. Phương pháp nghiên cứu

4.1. Phương pháp thu thập dữ liệu

Đề án sử dụng nguồn dữ liệu thứ cấp. Nguồn dữ liệu thứ cấp được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau gồm:

- Các văn bản của Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ II về hoạt động cho vay, hoạt động cho vay trung và dài hạn.

- Các báo cáo hoạt động kinh doanh, báo cáo hoạt động cho vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ II trong các năm 2021 – 2023

- Các giáo trình, nguồn từ Internet, tạp chí, các công trình nghiên cứu khoa học liên quan tới hoạt động cho vay, cho vay trung và dài hạn của ngân hàng.

4.2. Phương pháp xử lý số liệu

Số liệu được tổng hợp và hệ thống hóa bằng phương pháp phân tổ thống kê theo các tiêu thức khác nhau phù hợp với mục tiêu của đề tài nghiên cứu. Việc xử lý và tính toán số liệu được thực hiện trên máy tính theo phần mềm thống kê thông dụng Excel. Tác giả sử dụng phương pháp:

- Phương pháp phân tích, diễn giải: nhằm làm sáng tỏ về mặt lý luận chất lượng cho vay trung và dài hạn của ngân hàng thương mại. Kế thừa kinh nghiệm một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng cho vay trung, dài hạn của ngân hàng thương mại. Qua đó, vận dụng vào điều kiện thực tiễn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ II, phân tích làm rõ những mặt tồn tại và nguyên nhân dẫn đến hạn chế về chất lượng cho vay trung, dài hạn tại Chi nhánh. Từ đó, đề xuất một số giải pháp và kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng cho vay trung, dài hạn tại Chi nhánh ở Chương 3.

- Phương pháp thống kê mô tả: dựa trên các số liệu thu thập được và từ các nghiên cứu thực nghiệm, tác giả minh họa và biểu diễn các số liệu theo các bảng, biểu đồ nhằm phân tích và đánh giá thực trạng chất lượng cho vay trung, dài hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ II trong giai đoạn 2021 - 2023.

- Phương pháp so sánh: sử dụng để so sánh chất lượng cho vay trung, dài hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ II với kế hoạch đặt ra, từ đó có những kết luận đánh giá về chất lượng cho vay trung và dài hạn của Chi nhánh.

5. Kết cấu của đề án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, mục lục, các bảng biểu, danh mục tài liệu tham khảo, đề án được trình bày gồm 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề cơ bản về chất lượng cho vay trung và dài hạn của ngân hàng thương mại

Chương 2: Thực trạng chất lượng cho vay trung và dài hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ II

Chương 3: Giải pháp nâng cao chất lượng cho vay trung và dài hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ II

CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ CHẤT LƯỢNG CHO VAY TRUNG VÀ DÀI HẠN CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.1. Cho vay trung và dài hạn của ngân hàng thương mại

1.1.1. Khái niệm cho vay trung và dài hạn

Theo Nguyễn Thị Phương Liên (2022), "cho vay trung dài hạn (TDH) là hoạt động tài trợ cho khách hàng vay vốn TDH nhằm thực hiện các dự án phát triển sản xuất kinh doanh, phục vụ đời sống".

Theo tác giả Phan Thị Thu Hà (2023), "cho vay TDH là hình thức cho vay có thời hạn trên 1 năm trở lên, vốn vay thường được dùng để tài trợ cho các nhu cầu mua sắm tài sản cố định (TSCĐ), đầu tư dây chuyền máy móc thiết bị, xây dựng nhà xưởng, đầu tư dự án, mở rộng sản xuất,..."

Theo tác giả Tô Ngọc Hưng (2019), "Cho vay trung, dài hạn là các khoản cho có thời hạn dài trên một năm. Từ một đến 5 năm được coi là cho vay trung và từ 5 năm trở lên được coi là cho vay dài hạn. Cho vay trung, dài hạn nhằm thoả mãn các nhu cầu về mua sắm máy móc thiết bị, xây dựng cơ sở vật chất, cải tiến công nghệ sản xuất, mở rộng sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, chiếm lĩnh thị trường của doanh nghiệp".

Như vậy, có thể rút ra khái niệm cho vay TDH của NHTM là các khoản mà ngân hàng chuyển quyền sử dụng vốn cho khách hàng trong thời gian từ 01 năm trở lên nhằm mục đích hình thành cơ sở vật chất, đầu tư TSCĐ, công nghệ sản xuất, dự án kinh doanh trung và dài hạn với nguyên tắc hoàn trả đủ gốc và lãi khi đến hạn.

1.1.2. Đặc điểm cho vay trung và dài hạn

Cho vay TDH của NHTM có đặc điểm sau:

Một là, tính rủi ro cao. Bản chất của cho vay TDH khác so với cho vay ngắn hạn là thời hạn cho vay dài hơn. Cho vay ngắn hạn đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn do đó có tính nâng cao, có thể xem như là một bộ phận đảm bảo khả năng thanh toán của ngân hàng. Trái lại, cho vay trung và dài hạn thường được đầu tư vào mở rộng sản xuất, xây dựng cơ sở hạ tầng, đổi mới trang thiết bị khoa học công nghệ, dây chuyền sản xuất hiện đại, tức là các dự án chưa có khả năng sinh lời trong thời gian ngắn nên thời hạn của các khoản cho vay này thường dài và chỉ được hoàn trả khi xuất hiện nguồn thu từ dự án, mà thời hạn cho vay càng dài thì tính rủi to càng cao.

Hai là, lãi suất cao. Trong khoảng thời gian dài khách hàng sử dụng vốn vay cũng như việc thực hiện các hoạt động khác của khách hàng vay vốn luôn bị chi phối,

ảnh hưởng trực tiếp, gián tiếp bởi các yếu tố phức tạp như: Tình hình chính trị, tình hình kinh tế - xã hội, các yếu tố thuộc về môi trường tự nhiên: hạn hán, lũ lụt,... Do đó, những yếu tố này có thể tác động và gây nên những hậu quả, những tổn thất, thiệt hại cho bên vay cũng như ngân hàng. Việc thoả mãn nhu cầu vay đối với khách hàng trong cho vay TDH khó khăn phức tạp hơn, liên quan nhiều đến các điều kiện diễn biến kinh tế trong tương lai, các chi phí phát sinh trong việc tạo vốn của ngân hàng, quá trình thẩm định, xem xét, thực hiện và giám sát khoản vay nhiều hơn, kỳ hạn cho vay TDH cũng làm ảnh hưởng lớn đến tính thanh khoản của ngân hàng Do đó, lãi suất của khoản cho vay TDH thường có lãi suất cao để bù đắp cho những chi phí trong việc huy động nguồn vốn phục vụ cho hoạt động cho vay này.

Ba là, giá trị khoản vay lớn. Đối tượng chủ yếu của cho vay TDH là chính là những chi phí để hình thành nên cơ sở vật chất kỹ thuật mới hoặc cải tạo, mở rộng, nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật của doanh nghiệp. Đây là hoạt động rất đa dạng và phức tạp, cần phải có sự sắp xếp, bố trí các công việc một cách khoa học, tiến hành thực hiện theo một trình tự nhất định, có sự quản lý chặt chẽ. Đặc biệt đòi hỏi không thể thiếu được đó là doanh nghiệp phải có một khối lượng vốn lớn nhằm tạo ra một tài sản cố định, một năng lực sản xuất mới. Vì vậy, giá trị khoản vay lớn cũng là một đặc điểm của tín dụng TDH.

1.1.3. Phân loại cho vay trung và dài hạn

1.1.3.1. Theo khách hàng

Theo khách hàng vay vốn, cho vay trung và dài hạn gồm:

Cho vay khách hàng cá nhân: là hình thức NHTM cấp vốn vay cho cá nhân, hộ gia đình một khoản tín dụng để tiêu dùng hoặc kinh doanh trong thời gian TDH theo thỏa thuận với nguyên tắc hoàn trả cả gốc lẫn lãi đúng thời hạn.

Cho vay khách hàng doanh nghiệp và các tổ chức: là hình thức NHTM cấp vốn vay cho doanh nghiệp và các tổ chức sử dụng một khoản vốn để sử dụng vào một mục đích nhất định theo thỏa thuận với nguyên tắc hoàn trả cả gốc lẫn lãi đúng thời hạn.

1.1.3.2. Theo mục đích sử dụng

Theo tiêu thức phân loại này, cho vay trung và dài hạn chia làm hai loại:

Cho vay tiêu dùng: Cho vay TDH phục vụ cho vay tiêu dùng là hình thức NHTM cấp vốn cho khách hàng vay để đáp ứng các nhu cầu tiêu dùng như mua sắm nhà cửa, các phương tiện sinh hoạt, phương tiện đi lại…

Cho vay kinh doanh: Cho vay TDH phục vụ cho sản xuất kinh doanh là hình thức NHTM cấp vốn cho khách hàng sử dụng thực hiện các công việc kinh doanh mình.

1.1.3.3. Theo phương thức trả nợ

Cho vay TDH có kỳ hạn trả nợ đều nhau theo tháng, quý, năm: là loại cho vay mà khách hàng phải hoàn trả vốn gốc và lãi theo định kỳ.

Cho vay TDH có kỳ hạn trả nợ một lần: là loại cho vay mà bên vay phải hoàn trả cả gốc và lãi một lần vào thời điểm kết thúc khoản vay.

Cho vay TDH có kỳ hạn trả nợ có tính thời vụ: là loại cho vay mà người vay có thể hoàn trả vốn gốc và lãi bất cứ khi nào có khả năng, có thu nhập.

1.2. Chất lượng cho vay trung và dài hạn của ngân hàng thương mại

1.2.1. Khái niệm chất lượng cho vay trung và dài hạn

Khái niệm chất lượng

Theo từ điển tiếng Việt định nghĩa "Chất lượng là cái tạo nên phẩm chất, giá trị của một con người, một sự vật, một sự việc. Chất lượng là tổng thể những tính chất, những thuộc tính cơ bản của sự vật (sự việc); cái làm cho sự vật này phân biệt với sự vật khác".

Từ điển Oxford Pocket Dictionnary cho rằng "Chất lượng là mức hoàn thiện, đặc trưng so sánh hay đặc trưng tuyệt đối, dấu hiệu đặc thù, các dữ liệu, các thông số cơ bản của một sự việc, sự vật nào đó"

Theo tác giả Nguyễn Thị Phương Liên (2022), "Chất lượng là sự đáp ứng yêu cầu của khách hàng, đảm bảo sự tồn tại và phát triển của ngân hàng và phù hợp với sự phát triển kinh tế của xã hội".

Trong phạm vi đề án này, chất lượng được sử dụng theo quan điểm của tác giả Nguyễn Văn Tiến (2015) trên góc độ ngân hàng nên chất lượng là đảm bảo sự tồn tại và phát triển của ngân hàng.

Khái niệm chất lượng cho vay trung và dài hạn

Theo tác giả Nguyễn Thị Phương Liên (2022), dưới giác độ là ngân hàng - chủ thể của hoạt động cho TDH: "Chất lượng cho vay TDH được thể hiện ở việc vốn vay phải được hoàn trả cả gốc và lãi đầy đủ, đúng thời hạn theo hợp đồng đã thỏa thuận, hạn chế tối đa rủi ro và có lãi nhất". Tuy nhiên đây là một vấn đề có tính hai mặt bởi lẽ rủi ro thường tỷ lệ nghịch với hiệu quả kinh doanh.

Trong phạm vi nghiên cứu này, tác giả nghiên cứu chất lượng cho vay TDH của NHTM dưới giác độ của ngân hàng. Như vậy, chất lượng cho vay TDH của NHTM

theo góc độ ngân hàng là những khoản cho vay có thời hạn cho vay là trung và dài hạn, đảm bảo mục tiêu tăng trưởng về quy mô, an toàn và sinh lợi cho ngân hàng.

1.2.2. Các chỉ tiêu đánh giá chất lượng cho vay trung và dài hạn của ngân hàng thương mại

1.2.2.1. Tăng trưởng về quy mô

(1) Tăng trưởng dư nợ cho vay trung và dài hạn

Dư nợ cho vay TDH: Là số tiền mà khách hàng đang nợ ngân hàng tại một thời điểm, chỉ tiêu này thường được sử dụng kết hợp với chỉ tiêu doanh số cho vay nhằm phản ánh sự tăng trưởng về quy mô cho vay của ngân hàng.

$$\text{Tỷ lệ dư nợ cho vay trung, dài hạn} = \frac{\text{Dư nợ cho vay TDH kỳ này} - \text{Dư nợ cho vay TDH kỳ trước}}{\text{Tổng dư nợ cho vay TDH kỳ trước}} \times 100$$

Tỷ lệ gia tăng dư nợ cho vay TDH cho thấy sự phát triển về quy mô của dư nợ cho vay TDH qua các năm, hệ số này càng cao chứng tỏ hoạt động cho vay TDH càng tốt và ngược lại.

(2) Tăng trưởng về tỷ trọng cho vay trung và dài hạn

$$\text{Tỷ trọng cho vay TDH} = \frac{\text{Tổng dư nợ cho vay TDH}}{\text{Tổng dư nợ cho vay}} \times 100$$

Chỉ tiêu này cho biết dư nợ cho vay TDH chiếm tỷ lệ bao nhiêu trong dư nợ của ngân hàng, đồng thời so sánh tỉ trọng năm sau so với năm trước. Từ đó giúp cho ngân hàng có những định hướng cụ thể trong việc tăng quy mô cho vay TDH.

(3) Tăng doanh số cho vay trung và dài hạn

Doanh số cho vay TDH phản ánh một cách khái quát về hoạt động cho vay TDH của ngân hàng trong một thời kỳ nhất định, thường tính theo năm tài chính. Thể hiện mức cho vay trong kì, từ đó phản ánh kết quả về việc tăng quy mô cho vay TDH của ngân hàng. Doanh số cho vay TDH càng cao thì tăng quy mô cho vay TDH của NHTM càng tốt, quy mô cho vay TDH càng lớn.

$$\text{Tỷ lệ doanh số cho vay TDH} = \frac{\text{Doanh số cho vay TDH kỳ này} - \text{Doanh số cho vay TDH kỳ trước}}{\text{Tổng doanh số cho vay TDH kỳ trước}} \times 100$$

1.2.2.2. An toàn trong cho vay trung và dài hạn

(1) Cơ cấu dư nợ trung dài hạn

$$\text{Tỷ trọng dư nợ TDH loại i} = \frac{\text{Dư nợ TDH loại i}}{\text{Tổng dư nợ cho vay TDH}} \text{ x } 100$$

Chỉ tiêu này phản ánh mức độ tập trung vốn đầu tư TDH vào loại i theo từng thời điểm. Qua đó đánh giá mức độ đa dạng hoá và mức độ phù hợp về cho vay TDH của NHTM. Nếu một NHTM quá tập trung cho vay TDH vào một nhóm khách hàng hay một lĩnh vực cho vay có mức độ rủi ro cao chứng tỏ cơ cấu cho vay TDH chưa hợp lý và có thể gặp rủ ro cho vay TDH cao. Có thể xem xét cơ cấu dư nợ trung dài hạn theo loại tiền, đối tượng khách hàng, ngành kinh doanh, mục đích sử dụng.

(2) Tỷ lệ nợ quá hạn cho vay trung và dài hạn

Nợ quá hạn trong cho vay TDH là khoản nợ đến thời hạn thanh toán nhưng khách hàng vay vốn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ gốc hoặc lãi hoặc cả gốc và lãi của mình cho ngân hàng.

Tỷ lệ nợ quá hạn cho vay TDH cho thấy tình hình nợ quá hạn cho vay TDH của ngân hàng, đồng thời phản ánh khả năng quản lý cho vay của ngân hàng trong khâu cho vay, đôn đốc thu hồi nợ của ngân hàng đối với các khoản vay TDH. Tỷ lệ nợ quá hạn cho vay TDH thấp và nằm trong kế hoạch hoặc theo quy định của NHNN hay Hội sở NHTM tức là độ an toàn tại ngân hàng cao và ngược lại. Tỷ lệ nợ quá hạn cho vay TDH cho biết trong 100 đơn vị tiền tệ cho vay TDH. Tỷ lệ nợ quá hạn trong cho vay TDH xác định theo công thức:

$$\text{Tỉ lệ nợ quá hạn cho vay TDH} = \frac{\text{Nợ quá hạn cho vay TDH}}{\text{Tổng dư nợ cho vay TDH}} \text{ x } 100$$

Tỷ lệ nợ quá hạn cho vay TDH cho thấy rủi ro đối với các khoản cho vay TDH và hậu quả của các khoản nợ quá hạn, có thể là nguy cơ gây mất vốn toàn bộ hoặc một phần cho ngân hàng trên tổng dư nợ. Tuy nhiên, tỷ lệ nợ quá hạn cho vay TDH chỉ xét đến việc hoàn trả khi đã quá hạn chứ không xét đến tổng dư nợ cho vay TDH có nguy cơ quá hạn.

(3) Tỷ lệ nợ xấu cho vay trung và dài hạn

Theo Nguyễn Thị Phương Liên (2022), Tỷ lệ nợ xấu là tỷ lệ giữa nợ xấu so với tổng các khoản nợ từ nhóm 1 đến nhóm 5. Do đó, tỷ lệ nợ xấu cho vay trung và dài hạn phản ánh rõ nét chất lượng cho vay trung và dài hạn của ngân hàng và được xác

định theo công thức:

$$\text{Tỉ lệ nợ xấu cho vay TDH} = \frac{\text{Nợ xấu cho vay TDH}}{\text{Tổng dư nợ cho vay TDH}} \times 100$$

Đây là một trong những chỉ tiêu quan trọng để đánh giá chất lượng cho vay TDH của ngân hàng. Hệ số này cho biết, trong 100 đơn vị tiền tệ cho vay TDH có bao nhiêu đơn vị tiền tệ là nợ xấu. Tùy theo từng NHTM đưa ra mức kế hoạch đạt được ở mức tỷ lệ nợ xấu nhất định. Nếu tỷ lệ này càng lớn thì cho thấy chất lượng cho vay TDH của ngân hàng càng không tốt, công tác tổ chức quản lý, kiểm tra, giám sát nợ kém, khả năng thu hồi nợ giảm, rủi ro cho vay TDH của ngân hàng cao và ngược lại.

(4) Tỷ lệ mất vốn cho vay trung và dài hạn *(nợ nhóm 5)*

$$\text{Tỷ lệ nợ có khả năng mất vốn cho vay TDH (\%)} = \frac{\text{Tổng nợ có khả năng mất vốn cho vay TDH}}{\text{Tổng dư nợ cho vay TDH}} \times 100$$

Chỉ tiêu này cho biết tỷ lệ số tiền ngân hàng cho khách hàng vay TDH có khả năng mất vốn, không thu hồi được, tỷ lệ này càng cao thể hiện chất lượng cho vay TDH của ngân hàng càng kém và ngược lại.

(5) Tỷ lệ dư nợ cho vay trung và dài hạn có tài sản đảm bảo

Mục tiêu trong cho vay TDH của NHTM là phải bảo đảm được an toàn vốn vay. Trong quan hệ cho vay, nguồn trả nợ cho các NHTM thường lấy từ khoản thu nhập từ hoạt động kinh doanh của khách hàng. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, khách hàng sử dụng vốn kém hiệu quả, hoạt động sản xuất kinh doanh không diễn ra như kỳ vọng, dẫn đến không có khả năng trả nợ. Đối với các trường hợp này, NHTM phải xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ nhằm đảm bảo nguồn vốn cho ngân hàng.

$$\text{Tỷ lệ dư nợ cho vay TDH có TSĐB} = \frac{\text{Dư nợ cho vay TDH có TSĐB}}{\text{Tổng dư nợ}} \times 100$$

Tỷ trọng cho vay TDH có TSĐB càng lớn, nguồn thu nợ từ xử lý tài sản trong trường hợp khách hàng không trả được nợ càng nhiều, mức độ an toàn vốn của ngân hàng càng được đảm bảo, chất lượng cho vay TDH càng được nâng cao.

(6) Quy mô và tỷ lệ trích lập dự phòng rủi ro cho vay trung và dài hạn

Căn cứ quy mô từng nhóm nợ, các NHTM phải trích lập chi phí dự phòng rủi ro trong kỳ bao gồm khoản dự phòng chung và dự phòng cụ thể. Tùy theo cấp độ rủi ro mà tổ chức tín dụng phải trích lập dự phòng rủi ro cụ thể với tỷ lệ trích lập từ 0 đến

100% giá trị của từng khoản vay (sau khi trừ giá trị tài sản bảo đảm đã được định giá lại). Do đó, nếu một ngân hàng có danh mục cho vay càng rủi ro thì tỷ lệ trích lập dự phòng sẽ càng cao.

Dự phòng rủi ro cho vay TDH là khoản tiền đã trích lập để dự phòng cho những tổn thất có thể xảy ra do khách hàng của NHTM không thực hiện nghĩa vụ theo cam kết. Tỷ lệ trích lập dự phòng rủi ro cho vay TDH càng cao khi dư nợ thấp chứng tỏ các khoản cho vay TDH có nguy cơ rủi ro cao.

$$\text{Tỷ lệ DPRR đã trích lập trong cho vay TDH} = \frac{\text{DPRR đã trích lập trong cho vay TDH}}{\text{Tổng dư nợ cho vay TDH}} \times 100$$

1.2.2.3. Thu từ cho vay trung và dài hạn

Thu từ hoạt động cho vay TDH là khoản thu từ lãi và phí từ cho vay TDH. Không thể nói một khoản cho vay TDH có chất lượng cao khi hoạt động này không đem lại nguồn thu cho ngân hàng bởi cho vay là hoạt động chủ yếu mang lại nguồn thu lớn cho ngân hàng. Chỉ tiêu này cho kết quả càng cao chứng tỏ cho vay TDH của NHTM càng tốt.

Tỷ lệ thu từ cho vay TDH trên tổng thu từ hoạt động cho vay của ngân hàng là tỷ lệ phần trăm giữa thu từ cho vay TDH so với tổng thu từ hoạt động cho vay của ngân hàng. Chỉ tiêu này cho biết khoản thu từ hoạt động cho vay TDH là bao nhiêu trong 100 đơn vị tiền tệ mà ngân hàng thu được từ hoạt động cho vay.

$$\text{Tỷ lệ thu từ cho vay TDH} = \frac{\text{Thu từ hoạt động cho vay TDH}}{\text{Tổng thu từ hoạt động cho vay}} \times 100\%$$

Chỉ tiêu này cho biết số thu từ lãi hoạt động cho vay trung và dài hạn trong 100 đơn vị tổng thu của NHTM. Chỉ tiêu này càng lớn chứng tỏ hoạt động cho vay trung và dài hạn có chất lượng theo đạt mục tiêu sinh lời.

1.3. Nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng cho vay trung và dài hạn của ngân hàng thương mại

1.3.1. Nhân tố thuộc về Chi nhánh

Khả năng thu thập và xử lý thông tin: Thông tin là yếu tố sống còn đối với mỗi doanh nghiệp trong kinh tế thị trường cạnh tranh gay gắt. Trong cạnh tranh ai nắm được thông tin trước là người có khả năng dành chiến thắng lớn hơn, với ngân hàng thông tin tín dụng hết sức cần thiết là cơ sở để xem xét, quyết định cho vay hay không cho vay và theo dõi, quản lý khoản cho vay với mục đích đảm bảo an toàn và hiệu quả

đối với khoản vốn cho vay. Thông tin tín dụng có thể được thu được từ nhiều nguồn khác nhau như mua thông tin từ các nguồn cung cấp thông tin, đến cơ sở của khách hàng trực tiếp xem xét, thông tin từ hồ sơ xin vay vốn. Thông tin càng đầy đủ, chính xác và kịp thời, toàn diện thì khả năng ngăn ngừa rủi ro càng lớn, chất lượng cho vay trung và dài hạn càng cao.

Chất lượng đội ngũ cán bộ, nhân viên ngân hàng: Chất lượng đội ngũ cán bộ, nhân viên ngân hàng là yêu cầu hàng đầu đối với mỗi ngân hàng, nó ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng hoạt động và khả năng tạo lợi nhuận của ngân hàng. Con người là yếu tố quyết định đến sự thành bại trong hoạt động của NHTM nói chung và cho vay TDH nói riêng. Kinh tế càng phát triển, các quan hệ kinh tế càng phức tạp, cạnh tranh ngày càng gay gắt, đòi hỏi trình độ của người lao động càng cao. Đội ngũ cán bộ ngân hàng có chuyên môn nghiệp vụ giỏi, có đạo đức, có năng lực sẽ là điều kiện tiền đề để ngân hàng tồn tại và phát triển. Nếu trình độ nghiệp vụ của cán bộ nhân viên tốt thì họ sẽ thực hiện tốt các nhiệm vụ trong việc thẩm định dự án, đánh giá tài sản thế chấp, giám sát số tiền vay và có các biện pháp hữu hiệu trong việc thu hồi nợ vay, hay xử lý các tình huống phát sinh trong quan hệ cho vay của ngân hàng giúp ngân hàng có thể ngăn ngừa, hoặc giảm nhẹ thiệt hại khi những rủi ro xảy ra trong khi thực hiện một khoản cho vay.

Chất lượng thẩm định cho vay TDH: Theo tác giả Tô Ngọc Hưng (2019), thẩm định cho vay là khâu quan trọng nhất trong quy trình cho vay, nó quyết định đến chất lượng cho vay. Việc ngân hàng có đồng ý cấp vốn cho khách hàng hay không phụ thuộc vào kết quả thẩm định cho vay tại NHTM. Thông qua việc đánh giá, phân tích tình hình tài chính của khách hàng và tính khả thi của các phương án sản xuất kinh doanh hoặc các dự án mà khách hàng đưa ra. Nếu ngân hàng làm thực hiện thẩm định tốt sẽ hạn chế được nhiều rủi ro, tránh trường hợp đồng ý cho vay với một khách hàng yếu kém hay từ chối cho vay đối với khách hàng tiềm năng. Chất lượng thẩm định tốt tạo điều kiện thuận lợi cho ngân hàng thu hồi đầy đủ gốc và lãi tiền vay đúng hạn. Đồng thời tạo điều kiện để tăng nhanh vòng quay vốn tín dụng, tạo nguồn thu cho ngân hàng.

Kiểm soát nội bộ: Đây là hoạt động mang tính thường xuyên và cần thiết đối với mọi ngân hàng. Công tác kiểm tra nội bộ hoạt động kinh doanh của ngân hàng càng thường xuyên, chặt chẽ sẽ càng làm cho hoạt động cho vay TDH đúng hướng, thực hiện đúng các nguyên tắc, yêu cầu thể lệ trong qui chế cho vay cũng như qui trình cho vay TDH. Kiểm soát nội bộ là biện pháp mang tính chất ngăn ngừa, hạn chế những sai sót của cán bộ tín dụng, giúp cho hoạt động cho vay TDH kịp thời sửa chữa,

tạo điều kiện thuận lợi nâng cao chất lượng cho vay TDH.

Công tác thu hồi nợ quá hạn, nợ xấu: Nợ quá hạn, nợ xấu ngân hàng không chỉ là điều mà khách hàng vay vốn lo ngại mà còn là mối nguy hiểm đối với an toàn hoạt động ngân hàng. Bởi vậy, pháp luật ngân hàng đã có quy định rất chặt chẽ về việc phân loại nợ xấu và xử lý nợ xấu. Đẩy mạnh công tác thu hồi các khoản nợ quá hạn, nợ xấu là một biện pháp có ảnh hưởng trực tiếp, quyết định đến chất lượng cho vay trung và dài hạn của ngân hàng, giúp ngân hàng giảm các chi phí theo dõi, xử lý các khoản nợ quá hạn, nợ xấu, giảm các khoản dự trữ rủi ro, làm tăng nguồn thu, tăng lợi nhuận cho ngân hàng.

1.3.2. Nhân tố thuộc về Hội sở

Chiến lược phát triển cho vay trung dài hạn của ngân hàng: Chiến lược phát triển cho vay TDH là một trong những yếu tố ản hưởng đến chất lượng cho vay nói chung và cho vay TDH nói riêng. Một chiến lược phát triển đúng đắn, phù hợp sẽ đảm bảo cho ngân hàng phát triển một cách bền vững, hạn chế rủi ro, nâng cao chất lượng cho vay TDH. Ngược lại, nếu ngân hàng xây dựng chiến lược không phù hợp có thể dẫn đến rủi ro trong hoạt động cho vay TDH của ngân hàng, giảm chất lượng cho vay TDH của ngân hàng.

Khẩu vị rủi ro: Khẩu vị rủi ro là mức độ rủi ro mà một tổ chức sẵn sàng chấp nhận để theo đuổi các mục tiêu của mình, trước khi có hành động được coi là cần thiết để giảm thiểu rủi ro. Tuyên bố khẩu vị rủi ro thể hiện sự cân bằng giữa lợi ích tiềm tàng của sự đổi mới và những mối đe dọa mà sự thay đổi chắc chắn mang lại. Tiêu chuẩn quản lý rủi ro ISO 31000:2018 đề cập đến mức độ chấp nhận rủi ro là "Mức độ và loại rủi ro mà một tổ chức sẵn sàng theo đuổi, duy trì hoặc chấp nhận". Ngân hàng có khẩu vị rủi ro khác nhau sẽ chấp nhận mức rủi ro khác nhau. Điều này sẽ làm cho chất lượng cho vay nói chung và cho vay TDH nói riêng.

Quy định về tài sản đảm bảo: TSĐB được coi là nguồn thu nợ thứ hai của ngân hàng trong trường hợp khách hàng không trả được nợ. Đây cũng được coi là yếu tố ràng buộc vật chất đối với khách hàng, là một căn cứ để ngân hàng cho vay. TSBĐ có tính pháp lý, không bị tranh chấp, tính thanh khoản cao và đảm bảo được toàn bộ nghĩa vụ của khách hàng sẽ đảm bảo cho một khoản vay có chất lượng.

Quy trình cho vay trung và dài hạn: Theo tác giả Nguyễn Minh Kiều (2015), "quy trình cho vay trung và dài hạn là những trình tự, những giai đoạn, những bước, công việc cần phải thực hiện theo một thủ tục nhất định trong việc cho vay, thu nợ, bắt đầu từ việc xét đơn xin vay của khách hàng đến khi thu nợ nhằm đảm bảo an toàn vốn

tín dụng". Chất lượng cho vay trung và dài hạn tuỳ thuộc vào việc lập ra một quy trình cho vay đảm bảo tính logic khoa học và việc thực hiện tốt các bước trong quy trình cho vay TDH cũng như sự phối hợp chặt chẽ nhịp nhàng giữa các bước. Quy trình cho vay trung và dài hạn gồm ba giai đoạn chính:

+ Xét đề nghị vay của khách hàng và thực hiện cho vay TDH. Trong giai đoạn này chất lượng cho vay TDH phụ thuộc nhiều vào công tác thẩm định khách hàng và việc chấp hành các quy định về điều kiện, thủ tục cho vay của ngân hàng.

+ Kiểm tra, giám sát quá trình sử dụng vốn vay và theo dõi rủi ro. Việc thiết lập hệ thống kiểm tra hữu hiệu, áp dụng có hiệu quả các hình thức, biện pháp kiểm tra sẽ góp phần nâng cao chất lượng cho vay TDH.

+ Thu nợ và thanh lý: sự linh hoạt của ngân hàng trong khâu thu nợ sẽ giúp ngân hàng giảm thiểu được những rủi ro, hạn chế những khoản nợ quá hạn, bảo toàn vốn, nâng cao chất lượng cho vay TDH.

1.3.3. Nhân tố thuộc môi trường

Môi trường pháp lý: Môi trường pháp lý bao gồm hệ thống các văn bản, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn bộ hoạt động của các doanh nghiệp, NHTM và đặc biệt là hoạt động cho vay TDH. Các văn bản pháp lý có vai trò hướng dẫn hoạt động cho vay TDH, tạo điều kiện thuận lợi cho cho vay TDH phát triển, an toàn, phát huy vai trò đối với sự phát triển kinh tế xã hội, bảo vệ quyền và lợi ích của các bên tham gia.

Môi trường pháp lý có tác động lớn đến cho vay TDH của NHTM như các quy định về đối tượng cho vay, tỉ lệ đảm bảo an toàn, quy mô, giới hạn cho vay… nhằm đảm bảo an toàn cho cho vay TDH của NHTM.

Sự thay đổi chủ trương, chính sách của nhà nước cũng sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng. Khách hàng không thích nghi kịp thời sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh, thiếu hụt các nguồn thu phục vụ chi trả hoạt động trong đó có các khoản nợ vay NHTM, dẫn đến tình trạng không trả được nợ vay NHTM của khách hàng. Điều này làm giảm chất lượng cho vay TDH của NHTM. Tuy nhiên, nếu một môi trường pháp lý thống nhất, chặt chẽ và ổn định sẽ giúp cho hoạt động của các ngân hàng và doanh nghiệp an toàn, hiệu quả hơn, thông qua đó chất lượng cho vay TDH cũng sẽ được nâng lên.

Môi trường kinh tế xã hội: Tính ổn định hay bất ổn định về tình hình kinh tế và chính sách kinh tế của mỗi quốc gia luôn có tác động trực tiếp đến hoạt động kinh

doanh và hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp, tác động đến hoạt động cho vay TDH của NHTM. Nền kinh tế ổn định sẽ là điều kiện thuận lợi cho môi trường kinh doanh phát triển, nhu cầu tiêu dùng của dân cư tăng lên là cơ hội tốt cho việc tổ chức các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và thu được lợi nhuận cao, doanh nghiệp có nhu cầu đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh, do đó nhu cầu vay vốn của doanh nghiệp cũng được tăng lên, tạo điều kiện cho các NHTM tăng quy mô cho vay TDH góp phần vào sự thành công chung của ngân hàng.

Đối thủ cạnh tranh: Cạnh tranh là yếu tố tác động mạnh mẽ đến hoạt động kinh doanh chung của NHTM và chất lượng cho vay TDH nói riêng. Sự tác động đó diễn ra theo hai chiều hướng: thứ nhất, để chiếm ưu thế trong cạnh tranh ngân hàng luôn phải quan tâm tới đầu tư trang thiết bị tốt, tăng cường đội ngũ nhân viên có trình độ, củng cố và khuếch trương uy tín và thế mạnh của ngân hàng. Hướng tác động này đã tạo điều kiện nâng cao chất lượng cho vay TDH. Thứ hai, dưới áp lực của cạnh tranh gay gắt các ngân hàng có thể bỏ qua những điều kiện cho vay cần thiết để cho vay khiến cho độ rủi ro tăng lên, làm giảm chất lượng cho vay TDH.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CHẤT LƯỢNG CHO VAY TRUNG VÀ DÀI HẠN TẠI NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM – CHI NHÁNH PHÚ THỌ II

2.1. Khái quát về Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ II

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ II (Agribank Chi nhánh Phú Thọ II) là chi nhánh cấp I thuộc hệ thống Agribank, được thành lập năm 2018, thực hiện theo Đề án tái cơ cấu Agribank đã được Thống đốc ngân hàng Nhà nước Việt Nam phê duyệt, đồng thời căn cứ vào quy mô, mạng lưới và hoạt động của Agribank Chi nhánh Phú Thọ. Theo đó, Agribank Chi nhánh Phú Thọ II được thành lập trên cơ sở tách, đổi tên Agribank - Chi nhánh Gia Cẩm thuộc Agribank - Chi nhánh tỉnh Phú Thọ và được giao quản lý 5 chi nhánh cấp 2 (chi nhánh Thị xã Phú Thọ, chi nhánh Hạ Hòa, chi nhánh Phù Ninh, chi nhánh Đoan Hùng, chi nhánh Thanh Ba) và 3 phòng giao dịch trực thuộc (PGD Dữu Lâu, PGD Hùng Lô, PGD Thụy Vân). Khi mới chia tách, chi nhánh có tổng cán bộ nhân viên là 266 người. Đến thời điểm hiện tại, toàn Chi nhánh có tổng 270 cán bộ nhân viên.

Tuy mới trải qua 5 năm được thành lập và phát triển, nhưng Agribank Chi nhánh Phú Thọ II vẫn tiếp tục phát triển và lớn mạnh bởi chi nhánh đã có bề dày phát triển do tiền thân là Agribank - Chi nhánh Gia Cẩm. Chi nhánh đã chiếm lĩnh cơ bản thị trường nông nghiệp nông thôn, tăng dần thị phần ở địa bàn thành thị. Tính đầu năm 2023, thị phần của Agribank Chi nhánh Phú Thọ II chiếm 15,5%, tăng 1,4% so với năm 2021.

Không chỉ đồng hành phát triển nông nghiệp, nông thôn thông qua việc cung ứng vốn tín dụng, Agribank Chi nhánh Phú Thọ II cũng có nhiều chương trình an sinh xã hội tập trung về những xã khó khăn của tỉnh để chung tay cùng những xã này xây dựng nông thôn mới

2.1.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy

Cơ cấu bộ máy tổ chức của Agribank Chi nhánh Phú Thọ II được bố trí theo mô hình quản lý trực tuyến chức năng, cụ thể như Hình 2.1 dưới đây.

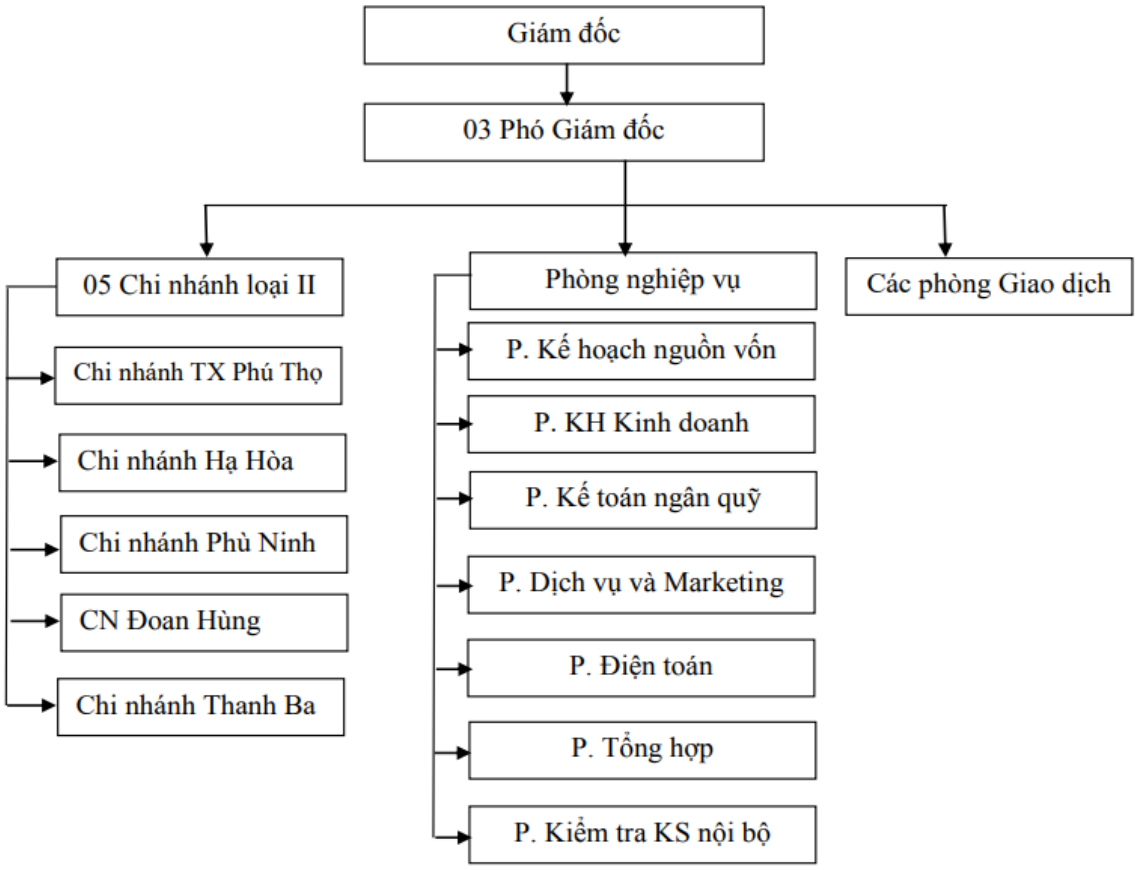

Hình 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy Agribank Chi nhánh Phú Thọ II

Nguồn: Phòng Tổng hợp, Agribank Chi nhánh Phú Thọ II

Chức năng của các bộ phận:

Cơ cấu tổ chức của Agribank – Chi nhánh Phú Thọ II tính đến thời điểm hiện nay đứng đầu là Ban giám đốc gồm có 01 Giám đốc và 03 Phó giám đốc. Ngân hàng Agribank – Chi nhánh Phú Thọ II có 07 phòng nghiệp vụ và có 5 chi nhánh cấp 2. Chức năng của các phòng ban chính tại chi nhánh được khái quát ngắn gọn như sau:

Ban giám đốc: Ban giám đốc có trách nhiệm quản lý mọi hoạt động của chi nhánh, hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động của cấp trên giao; đại diện cho chi nhánh ký kết hợp đồng với khách hàng đồng thời xử lý hoặc kiến nghị với cơ quan thẩm quyền xử lý các tổ chức hoặc cá nhân vi phạm chế độ tiền tệ, tín dụng, thanh toán của chi nhánh.

Phòng kế hoạch nguồn vốn: Phòng kế hoạch nguồn vốn kết hợp với phòng tín dụng và các bộ phận kinh doanh khác để xây dựng nhu cầu sử dụng vốn liên quan đến hoạt động khoản cấp tín dụng, đầu tư góp vốn, liên doanh, liên kết, tư vấn, dịch vụ tài chính, làm cơ sở để phòng kế hoạch nguồn vốn cân đối, điều hòa vốn của toàn Chi nhánh ngân hàng.

Phòng kế hoạch nguồn vốn cũng phối hợp cung cấp các thông tin về thị trường tiền tệ, thông tin về tỷ giá ngoại tệ để phục vụ cho mục tiêu kinh doanh của các bộ phận liên quan.

Phòng kế hoạch kinh doanh: Phòng kế hoạch kinh doanh bao gồm thực hiện chức năng kinh doanh tín dụng và kinh doanh ngoại hối. Về tín dụng, phòng có chức năng tổ chức, quản lý, triển khai các hoạt động cho vay đầu tư từ nguồn vốn của ngân hàng và các nguồn vốn huy động khác Cụ thể: Kể từ khi ngân hàng phát hành thông báo cho vay đến khách hàng, Phòng Tín dụng sẽ thực hiện các nghiệp vụ cho vay theo các quy chế, quy trình cho vay của ngân hàng.

Về kinh doanh ngoại hối, phòng có nhiệm vụ thực hiện quản lý trạng thái ngoại tệ, mua bán ngoại tệ đảm bảo tính thanh khoản toàn Ngân hàng và trong từng thời kỳ phù hợp với quy định hiện hành và chiến lược kinh doanh của ngân hàng. Bên cạnh đó phòng kinh doanh ngoại hối có trách nhiệm thực hiện giao dịch mua bán ngoại tệ trực tiếp với các tổ chức kinh tế, các tổ chức tín dụng, các định chế tài chính khác được phép hoạt động ngoại hối; Nghiên cứu, phân tích, đánh giá thị trường về ngoại hối, thị trường tiền tệ nhằm đưa ra các quyết định kinh doanh trong phạm vi được ủy quyền

Phòng kế toán ngân quỹ: Trực tiếp hạch toán, kế toán thống kê và thanh toán theo quy định của ngân hàng Nhà nước, xây dựng chỉ tiêu kế hoạch tài chính, quyết toán thu chi, chi quỹ tiền lương. Đồng thời tổng hợp, lưu trữ hồ sơ tài liệu và các báo cáo cũng như thực hiện các khoản nộp Ngân sách Nhà nước theo luật định.

Phòng dịch vụ và marketing: Nghiên cứu và xây dựng các chiến lược khách hàng, cũng như tìm hiểu và nâng cao chất lượng dịch vụ cung ứng để đáp ứng phù hợp với nhu cầu thị trường. Thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền, quảng cáo, tiếp thị theo chỉ đạo của ban lãnh đạo chi nhánh.

Phòng điện toán: Phòng điện toán tại chi nhánh ngân hàng có các nhiệm vụ tham mưu đề xuất xây dựng Hệ thống quản trị tổng thể của Chi nhánh

Phòng tổng hợp: Chủ trì phối hợp với các phòng ban, tổ chuyên môn nghiệp vụ xây dựng hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc; Quản trị các rủi ro về công nghệ thông tin, đảm bảo an ninh, an toàn mạng máy tính của toàn chi nhánh; Quản trị các hệ thống: mạng nội bộ, trang web, thư điện tử, cơ sở dữ liệu, tổng đài điện thoại; Hỗ trợ về mặt kỹ thuật tạo điều kiện cho người sử dụng khai thác tốt nhất tài nguyên và cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin tại ngân hàng.

Với nhiệm vụ xây dựng kế hoạch công tác hàng tháng, quý của chi nhánh, quản lý nhân sự, thường xuyên đôn đốc các phòng thực hiện theo kế hoạch đã được phê

duyệt. Đồng thời triển khai các chương trình giao ban nội bộ ngân hàng và chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn khác trên cùng địa bàn, chăm lo đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của các cán bộ, công nhân viên.

Phòng kiểm tra kiểm soát nội bộ: Tiến hành kiểm tra các công tác điều hành của chi nhánh và đơn vị trực thuộc, cũng như giám sát các quy trình nghiệp vụ kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật, nhằm đảm bảo an toàn trong hoạt động tiền tệ, tín dụng và dịch vụ ngân hàng.

Phòng giao dịch: Thực hiện các nghiệp vụ, trực tiếp giao dịch với khách hàng để huy động vốn bằng VNĐ và ngoại tệ, xử lý các nghiệp vụ cho vay, các nghiệp vụ thanh toán bảo lãnh theo đúng quy định của nhà nước và ngân hàng.

2.1.3. Kết quả kinh doanh giai đoạn 2021-2023

2.1.3.1. Hoạt động huy động vốn

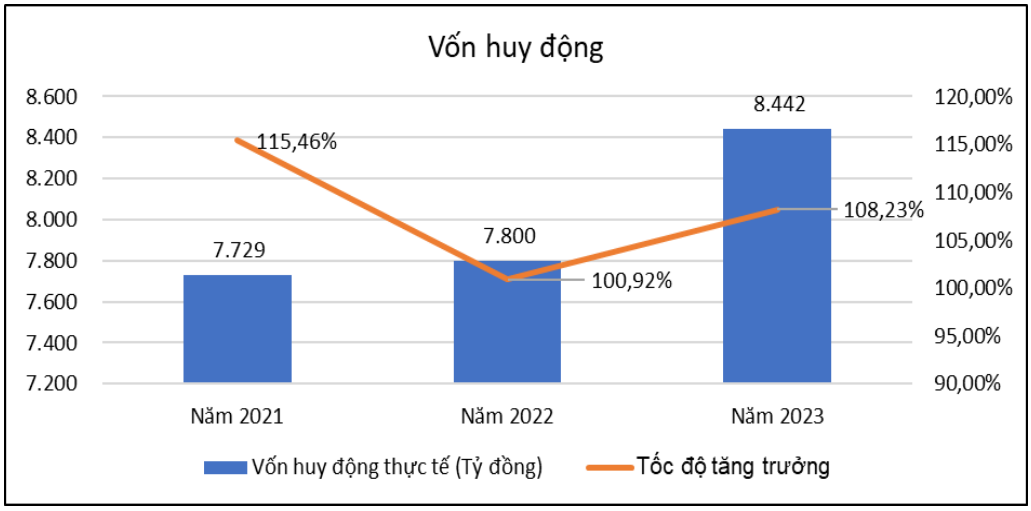

Biểu 2.1: Vốn huy động tại Agribank Chi nhánh Phú Thọ II

Nguồn: Báo cáo tổng kết HĐKD tại Agribank Chi nhánh Phú Thọ II, 2021-2023

Nguồn vốn huy động có vai trò vô cùng quan trọng đối với hoạt động của NTHM. Với đặc điểm vốn tự có của NHTM chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng nguồn vốn, do đó nguồn vốn chính của NHTM dùng để hoạt động kinh doanh là nguồn huy động. Nguồn vốn huy động luôn chiếm vị trí quan trọng đối với hoạt động của NHTM, nó vừa để duy trì hoạt động của đơn vị và cũng vừa đảm bảo và thể hiện uy tín hình ảnh và thương hiệu của ngân hàng trên địa bàn. Agribank Chi nhánh Phú Thọ II với đội ngũ cán bộ nhiệt tình năng động, Chi nhánh luôn theo sát tình hình diễn biến kinh tế thị trường tại địa phương để từ đó có những điều chỉnh linh hoạt về chính sách huy động vốn trên địa bàn. Các chương trình khuyến mại hấp dẫn, đảm bảo tăng trưởng ổn

định nguồn vốn, đồng thời tiếp cận và mở rộng thêm nhiều đối tượng khách hàng mới,... Vì vậy, nguồn vốn huy động của Chi nhánh liên tục tăng trưởng qua các năm gần đây, cho thấy sự tin tưởng của khách hàng đối với Chi nhánh ngày càng cao.

Kết quả cho thấy, tổng nguồn vốn huy động giai đoạn 2021 - 2023 của Agribank Chi nhánh Phú Thọ II có sự tăng trưởng dương. Cụ thể: năm 2021 đạt 7.729 tỷ đồng, năm 2022 đạt 7.800 tỷ đồng tăng 0,92% so với năm 2021. Năm 2023 vốn huy động đạt 8.442 tỷ đồng, tăng 642 tỷ đồng tức tăng 8,23% so với năm 2022. Điều này cho thấy mặc dù quy mô vốn huy động của Chi nhánh tăng nhưng tốc độ giảm mạnh so với năm 2021. Nguyên nhân của sự sụt giảm tốc độ tăng trưởng trong giai đoạn này là do lãi suất huy động của Chi nhánh thấp nhất so với khối các NHTM cổ phần lớn như BIDV, Vietcombank, Vietinbank và thấp hơn nhiều so với nhóm các NHTM cổ phần khác trên địa bàn như Sacombank, Techcombank… Đặc biệt là năm 2023, Agribank có sự điều chỉnh giảm lãi suất huy động đối với các khoản tiền gửi tiết kiệm từ 6 tháng trở lên từ 0,1% - 0,5%/năm tùy từng kỳ hạn. Ngay trong tháng 12 năm 2023, Agribank có lần giảm lãi suất thứ 3 kể từ đầu tháng 12. Theo biểu lãi suất huy động trực tuyến, kỳ hạn 1 và 2 tháng giảm 0,2 điểm phần trăm xuống chỉ còn 2%/năm. Agribank giữ nguyên lãi suất các kỳ hạn còn lại. Trước đó, ngày 22/12, Agribank giảm 0,5 điểm phần trăm lãi suất kỳ hạn 1-2 tháng, đồng thời giảm mạnh 0,8 điểm phần trăm lãi suất kỳ hạn 3-5 tháng và giảm 0,6 điểm phần trăm lãi suất đối với kỳ hạn 6-9 tháng... Mặt khác, trong giai đoạn dịch Covid-19, giá vàng trong nước và quốc tế biến động lớn. Điều này đã ảnh hưởng đến tâm lý đầu tư của nhiều người. Do đó, tại Chi nhánh xảy ra tình trạng khách hàng rút tiền tiết kiệm chuyển sang đầu tư vàng hoặc bất động sản vì lãi suất tại thời điểm này đã giảm.

2.1.3.2. Hoạt động tín dụng

Trong thời gian qua, với chiến lược chung của Agribank, Agribank Chi nhánh Phú Thọ II đã tập trung triển khai quyết liệt, đồng bộ nhiều giải pháp thúc đẩy tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả. Tín dụng tập trung vào sản xuất kinh doanh, nhất là lĩnh vực ưu tiên, các chương trình tín dụng chính sách, các chương trình mục tiêu quốc gia. Trong đó, Chi nhánh đã triển khai chính sách cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo Thông tư 02 của NHNN, triển khai chương trình tín dụng ưu đãi với quy mô 200 ngàn tỷ đồng, 8 lần điều chỉnh giảm lãi suất cho vay hỗ trợ trực tiếp các đối tượng khách hàng, chủ động nắm bắt, tháo gỡ khó khăn trong tiếp cận vốn. Cùng với thúc đẩy tăng trưởng, chất lượng tín dụng cũng được đặc biệt chú trọng, kiểm soát chặt chẽ, hạn chế nợ xấu phát sinh. Chi nhánh tăng cường kiểm tra giám sát, kỷ cương kỷ luật, đẩy mạnh xử lý, thu hồi nợ. Kết quả dư nợ của Agribank Chi nhánh Phú Thọ II được tổng hợp tại Bảng 2.1:

Bảng 2.1: Dư nợ của Agribank Chi nhánh Phú Thọ II, giai đoạn 2021 – 2023

(Đơn vị tính: Tỷ đồng)

Nội dung	2021		2022		2023	
	Số tiền	Tỷ trọng %	Số tiền	Tỷ trọng %	Số tiền	Tỷ trọng %
Theo đối tượng khách hàng						
- KHDN	813	11,65	917	11,59	505	6,19
- Khách hàng cá nhân	6.165	88,35	6.995	88,41	7.650	93,81
Theo thời gian cấp tín dụng						
- Nợ ngắn hạn	2.855	40,91	3.288	41,56	3.111	38,15
- Tổng trung dài hạn	4.123	59,09	4.624	58,44	5.044	61,85
+ Dư nợ trung hạn	3.778	54,14	4.312	54,50	4.756	58,32
+ Dư nợ dài hạn	345	4,94	312	3,94	288	3,53
Tổng Dư nợ	**6.978**	**100,00**	**7.912**	**100,00**	**8.155**	**100,00**

Nguồn: Báo cáo tổng kết HĐKD tại Agribank Chi nhánh Phú Thọ II, 2021-2023

Quy mô dư nợ tín dụng của Chi nhánh tăng đều qua các năm. Cụ thể: Dư nợ của Chi nhánh cũng chứng kiến sự tăng trưởng ổn định trong giai đoạn 2021 -2023, cụ thể năm 2021, dư nợ cho vay đạt 6.978 tỷ đồng, năm 2022, dư nợ đạt 7.912 tỷ đồng, tăng 934 tỷ đồng, tương ứng với tỷ lệ tăng 13,38% so với năm 2021. Đến năm 2023, dư nợ tiếp tục tăng lên mức 8.155 tỷ đồng, tăng 243 tỷ đồng, tức tăng 3,07% so với năm 2022. Dư nợ chủ yếu phục vụ cho các dự án sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, một số trang trại nhỏ lẻ, cá nhân, hộ gia đình và mục đích tiêu dùng cho các đối tượng hưởng lương trên địa bàn tỉnh Phú Thọ. Với thế mạnh cho vay phục vụ sản xuất nông nghiệp, nông thôn, Chi nhánh đã thực hiện các chương trình tín dụng ưu đãi của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) và Agribank cùng với nhiều cơ chế chính sách thuận lợi, Chi nhánh đã thực hiện cho vay chủ yếu đối với cá nhân, hộ gia đình. Cho vay hợp tác xã, doanh nghiệp chỉ chiếm tỷ trọng còn khiêm tốn (dưới 6,19% tổng dư nợ cho vay của Chi nhánh), dư nợ cho vay KHCN chiếm trên 93,81% tổng dư nợ và vẫn có có xu hướng tăng dần qua các năm. Mặt khác, hiện nay dư nợ cho vay của Chi nhánh chủ yếu tập trung cho vay trung dài hạn, với tỷ lệ chiếm khoảng 61,85% tổng dư nợ. Dư nợ cho vay ngắn hạn chiếm tỷ trọng 38,15% và tỷ trọng đang có xu hướng giảm dần.

2.1.3.3. Một số chỉ tiêu kết quả kinh doanh của Chi nhánh

Trong bối cảnh tín dụng tăng trưởng chậm, Agribank Chi nhánh Phú Thọ II đã linh hoạt triển khai công tác huy động vốn, tiết giảm chi phí hoạt động để có điều kiện giảm lãi suất cho vay nhằm hỗ trợ khách hàng. Nguồn vốn huy động tăng trưởng ổn định, Chi nhánh luôn sẵn sàng nguồn vốn phục vụ nhu cầu của người dân, doanh nghiệp, đảm bảo thanh khoản và các tỷ lệ an toàn hoạt động.

Agribank Chi nhánh Phú Thọ II là đơn vị trực tiếp kinh doanh và nhận khoán tài chính hàng năm theo kế hoạch chỉ tiêu được Agribank giao. Hoạt động kinh doanh của Agribank - Chi nhánh Phú Thọ II đã đạt được kết quả rất đáng khích lệ góp phần vào thành tích chung của Agribank. Kết quả hoạt động kinh doanh của Chi nhánh được tổng hợp tại Bảng 2.2:

Bảng 2.2: Kết quả hoạt động kinh doanh của Agribank Chi nhánh Phú Thọ II, giai đoạn 2021 – 2023

(Đơn vị tính: Tỷ đồng)

Nội dung	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	So sánh 2022/2021		So sánh 2023/2022	
				Số tiền	Tỷ lệ %	Số tiền	Tỷ lệ %
1. Tổng thu	**2.273**	**2.992**	**3.636**	**719**	**31,63**	**644**	**21,52**
1.1. Thu từ hoạt động tín dụng	2.144	2.853	3.490,2	709	33,07	637	22,33
1.2. Thu ngoài tín dụng	129	139	145,8	10	7,75	7	4,89
2. Tổng chi phí	**1.926**	**2.546**	**3.118**	**620**	**32,19**	**572**	**22,47**
2.1. Chi lãi tiền gửi	985	1.313	1.729,8	328	33,30	417	31,74
2.2. Chi trả lãi tiền vay	432	681	624,6	249	57,64	-56	-8,28
2.3. Chi hoạt động quản lý	89	86	95	-3	-3,37	9	10,47
2.4. Chi trả lương nhân viên	172	191	324	19	11,05	133	69,63
2.5. Chi về tài sản	27,8	27,3	51,48	-1	-1,80	24	88,57
2.6. Chi dự phòng rủi ro	155	206	229,6	51	32,90	24	11,46
2.7. Chi bảo hiểm tiền gửi	29,3	37,6	41,4	8	28,33	4	10,11
2.8. Chi khác	35,9	4,1	22,32	-32	-88,58	18	444,39
3. Lợi nhuận trước thuế	**347**	**446**	**518**	**99**	**28,53**	**72**	**16,14**

Nguồn: Báo cáo tổng kết HĐKD tại Agribank Chi nhánh Phú Thọ II, 2021-2023

Về tổng thu: Tổng thu của Chi nhánh có sự tăng trưởng dương qua các năm. Tổng thu năm 2021 đạt 2.273 tỷ đồng, năm 2022 đạt 2.992 tỷ đồng, tăng 31,63% so với năm 2021, đạt 105,6% so với kế hoạch đề ra. Đến năm 2023, tổng thu tiếp tục tăng

lên đạt 3.636 tỷ đồng, tăng 644 tỷ đồng, tức tăng 21,52% so với năm 2023, đạt 98,7% so với kế hoạch đề ra. Trong đó, thu từ hoạt động tín dụng luôn chiếm tỷ trọng cao nhất và chiếm trên 94% tổng thu của toàn Chi nhánh. Điều này chứng tỏ hoạt động tín dụng là hoạt động chính và quan trọng mang lại nguồn thu lớn cho Agribank Chi nhánh Phú Thọ II. Để đạt kết quả này, trong thời gian qua, Chi nhánh đã thực hiện rà soát lại toàn bộ hoạt động của ngân hàng và xây dựng chính sách phát triển đồng bộ. Trong đó, việc giao các chỉ tiêu cho cán bộ nhân viên được thực hiện theo từng tháng, không phân bổ khối lượng việc tổng thể như những năm trước

Thu ngoài tín dụng của Chi nhánh cũng có sự tăng trưởng qua các năm. Nguồn thu này có sự tăng trưởng giai đoạn. Thu ngoài tín dụng năm 2021 đạt 129 tỷ đồng chiếm 5,68% tổng thu của Chi nhánh, đến năm 2023 đạt 145,8 tỷ đồng, nhưng chiếm 4,01% tổng thu của Chi nhánh, tăng 4,89% so với năm 2022. Tuy khoản mục này chiếm tỷ trọng không cao trong tổng thu nhập nhưng đây là một nguồn thu có tính ổn định và lâu dài song song với hoạt động tín dụng. Các khoản thu từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và nguồn thu này đang có xu hướng tăng dần theo thời gian. Còn lại là thu từ hoạt động kinh doanh khác và thu nhập khác bao gồm: thu nợ đã xử lý rủi ro, thu nhập bất thường,… Do đó, trong thời gian tới, Chi nhánh cần tiếp tục đẩy mạnh hoạt động dịch vụ để tăng thêm nguồn thu cho ngân hàng.

Về chi phí: Cùng với sự tăng lên của tổng thu, tổng chi phí có sự biến động cùng chiều với tổng thu nhập. Tổng chi phí năm 2021 ở mức 1.926 tỷ đồng, năm 2022 đạt 2.546 tỷ đồng, tăng 32,19% so với năm 2021, đến năm 2023, tổng chi phí tiếp tục tăng lên mức 3.118 tỷ đồng, tăng 22,47% so với năm 2022. Có thể thấy, tốc độ tăng của tổng chi phí tăng cao hơn so với tăng thu. Trong đó, Chi trả lãi tiền gửi luôn chiếm tỷ trọng trên 51% tổng chi phí và có xu hướng tăng qua các năm. Bởi hoạt động huy động vốn là một trong những hoạt động tạo nguồn vốn chính yếu của Chi nhánh nên chi phí trả lãi là vấn đề vẫn được quan tâm hàng đầu trong việc quản trị chi phí. Còn lại là các khoản chi phí trả lãi tiền vay, chi phí hoạt động quản lý, chi trả lượng nhân viên, chi dự phòng rủi ro...

Về lợi nhuận trước thuế: Chi nhánh luôn đạt sự tăng trưởng dương về lợi nhuận trước thuế. Cụ thể, năm 2021 lợi nhuận trước thuế đạt 347 tỷ đồng, năm 2022 đạt 446 tỷ đồng, tăng 28,53% so với năm 2021. Đến năm 2023, lợi nhuận trước thuế tiếp tục tăng lên mức 518 tỷ đồng, tăng 16,14%. Có thể thấy, lợi nhuận trước thuế có sự tăng về quy mô nhưng tốc độ đã chậm dần. Do vậy, trong thời gian tới, Agribank Chi nhánh Phú Thọ II cần chủ động hơn nữa trong việc duy trì và phát huy hết nội lực đang có cũng như không ngừng nâng cao, mở rộng mạng lưới hoạt động để nâng cao hiệu quả kinh doanh.

2.2. Thực trạng chất lượng cho vay trung và dài hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ II

2.2.1. Quy trình, chính sách, sản phẩm cho vay trung và dài hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ II

2.2.1.1. Chính sách cho vay trung và dài hạn

Trong giai đoạn 2021- 2023, Agribank Chi nhánh Phú Thọ II triển khai cho vay trung và dài hạn theo Quyết định số 1225/QĐ-NHNo-TD của Tổng giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam ngày 18/6/2016, quy định, quy trình cho vay đối với khách hàng trong hệ thống Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

** Về đối tượng vay vốn*

- Đối với cá nhân:

+ Cá nhân Việt Nam từ đủ 18 tuổi trở lên có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định pháp luật Việt Nam;

Cá nhân Việt Nam từ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi không bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật có nhu cầu phát hành thẻ tín dụng hoặc vay vốn phục vụ đời sống theo hướng dẫn, sản phẩm cụ thể hoặc được bảo đảm đầy đủ bằng tài sản có tính thanh khoản cao;

+ Cá nhân nước ngoài sinh sống và làm việc tại Việt Nam có năng lực pháp luật dân sự và năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định pháp luật của nước mà cá nhân đó là công dân. Khi khách hàng xác lập, thực hiện các giao dịch dân sự tại Việt Nam thì năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự của khách hàng được xác định theo pháp luật Việt Nam;

+ Cá nhân không quá 65 tuổi tại thời điểm hết nghĩa vụ nợ với Agribank, trừ trường hợp thực hiện theo sản phẩm, hướng dẫn của Agribank hoặc phê duyệt của cấp có thẩm quyền tại trụ sở chính.

- Đối với pháp nhân:

+ Pháp nhân Việt Nam phải có năng lực pháp luật dân sự; người đại diện của pháp nhân phải có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định pháp luật Việt Nam;

+ Pháp nhân nước ngoài phải có năng lực pháp luật dân sự; người đại diện của pháp nhân phải có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của Pháp luật của nước nơi tổ chức đó được thành lập. Khi khách hàng xác lập, thực hiện các giao dịch dân sự tại Việt Nam thì năng lực pháp luật dân sự, năng lực

hành vi dân sự của người đại diện của tổ chức được xác định theo pháp luật Việt Nam.

** Quy định về mức cho vay*

Mức cho vay đối với khách hàng được Chi nhánh xác định trên cơ sở: nhu cầu thực tế, khả năng hoàn trả của khách hàn và không vượt quá tỷ lệ cho vay đối với từng loại TSĐB. Một số sản phẩm của Agribank quy định mức cho vay tối đa với một khách hàng như sau:

- Mức cho vay hỗ trợ tiêu dùng (không có tài sảm đảm bảo): mức cho vay tối đa cao 20 tháng thu nhập và không quá 500 triệu đồng.

- Mức cho vay đối cá nhân hộ gia đình vay vốn để phục vụ sản xuất kinh doanh nhưng chưa có giấy đăng ký kinh doanh tối đa 500 triệu đồng.

- Mức chi cho vay đối với sản phẩm tiêu dùng (có tài sảm đảm bảo) không có tài liệu chứng minh mục đích sử dụng vốn rõ ràng tối đa 500 triệu đồng.

- Mức cho vay các sản phẩm khác đảm bảo số tiền trả nợ (gốc và lãi) hàng tháng không vượt quá 80% thu nhập tích lũy chứng minh được của mỗi khách hàng.

** Quy định về thời hạn cho vay*

Tùy thuộc vào từng loại sản phẩm, tùy theo từng giai đoạn và khả năng đáp ứng nguồn vốn của Chi nhánh, Chi nhánh xem xét cho vay tối đa trong thời gian nhất định. Hiện tại Chi nhánh xem xét cho vay với thời hạn không quá 15 năm.

** Quy trình cho vay trung và dài hạn*

Quy trình cho vay TDH được Agribank Chi nhánh Phú Thọ thực hiện như sau:

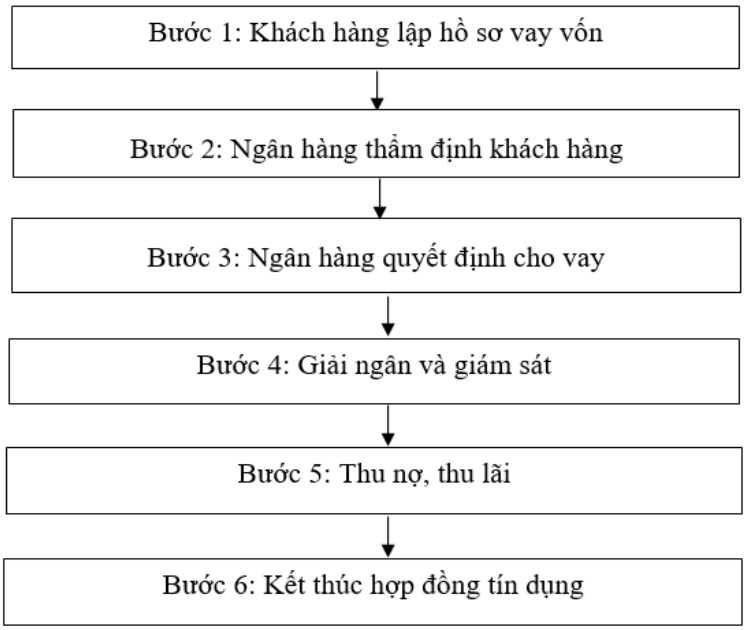

Hình 2.2: Quy trình cho vay trung và dài hạn tại Agribank Chi nhánh Phú Thọ II

Nguồn: Phòng Kế hoạch kinh doanh, Agribank Chi nhánh Phú Thọ II

b. Các sản phẩm cho vay trung và dài hạn

Agribank Chi nhánh Phú Thọ II thực hiện triển khai các sản phẩm do Hội sở đưa ra. Các sản phẩm mà Chi nhánh đã và đang triển khai gồm:

- Cho vay theo hạn mức quy mô nhỏ đối với khách hàng cá nhân: việc Agribank nơi cho vay thỏa thuận cho khách hàng vay một hạn mức dư nợ tối đa được duy trì trong một thời hạn nhất định. Áp dụng đối với khách hàng cá nhân, hộ gia đình có nhu cầu vay vốn để thanh toán các chi phí hoạt động kinh doanh, phục vụ nhu cầu đời sống; loại cho vay bao gồm ngắn hạn và/hoặc trung hạn. Việc Agribank nơi cho vay thỏa thuận cho khách hàng vay một hạn mức dư nợ tối đa được duy trì trong một thời hạn nhất định. Áp dụng đối với khách hàng cá nhân, hộ gia đình có nhu cầu vay vốn để thanh toán các chi phí hoạt động kinh doanh, phục vụ nhu cầu đời sống. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay tối đa 03 (ba) năm kể từ ngày ký kết Hợp đồng hạn mức cho vay.

- Cho vay bù đắp tài chính: việc Agribank cho khách hàng vay để bù đắp những khoản chi phí mà khách hàng đã sử dụng trước đó để thực hiện phương án, dự án hoạt động kinh doanh, nhu cầu vốn phục vụ đời sống (Đối tượng chi phí thuộc đầu tư tài sản cố định).

- Cho vay đầu tư vốn cố định dự án sản suất kinh doanh: Agribank cho khách hàng doanh nghiệp có nhu cầu vay vốn phục vụ chi phí đầu tư TSCĐ như máy móc, thiết bị, nhà xưởng. Mức cho vay theo thỏa thuận, khách hàng có vốn tự có tham gia tối thiểu 15% tổng nhu cầu vốn. Lãi suất được cố định hoặc thả nổi.

- Cho vay hợp vốn: Cung cấp sản phẩm đối với KHDN có nhu cầu sử dụng vốn vay cho sản xuất kinh doanh, dự án đầu tư. Khách hàng có vốn tự có tối thiểu 10% tổng nhu cầu vốn vay ngắn hạn và 20% tổng nhu cầu vốn vay TDH đối với NĐ41 và QĐ63; 25% đối với khách hàng khác. Đối tượng Khách hàng là pháp nhân có nhu cầu vay vốn vượt khả năng của Agribank hoặc vượt quá 25% vốn tự có của Agribank.

- Cho vay các dự án theo chỉ định Chính phủ: Thông qua sản phẩm này, Agribank hỗ trợ chi phí phục vụ sản xuất, kinh doanh thuộc các dự án bằng nguồn vốn chỉ định của Chính phủ cho KHDN có nhu cầu, đáp ứng đủ điều kiện vay vốn của dự án. Mức cho vay theo chỉ định tại các văn bản quy định của Chính phủ. Lãi suất được cố định hoặc thả nổi.

- Cho vay xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mua nhà ở: Áp dụng cho KHCN, đáp ứng nhu cầu của cá nhân, hộ gia đình vay để sửa chữa, mua mới nhà ở. Hạn mức cho vay tối đa 85% tổng nhu cầu vốn theo dự toán hoặc tổng giá trị hợp đồng mua bán nhà. Thời gian vay tối đa 15 năm.

- Cho vay hỗ trợ du học: áp dụng cho KHCN, đáp ứng nhu cầu cá nhân đi du học, hộ gia đình có thân nhân du học sinh. Mức cho vay theo thỏa thuận, không quá 85% chi phí. Lãi suất cố định và thả nổi.

2.2.2. Phân tích thực trạng chất lượng cho vay trung và dài hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ II

2.2.2.1. Quy mô và cơ cấu

(1) Tăng trưởng dư nợ trung và dài hạn

Bảng 2.3. Dư nợ trung dài hạn của Agribank Chi nhánh Phú Thọ II

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		So sánh 2022/2021		So sánh 2023/2022	
	Số tiền	Tỷ trọng %	Số tiền	Tỷ trọng %	Số tiền	Tỷ trọng %	Khách hàng	Tỷ lệ tăng trưởng (%)	Khách hàng	Tỷ lệ tăng trưởng (%)
Dư nợ trung hạn	3.778	91,63	4.312	93,25	4.756	94,29	534	14,13	444	10,30
Dư nợ dài hạn	345	8,37	312	6,75	288	5,71	-33	-9,57	-24	-7,69
Tổng dư nợ TDH	4.123	100,00	4.624	100,00	5.044	100,00	501	12,15	420	9,08

Nguồn: Báo cáo tổng kết HĐKD tại Agribank Chi nhánh Phú Thọ II, 2021-2023

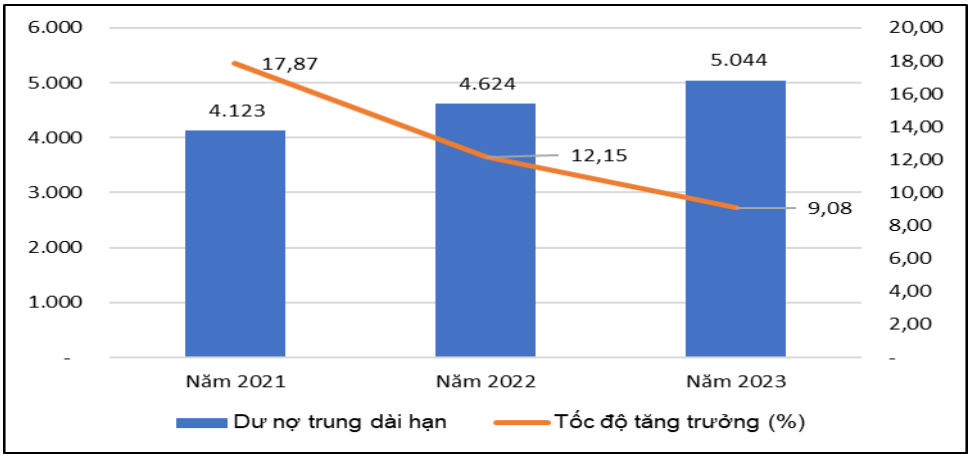

Biểu 2.2: Dư nợ trung dài hạn tại Agribank Chi nhánh Phú Thọ II

Nguồn: Báo cáo tổng kết HĐKD tại Agribank Chi nhánh Phú Thọ II, 2021-2023

Dư nợ TDH của Chi nhánh năm 2021 đạt 4.123 tỷ đồng, tăng 17,87% so với năm 2020, năm 2022 dư nợ TDH tăng lên 4.624 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng đạt 12,15% so vơi với năm 2021 và đến năm 2023, dư nợ TDH tiếp tục tăng lên 5.044 tỷ đồng nhưng tốc độ tăng trưởng dư nợ TDH chỉ đạt 9,08%/năm. Sở dĩ quy mô cho vay TDH của Chi nhánh tăng qua các năm là do mặt bằng lãi suất của Chi nhánh có sự

điều chỉnh giảm theo chính sách lãi suất cho vay của Hội sở Agribank. Theo báo cáo hoạt động kinh doanh năm 2023 của Chi nhánh, trong năm 2023, Agribank đã giảm 14 lần lãi suất huy động, 7 lần giảm lãi suất cho vay trở thành ngân hàng giảm lãi suất cho vay nhiều nhất trong hệ thống ngân hàng. Đối với nhu cầu vay mới phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, mức lãi suất cho vay ngắn hạn chỉ từ 5%/năm, lãi suất cho vay TDH chỉ từ 8%/năm. Tính đến thời điểm hiện tại, lãi suất cho vay của Agribank đã giảm mạnh với mức giảm từ 2% đến 4%/năm so với đầu năm.

(3) Tỷ trọng dư nợ trung và dài hạn trên tổng dư nợ cho vay

Bảng 2.4: Tỷ trọng dư nợ trung và dài hạn trên tổng dư nợ tại Agribank Chi nhánh Phú Thọ II

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Dư nợ trung dài hạn	Tỷ đồng	4.123	4.624	5.044
Tổng dư nợ	Tỷ đồng	6.978	7.912	8.155
Tỷ trọng dư nợ TDH/tổng dư nợ (%)	%	59,09	58,44	61,85

Nguồn: Báo cáo tổng kết HĐKD tại Agribank Chi nhánh Phú Thọ II, 2021-2023

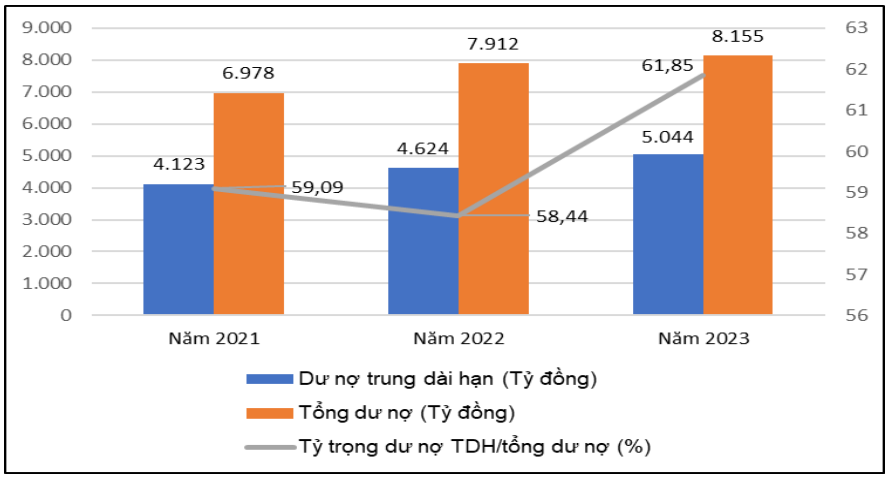

Biểu 2.3: Tỷ trọng dư nợ trung dài hạn tại Agribank Chi nhánh Phú Thọ II

Nguồn: Báo cáo tổng kết HĐKD tại Agribank Chi nhánh Phú Thọ II, 2021-2023

Bảng 2.4 và Biểu 2.3 cho thấy, dư nợ TDH của Chi nhánh luôn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng dư nợ. Cụ thể: tỷ trọng dư nợ TDH trên tổng dư nợ (%) lần lượt qua các năm là 59,09%, 58,44% và 61,85%. Mặc dù năm 2021 - 2023, tình hình kinh tế tại tỉnh Phú Thọ còn nhiều khó khăn, nhưng với vai trò chủ lực trong lĩnh vực tín dụng nông nghiệp, nông thôn, thời gian qua Agribank Chi nhánh Phú Thọ II luôn ưu tiên nguồn vốn triển khai có hiệu quả nhiều chương trình tín dụng trọng điểm và các chương trình tín dụng chính sách phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn. Chi nhánh đã đã bám

sát sự chỉ đạo của cấp trên, điều hành hoạt động kinh doanh linh hoạt, phù hợp với tình hình thực tế trên địa bàn; tiếp tục đưa ra nhiều giải pháp nhằm đưa các gói sản phẩm, dịch vụ đến gần hơn với người dân và doanh nghiệp trong đó đặc biệt chú trọng đến nhóm khách hàng cá nhân, gia đình, doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Cùng với 5 chi nhánh cấp 2 (chi nhánh Thị xã Phú Thọ, chi nhánh Hạ Hòa, chi nhánh Phù Ninh, chi nhánh Đoan Hùng, chi nhánh Thanh Ba) và 3 phòng giao dịch trực thuộc (PGD Dữu Lâu, PGD Hùng Lô, PGD Thụy Vân) đã tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là người dân tả ngạn sông Thao tiếp cận nguồn vốn và sử dụng các sản phẩm, dịch vụ của Agribank. Số khách hàng sử dụng các sản phẩm dịch vụ cho vay TDH của Chi nhánh ngày càng tăng, dư nợ TDH cũng có xu hướng tăng.

(4) Cơ cấu dư nợ trung và dài hạn

* Cơ cấu dư nợ trung và dài hạn theo loại tiền

Bảng 2.5. Dư nợ trung dài hạn theo loại tiền của Agribank Chi nhánh Phú Thọ II

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023	
	Số tiền	Tỷ trọng %	Số tiền	Tỷ trọng %	Số tiền	Tỷ trọng %
Dư nợ trung dài hạn	**4.123**	**100,00**	**4.624**	**100,00**	**5.044**	**100,00**
- VNĐ	4.053	98,30	4.548	98,36	4.963	98,39
- Ngoại tệ quy đổi	70	1,70	76	1,64	81	1,61

Nguồn: Báo cáo tổng kết HĐKD tại Agribank Chi nhánh Phú Thọ II, 2021-2023

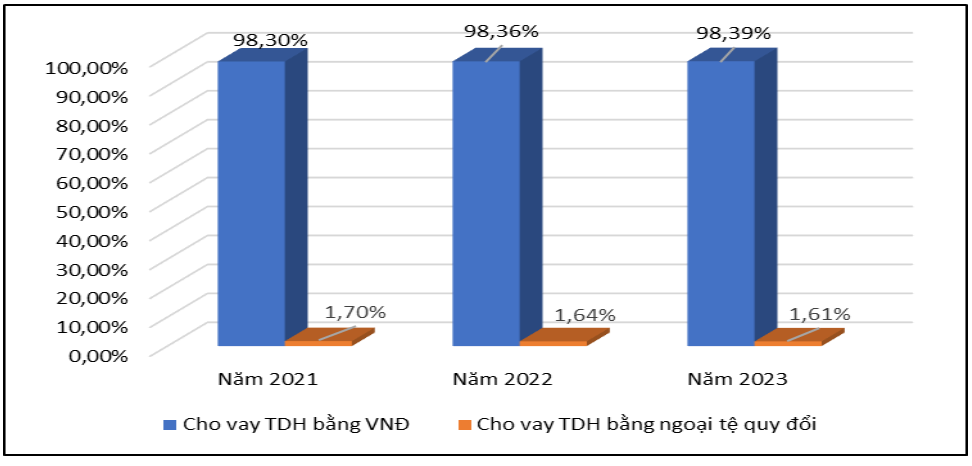

Biểu 2.4: Tỷ trọng dư nợ trung dài hạn theo loại tiền tại Agribank Chi nhánh Phú Thọ II

Nguồn: Báo cáo tổng kết HĐKD tại Agribank Chi nhánh Phú Thọ II, 2021-2023

Theo Bảng 2.5 và Biểu 2.4 cho thấy, Chi nhánh chủ yếu cho vay NVĐ, tỷ trọng cho vay TDH bằng VNĐ luôn chiếm trên 98%, có còn dưới 1,7% là dư nợ cho vay bằng ngoại tệ quy đổi VND. Điều này chứng tỏ nhu cầu vay vốn bằng ngoại tệ tại Chi nhánh còn khá khiêm tốn. Trong khi xét về lâu dài, các khách hàng kinh doanh trong lĩnh vực xuất nhập khẩu trên địa bàn còn khá nhiều, nhu cầu sử dụng ngoại tệ cao, thị trường tiềm ẩn lớn. Điều này có thể làm cho chất lượng cho vay TDH của Chi nhánh giảm khi bị hạn chế cho vay ngoại tệ hay không đáp ứng nhu cầu vay ngoại tệ của khách hàng. Do đó, trong thời gian tới, Chi nhánh nên phát triển cho vay TDH theo ngoại tệ.

** Cơ cấu dư nợ trung và dài hạn theo đối tượng khách hàng*

Dư nợ TDH theo đối tượng khách hàng được tổng hợp tại Bảng 2.6:

Bảng 2.6. Dư nợ trung dài hạn theo khách hàng của Agribank Chi nhánh Phú Thọ II

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023	
	Số tiền	Tỷ trọng %	Số tiền	Tỷ trọng %	Số tiền	Tỷ trọng %
Dư nợ trung dài hạn	**4.123**	**100,00**	**4.624**	**100,00**	**5.044**	**100,00**
- KHCN	3.412	82,76	3.974	85,94	4.573	90,66
- KHDN	711	17,24	650	14,06	471	9,34
+ DN lớn	331	46,55	367	56,46	383	81,32
+ DNNVV	380	53,45	283	43,54	88	18,68

Nguồn: Báo cáo tổng kết HĐKD tại Agribank Chi nhánh Phú Thọ II, 2021-2023

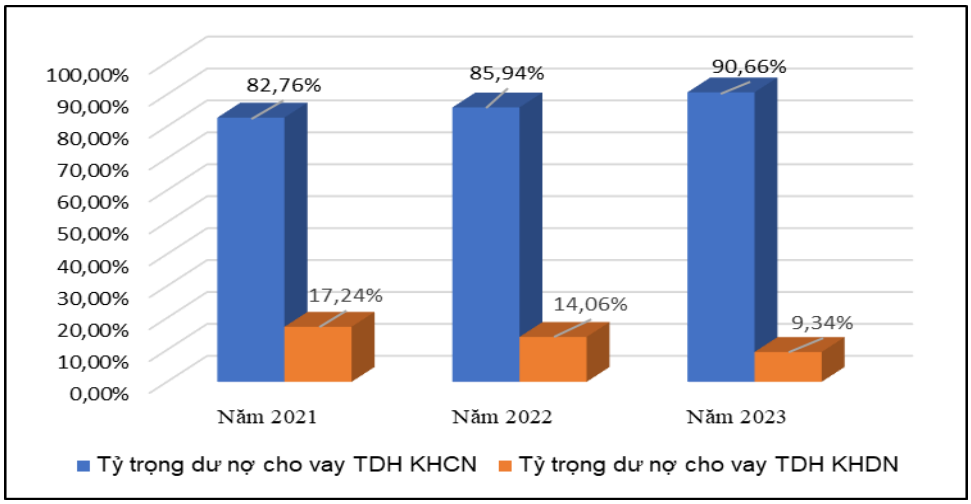

Biểu 2.5: Tỷ trọng dư nợ trung dài hạn theo khách hàng tại Agribank Chi nhánh Phú Thọ II

Nguồn: Báo cáo tổng kết HĐKD tại Agribank Chi nhánh Phú Thọ II, 2021-2023

Theo Bảng 2.6 và Biểu 2.5, dư nợ cho vay TDH của KHCN tại Chi nhánh luôn chiếm tỷ trọng từ 82,76% đến 90,66% tổng dư nợ TDH. Còn lại dưới 10% là cho vay TDH đối với KHDN. Trong thời gian qua, cùng hệ thống ngân hàng trên địa bàn tỉnh, Agribank Chi nhánh Phú Thọ II đã tiên phong, tích cực cùng cộng đồng chung tay phòng, chống dịch COVID-19. Những chương trình tín dụng với lãi suất ưu đãi dành cho khách hàng, những biện pháp cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn giảm phí dịch vụ… giúp khách hàng sớm vượt qua khó khăn do ảnh hưởng bởi đại dịch đã được Agribank triển khai sớm, đồng bộ và quyết liệt. Agribank Chi nhánh Phú Thọ II đã và đang quyết liệt triển khai kịp thời các gói vay ưu đãi theo chỉ đạo của Agribank Việt Nam, tập trung nguồn lực tài chính chia sẻ khó khăn, hỗ trợ người dân, khách hàng hộ sản xuất và doanh nghiệp, góp phần đưa sản xuất, kinh doanh hồi phục nhanh sau đại dịch. Bám sát định hướng, chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước (NHNN), Agribank, Chi nhánh đã thực hiện chính sách tín dụng TDH theo hướng tập trung vốn cho sản xuất, kinh doanh, tiết giảm chi phí, giảm lãi suất cho vay để hỗ trợ khách hàng, ưu tiên đầu tư tăng trưởng tín dụng đối với khách hàng là cá nhân, hộ sản xuất, DN lớn, DNNVV, cho vay các lĩnh vực ưu tiên, đặc biệt là các lĩnh vực thiết yếu, các ngành nghề bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh… Cùng với đó là thực hiện các giải pháp cơ cấu thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí giữ nguyên nhóm nợ theo chỉ đạo của Chính phủ, NHNN. Do vậy, dư nợ của KHCN, DN lớn tại Chi nhánh đều có sự tăng trưởng về quy mô. Tuy nhiên, xét về cơ cấu cho vay TDH tại Chi nhánh cho thấy, dư nợ TDH chủ yếu tập trung ở nhóm KHCN, còn dư nợ TDH KHDN chỉ chiếm dưới 10%, trong đó, dư nợ TDH của DNNVV hiện khá thấp và chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng dư nợ TDH (từ 1,74% đến 9,22%) và đang giảm nhanh. Nguyên nhân là do trên địa bàn có nhiều DNNVV hoạt động chưa hiệu quả, không đáp ứng được yêu cầu vay vốn của Chi nhánh nên dư nợ của đối tượng DNNVV giảm mạnh.

Xét về cơ cấu dư nợ TDH theo đối tượng khách hàng cho thấy, trong giai đoạn 2021 – 2023, Chi nhánh đang tập trung cho vay chủ yếu là KHCN, còn cho vay TDH đối với KHDN còn rất thấp. Điều này mặc dù phù hợp với đặc điểm KHDN trên địa bàn, nhất là sau đại dịch Covid -19, nhiều doanh nghiệp chưa thể hồi phục hoạt động ngay; mặc dù có nhu cầu vay nhưng do tình hình tài chính yếu dẫn đến các doanh nghiệp này không thể tiếp cận được với nguồn vốn của Chi nhánh. Thêm vào đó, một KHDN của Chi nhánh do ảnh hưởng của đại dịch, không duy trì được hoạt động buộc phải thu hẹp quy mô hoạt động hoặc tuyên bố phá sản. Vì vậy, dư nợ TDH đối với KHDN tại Chi nhánh khá thấp. Điều này chứng tỏ Chi nhánh phụ thuộc nhiều vào nhóm KHCN, chất lượng cho vay TDH của Chi nhánh phụ thuộc vào KHCN, mức độ phân tán rủi ro thấp. Điều này làm hạn chế chất lượng cho vay TDH của Chi nhánh

** Cơ cấu dư nợ trung và dài hạn theo ngành kinh doanh*:

Bảng 2.7. Dư nợ trung dài hạn theo ngành kinh doanh của Agribank Chi nhánh Phú Thọ II

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023	
	Số tiền	Tỷ trọng %	Số tiền	Tỷ trọng %	Số tiền	Tỷ trọng %
Dư nợ trung dài hạn	**4.123**	**100,00**	**4.624**	**100,00**	**5.044**	**100,00**
- Nông nghiệp	3.010	73,01	3.584	77,51	3.976	78,83
- Thương mại dịch vụ	568	13,78	603	13,04	621	12,31
- Công nghiệp	371	9,00	392	8,48	403	7,99
- Khác	174	4,22	45	0,97	44	0,87

Nguồn: Báo cáo tổng kết HĐKD tại Agribank Chi nhánh Phú Thọ II, 2021-2023

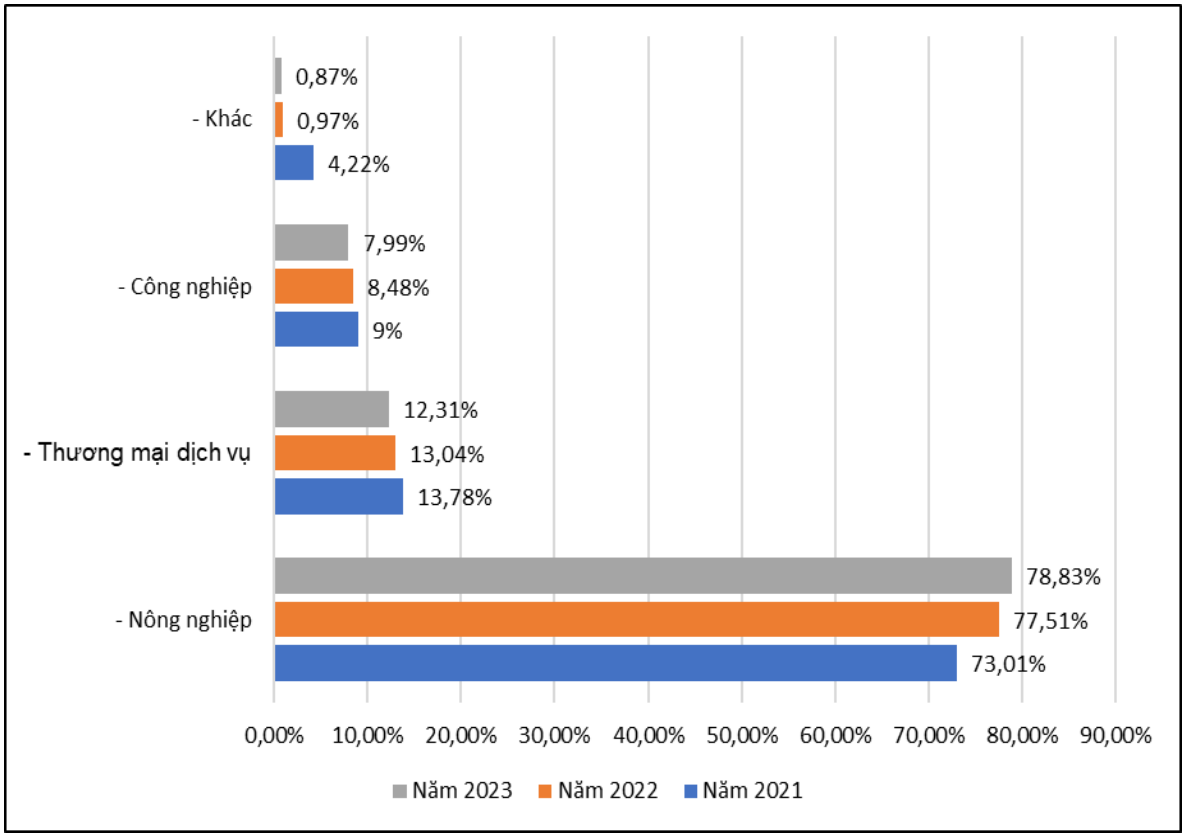

Biểu 2.6: Tỷ trọng dư nợ trung dài hạn theo ngành kinh doanh tại Agribank Chi nhánh Phú Thọ II

Nguồn: Báo cáo tổng kết HĐKD tại Agribank Chi nhánh Phú Thọ II, 2021-2023

Kết quả cho thấy, Chi nhánh hiện tập trung cho vay TDH đối với lĩnh vực nông nghiệp, tỷ trọng dư nợ TDH lĩnh vực nông nghiệp luôn chiếm tỷ trọng từ 73,01% đến 78,83%. Tỷ trọng dư nợ TDH đối với lĩnh vực thương mại dịch vụ chiếm khoảng từ

12,31% đến 13,79% nhưng tỷ trọng đang giảm dần. Tỷ trọng dư nợ TDH ngành công nghiệp chỉ chiếm khoảng 7,99% đến 9%. Còn lại dưới 4,22% là các ngành khác. Giai đoạn 221 - 2023 hầu hết hoạt động sản xuất kinh doanh của các thành phần kinh tế trong nước gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp trong các lĩnh vực bất động sản, xây dựng, xuất nhập khẩu, may mặc, nhiên liệu... Các chuỗi sản xuất, cung ứng, tiêu thụ bị ảnh hưởng đã tác động đến hoạt động kinh doanh của nền kinh tế nói chung cũng như của ngành Ngân hàng nói riêng. Trước tình hình đó, theo chỉ đạo của Hội sở Agribank, Agribank Phú Thọ II tiếp tục đẩy mạnh ưu tiên nguồn vốn vay cho nông nghiệp, nông thôn, đặc biệt là cho vay đối với DN lớn, hộ sản xuất, DNNVV; tập trung cho vay 5 nhóm đối tượng và lĩnh vực ưu tiên (phát triển nông nghiệp, nông thôn; kinh doanh hàng xuất khẩu; doanh nghiệp nhỏ và vừa; công nghiệp hỗ trợ; doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao) gắn với việc phát triển, mở rộng các sản phẩm dịch vụ của Agribank nhằm tăng trưởng dịch vụ, tăng năng suất lao động, giảm thiểu rủi ro; nâng cao năng lực cạnh tranh với các NHTM và TCTD khác. Điều này phù hợp với đặc điểm kinh doanh của Agribank nói chung và Agribank Chi nhánh Phú Thọ II nói riêng. Là một ngân hàng "Tam nông" nên Chi nhánh luôn ưu tiên cho vay phát triển lĩnh vực nông nghiệp. Tuy nhiên, với cơ cấu cho vay theo ngành kinh doanh như hiện tại, Chi nhánh có nhiều rủi ro tiềm ẩn hay chất lượng cho vay chưa cao vì kinh doanh lĩnh vực nông nghiệp là loại hình kinh doanh chịu nhiều tác động trực tiếp của điều kiện khí hậu, thời tiết, thiên tai, dịch bệnh. Do đó, Chi nhánh cần thực hiện phân tán rủi ro, tăng cường cho vay đối với lĩnh vực công nghiệp, thương mại dịch vụ… nhằm hạn chế rủi ro, nâng cao chất lượng cho vay TDH trong thời gian tới.

** Cơ cấu dư nợ trung và dài hạn theo mục đích sử dụng vốn*

Bảng 2.8. Dư nợ trung dài hạn theo mục đích sử dụng vốn của Agribank Chi nhánh Phú Thọ II

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023	
	Số tiền	Tỷ trọng %	Số tiền	Tỷ trọng %	Số tiền	Tỷ trọng %
Dư nợ trung dài hạn	**4.123**	**100,00**	**4.624**	**100,00**	**5.044**	**100,00**
- Vay sản xuất kinh doanh	2.536	61,51	2.889	62,48	3.217	63,78
- Vay tiêu dùng	1.587	38,49	1.735	37,52	1.827	36,22

Nguồn: Báo cáo tổng kết HĐKD tại Agribank Chi nhánh Phú Thọ II, 2021-2023

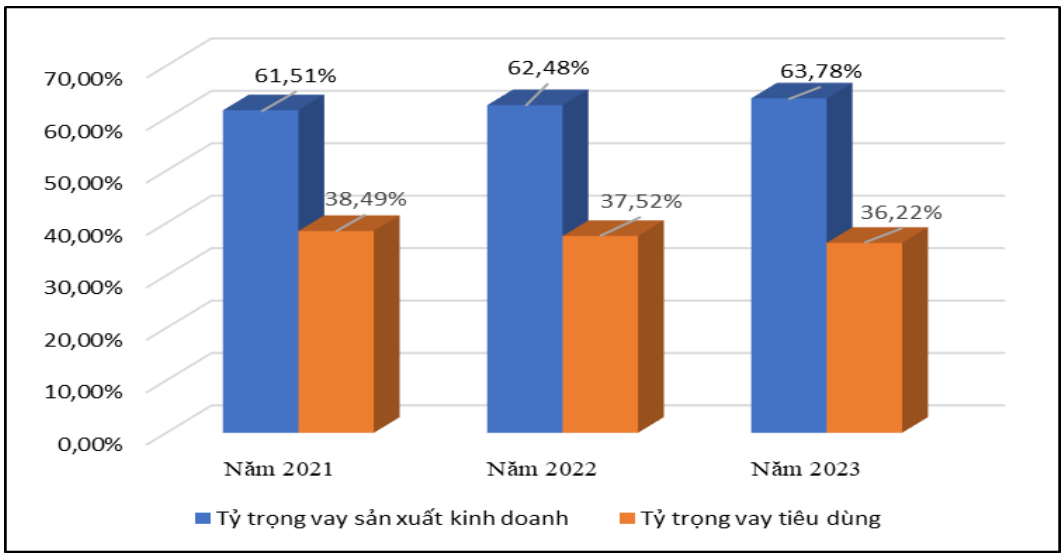

Biểu 2.7: Tỷ trọng dư nợ trung dài hạn theo mục đích sử dụng vốn tại Agribank Chi nhánh Phú Thọ II

Nguồn: Báo cáo tổng kết HĐKD tại Agribank Chi nhánh Phú Thọ II, 2021-2023

Là ngân hàng của nông nghiệp, nông dân, với dư nợ cho vay lĩnh vực "tam nông" luôn chiếm trên 70% tổng dư nợ, trong thời gian qua, Chi nhánh đã xây dựng đồng bộ các giải pháp để đưa chính sách vào cuộc sống như phối hợp với chính quyền các cấp từ huyện, xã, khu hành chính thành lập Ban chỉ đạo phối hợp với Ngân hàng để triển khai thực hiện. Trong năm 2021, riêng chính sách tín dụng phục vụ phát triển sản xuất kinh doanh Nông nghiệp nông thôn theo Nghị định 55/2015/NĐ-CP và Nghị định 116/2018/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 55/2015/NĐ-CP doanh số cho vay đạt gần 10.000 tỉ đồng. Bên cạnh hỗ trợ lãi suất cho khách hàng, Agribank Chi nhánh Phú Thọ II tiếp tục thực hiện đơn giản hóa thủ tục vay vốn, bảo đảm an toàn vốn vay, nâng cao khả năng thẩm định để rút ngắn thời gian giải quyết cho vay, tạo điều kiện cho khách hàng tiếp cận vốn tín dụng, thực hiện chính sách cho vay nông nghiệp, nông thôn hiệu quả, góp phần hạn chế, đẩy lùi tình trạng cho vay nặng lãi và hoạt động tín dụng đen. Do đó, dư nợ TDH phục vụ sản xuất kinh doanh luôn chiếm tỷ trọng lớn hơn so với dư nợ TDH phục vụ tiêu dùng. Kết quả cho thấy, dư nợ TDH phục vụ sản xuất kinh doanh chiếm tỷ trọng từ 61,51% đến 63,78% và có xu hướng tăng dần. Từ cuối tháng 6/2021, Chi nhánh tập trung triển khai chương trình cho vay tiêu dùng lãi suất ưu đãi đối với khách hàng cá nhân khu vực đô thị nhằm hỗ trợ người dân giải quyết những vấn đề khó khăn do đại dịch COVID-19 gây ra. Do đó, dư nợ TDH phục vụ sản xuất kinh doanh và tiêu dùng đều tăng về quy mô.

Trong thời gian qua, Chi nhánh đã tích cực triển khai các giải pháp hỗ trợ người dân và doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn theo đúng tinh thần của Nghị định 31/NĐ-CP. Chi nhánh cũng tiến hành triển khai cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ

nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh và khách hàng gặp khó khăn trả nợ vay phục vụ nhu cầu đời sống, tiêu dùng theo Thông tư 02/2023/TT-NHNN ngày 23/4/2023 của NHNN và chủ trương của Agribank Việt Nam; liên tục điều chỉnh giảm lãi suất tối đa 3% đối với khách hàng là pháp nhân vay vốn với mục đích kinh doanh bất động sản gặp khó khăn; điều chỉnh giảm tối thiểu 0,5% lãi suất đối với các khách hàng hiện có dư nợ trung dài hạn bằng VNĐ tại Chi nhánh nhằm nâng cao chất lượng cho vay TDH. Tuy nhiên, tỷ trọng cho vay tiêu dùng tại Chi nhánh chiếm khoảng từ 36,22% đến 38,49% và tỷ trọng đang giảm dần qua các năm. Cơ cấu dư nợ TDH theo mục đích sử dụng vốn hiện phù hợp với kế hoạch của Chi nhánh nên chưa ảnh hưởng đến chất lượng cho vay TDH của Chi nhánh.

(5) Doanh số cho vay (DSCV) trung và dài hạn

Trên địa bàn tỉnh Phú Thọ có nhiều chi nhánh của các NHTM, để thu hút khách hàng vay vốn TDH tại Agribank Chi nhánh Phú Thọ II, Chi nhánh đã triển khai nhiều biện pháp như tư vấn giới thiệu các sản phẩm mà Agribank cung cấp, lựa chọ cho khách hàng những sản phẩm vay phù hợp, áp dụng lãi suất cạnh tranh... cùng với mạng lưới hoạt động rộng khắp cũng như độ phủ lớn nhất trong hệ thống ngân hàng của Việt Nam nên Chi nhánh có lợi thế trong việc thu hút các khách hàng không chỉ trong lĩnh vực nông nghiệp mà lĩnh vực khác cũng được ưu tiên. Thực hiện chủ trương phát triển kinh tế của Đảng, Nhà nước trên địa bàn, thực hiện kế hoạch kinh doanh được Agribank giao, những năm qua Agribank Chi nhánh Phú Thọ II luôn đáp ứng đủ yêu cầu về vốn cho các cá nhân, hộ kinh doanh, các doanh nghiệp trên địa bàn. Doanh số cho vay trung dài hạn tăng hàng năm.

Bảng 2.9. Doanh số cho vay trung dài hạn của Agribank Chi nhánh Phú Thọ II

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	So sánh 2022/2021		So sánh 2023/2022	
				Khách hàng	Tỷ lệ tăng trưởng (%)	Khách hàng	Tỷ lệ tăng trưởng (%)
1. Doanh số cho vay TDH	6.685	6.937	7.216	252	3,77	279	4,02
2. Tổng doanh số cho vay	14.822	16.062	17.865	1.240	8,37	1.803	11,23
3. Tỷ trọng DSCV THD trên tổng doanh số cho vay (%)	45,10	43,19	40,39	-	-	-	-

Nguồn: Báo cáo tổng kết HĐKD tại Agribank Chi nhánh Phú Thọ II, 2021-2023

Theo Bảng 2.9 cho thấy, hoạt động cho vay TDH của Chi nhánh trong những

năm qua đều có sự tăng trưởng. Doanh số cho vay TDH năm 2021 đạt 6.685 tỷ đồng, năm 2021 đạt 6.937 tỷ đồng và năm 2022 đạt 7.216 tỷ đồng. Tuy nhiên, tốc độ tăng doanh số cho vay TDH còn khá thấp. Cụ thể: tốc độ tăng doanh số cho vay TDH năm 2021 đạt 3,77%; năm 2022 đạt 4,02%. Đồng thời, tỷ trọng doanh số cho vay TDH so với doanh số cho vay của Chi nhánh đang có xu hướng giảm dần từ 43,19% tại năm 2021 xuống còn 40,39% tại năm 2023.

Agribank Chi nhánh Phú Thọ II đã bám sát sự chỉ đạo của cấp trên, điều hành hoạt động kinh doanh linh hoạt, phù hợp với tình hình thực tế trên địa bàn; tiếp tục đưa ra nhiều giải pháp nhằm đưa các gói sản phẩm, dịch vụ đến gần hơn với người dân và doanh nghiệp trong đó đặc biệt chú trọng đến nhóm khách hàng cá nhân, gia đình, doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Đồng thời, chất lượng sản phẩm, dịch vụ cung cấp đến khách hàng từng bước được cải thiện phù hợp với thị hiếu của khách hàng. Hiện nay, Agribank Chi nhánh Phú Thọ II có 5 Chi nhánh loại II và 18 Phòng giao dịch trực thuộc. Từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là người dân tả ngạn sông Thao tiếp cận nguồn vốn và sử dụng các sản phẩm, dịch vụ của Agribank. Số khách hàng sử dụng các sản phẩm dịch vụ của Chi nhánh ngày càng tăng. Điều này góp phần làm doanh số cho vay TDH của Chi nhánh tăng trong giai đoạn 2021 – 2023.

2.2.2.2. An toàn trong cho vay trung và dài hạn

Thời gian qua, Agribank đã tập trung triển khai quyết liệt, đồng bộ nhiều giải pháp thúc đẩy tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả. Tín dụng tập trung vào sản xuất kinh doanh, nhất là lĩnh vực ưu tiên, các động lực tăng trưởng theo chủ trương của Chính phủ. Không nằm ngoài chủ trương đó, Agribank Chi nhánh Phú Thọ II đã triển khai chính sách cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo Thông tư 02 của Ngân hàng Nhà nước, triển khai chương trình cho vay ưu đãi, năm 2022 lần điều chỉnh giảm lãi suất cho vay hỗ trợ trực tiếp các đối tượng khách hàng, chủ động nắm bắt, tháo gỡ khó khăn trong tiếp cận vốn. Cùng với thúc đẩy tăng trưởng, chất lượng cho vay TDH cũng được đặc biệt chú trọng, kiểm soát chặt chẽ, hạn chế nợ xấu phát sinh. Năm 2023, Agribank thành lập và triển khai hoạt động Ban chỉ đạo xử lý nợ có vấn đề Trụ sở chính và các Chi nhánh, tăng cường kiểm tra giám sát, kỷ cương kỷ luật, đẩy mạnh xử lý, thu hồi nợ.

Chi nhánh đã tập trung vốn đầu tư cho Nông nghiệp - nông thôn và lĩnh vực ưu tiên, đồng thời chủ động xây dựng và thực hiện các biện pháp chống cạnh tranh không lành mạnh, củng cố và giữ vững thị trường, thị phần, khách hàng truyền thống, thu hút thêm khách hàng mới có khả năng tài chính và phương án, dự án sản xuất kinh doanh khả thi, có hiệu quả. Bám sát chỉ đạo của NHNN và Hội sở, Agribank Phú Thọ II cũng

đã áp dụng các biện pháp tháo gỡ khó khăn cho khách hàng: Rà soát, điều chỉnh giảm lãi suất cho vay đối với dư nợ cũ theo Văn bản 6626/NHNoTD, áp dụng lãi suất cho vay mới hợp lý; thực hiện việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ đối với các khoản vay đủ điều kiện theo Nghị định 55/2015/NĐ-CP và Nghị định 116/2018/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 55/2015/NĐ-CP. Trong năm đã thực hiện miễn, giảm lãi cho các khách hàng của các chi nhánh Phù Ninh, Đoan Hùng, Thanh Ba; thanh toán Trái phiếu đặc biệt trước hạn và mua lại khoản nợ đã bán cho VAMC đối với khách hàng của CN thị xã Phú Thọ, Hạ Hòa. Cùng với đó đã tập trung chỉ đạo xử lý quyết liệt nợ tiềm ẩn rủi ro, nợ xấu, nợ đã xử lý rủi ro (nợ có vấn đề) và lãi tồn đọng; thực hiện việc rà soát, xây dựng phương án xử lý đối với từng khoản nợ có vấn đề, phân công cụ thể lãnh đạo và cán bộ phụ trách, đôn đốc thực hiện.

Bảng 2.10. Các nhóm nợ cho vay trung dài hạn tại Agribank chi nhánh Phú Thọ II

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023	
	Số tiền	Tỷ trọng %	Số tiền	Tỷ trọng %	Số tiền	Tỷ trọng %
1. Dư nợ TDH	**4.123**	**100,00**	**4.624**	**100,00**	**5.044**	**100,00**
1.1. Nợ nhóm 1	3.988,4	96,7	4.477,6	96,8	4.888,5	96,9
1.2. Nợ nhóm 2	85,4	2,07	92,6	2,00	97,7	1,94
1.3. Nợ nhóm 3	30,5	0,74	32,3	0,70	39,8	0,79
1.4. Nợ nhóm 4	11,2	0,27	13,6	0,29	15,9	0,32
1.5. Nợ nhóm 5	7,5	0,18	7,9	0,17	8,5	0,17
2. Nợ quá hạn cho vay TDH (2) =(1.2)+(1.3)+(1.4)+(1.5)	**134,6**	**3,26**	**146,4**	**3,17**	**161,9**	**3,21**
3. Tỷ lệ nợ quá hạn cho vay TDH (%) ((3) = (2) / (1))	**3,26**	**-**	**3,17**	**-**	**3,21**	**-**
4. Nợ xấu cho vay TDH (4) = (1.3)+(1.4)+1.5)	**49,2**	**1,19**	**53,8**	**1,16**	**64,2**	**1,27**
5. Tỷ lệ nợ xấu cho vay TDH (%) ((5) = (4) / (1))	**1,19**	**-**	**1,16**	**-**	**1,27**	**-**
6. Tỷ lệ nợ có khả năng mất vốn cho vay TDH(%) (6) = (1.5)/(1)	**0,182**	**-**	**0,171**	**-**	**0,169**	**-**

Nguồn: Báo cáo tổng kết HĐKD tại Agribank Chi nhánh Phú Thọ II, 2021-2023

(1) Tỷ lệ nợ quá hạn cho vay trung dài hạn

Qua số liệu bảng 2.10 và Biểu 2.9 cho thấy: Tỷ lệ nợ quá hạn trung dài hạn của Chi nhánh năm 2021 là 3,26%, năm 2021 đã giảm xuống 3,17% nhưng đến năm 2023 tiếp tục tăng lên là 3,21% tổng dư nợ cho vay trung dài hạn của Chi nhánh.

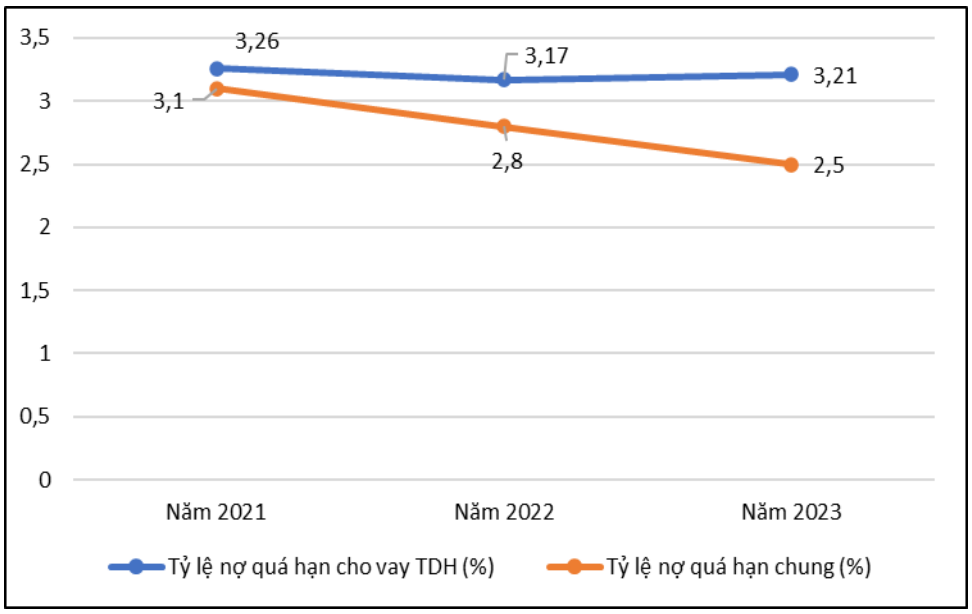

Biểu 2.9: Tỷ lệ nợ quá hạn cho vay trung dài hạn tại Agribank Chi nhánh Phú Thọ II

Nguồn: Báo cáo tổng kết HĐKD tại Agribank Chi nhánh Phú Thọ II, 2021-2023

Chi nhánh vẫn chưa đạt được kế hạch đề ra với tỷ lệ nợ quá hạn phải đạt dưới 3%. Nguyên nhân chủ yếu là do các một số khách hàng cá nhân, hộ sản xuất và doanh nghiệp chịu ảnh hưởng bởi dịch bệnh của cây trồng và ản hưởng bởi thời tiết khắc nghiệt như: bệnh váng lá sinh lý cho vụ mùa năm 2023; Đặc biệt, cuối tháng 5, đầu tháng sáu năm 2023 đợt nắng nóng đầu mùa Hè kéo dài khoảng trên 7 ngày, với nhiệt độ ban ngày luôn luôn duy trì khoảng 350C – 380C, có những ngày trên 400C, ẩm độ không khí thấp dưới 60%, đã làm cho một số diện tích chè đang vào đợt thu hái búp lứa 2 bị cháy búp, táp lá, ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển cũng như năng suất thu hoạch. Điều này càng nghiêm trọng hơn đối với những nương chè không có cây che bóng hoặc có cây che bóng nhưng không đủ mật độ. Một số KHDN kinh doanh thua lỗ trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, thương mại... trong khi các khoản nợ cũ vẫn chưa được xử lý đã làm tỷ lệ nợ quá hạn của Chi nhánh gia tăng.

(2) Tỷ lệ nợ xấu cho vay trung dài hạn

Giai đoạn 2021 - 2023 Chi nhánh gặp phải khó khăn trong hoạt động thu hồi nợ quá hạn và xử lý nợ xấu. Chi nhánh đã thực hiện đồng bộ các biện pháp để xử lý nợ

xấu cho vay trung và dại hạn như: tăng cường đôn đốc thu hồi nợ trực tiếp, cơ cấu lại thời gian trả nợ cho khách hàng, phát mại TSĐB, xử lý bằng biện pháp pháp lý, xử lý nợ xấu bằng quỹ dự phòng rủi ro; Chi nhánh cũng đã giám sát, chỉ đạo, đôn đốc các Chi nhánh trực thuộc xử lý thu hồi nợ xấu; giao chỉ tiêu thu hồi nợ đã xử lý rủi ro cho cán bộ quản lý khách hàng và các bộ phận có liên quan... Tuy nhiên tỷ lệ nợ xấu trên dư nợ trung dài hạn của Chi nhánh vẫn cao hơn tỷ lệ nợ xấu chung của cả Chi nhánh.

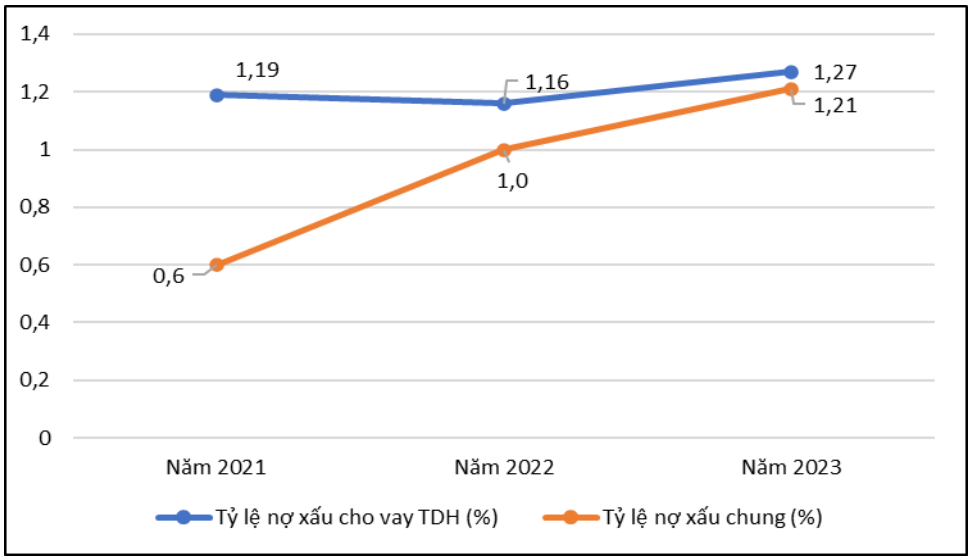

Biểu 2.10: Tỷ lệ nợ xấu cho vay trung dài hạn tại Agribank Chi nhánh Phú Thọ II

Nguồn: Báo cáo tổng kết HĐKD tại Agribank Chi nhánh Phú Thọ II, 2021-2023

Theo số liệu tại bảng 2.10 và Biểu 2.10, cũng giống như nợ quá hạn, nợ xấu cho cho vay TDH của Chi nhánh năm 2021 ở mức 1,19%, năm 2022 giảm nhẹ xuống còn 1,16% nhưng đến năm 2023 lại tăng lên 1,27%. Đồng thời tỷ lệ nợ xấu của Chi nhánh trong 3 năm đều cao hơn tỷ lệ nợ xấu chung của Chi nhánh và đều chưa đạt mức kế hoạch đặt ra (dưới 1%). Nguyên nhân dẫn đến hiện tượng này là do trong năm 2023, ở một số địa phương xuất hiện dịch bệnh trên đàn lợn, trâu, bò, giá bán sản phẩm đầu ra không ổn định, ngành sản xuất công nghiệp cũng phải đối mặt với nhiều khó khăn do giá nguyên nhiên vật liệu tăng cao; sức mua của thị trường giảm; xuất khẩu các mặt hàng chủ yếu không đạt như kỳ vọng… Điều này làm cho một số khách hàng của Chi nhánh gặp khó khăn về nguồn thu. Do đó, tỷ lệ nợ quá hạn và tỷ lệ nợ xấu TDH tăng lên ở năm 2023. Điều này chứng tỏ chất lượng cho vay TDH của Chi nhánh chưa tốt.

(3) Tỷ lệ có khả năng mất vốn trong cho vay trung dài hạn

Kết quả cũng cho thấy, tỷ lệ nợ có khả năng mất vốn trong cho vay TDH của Chi nhánh đều cao hơn so với tỷ lệ nợ có khả năng mất vốn chung của Chi nhánh. Mặc dù tỷ lệ rất thấp nhưng so với kế hoạch đặt ra là dưới 0,1% thì tỷ lệ nợ có khả năng

mất vốn trong cho vay TDH và của toàn Chi nhánh đều chưa đạt mức kế hoạch đề ra. Vì vậy, trong thời gian tới, Chi nhánh cần tăng cường biện pháp kiểm soát và thu hồi các khoản nợ quá hạn, nợ xấu và nợ có khả năng mất vốn nhằm nâng cao chất lượng cho vay TDH.

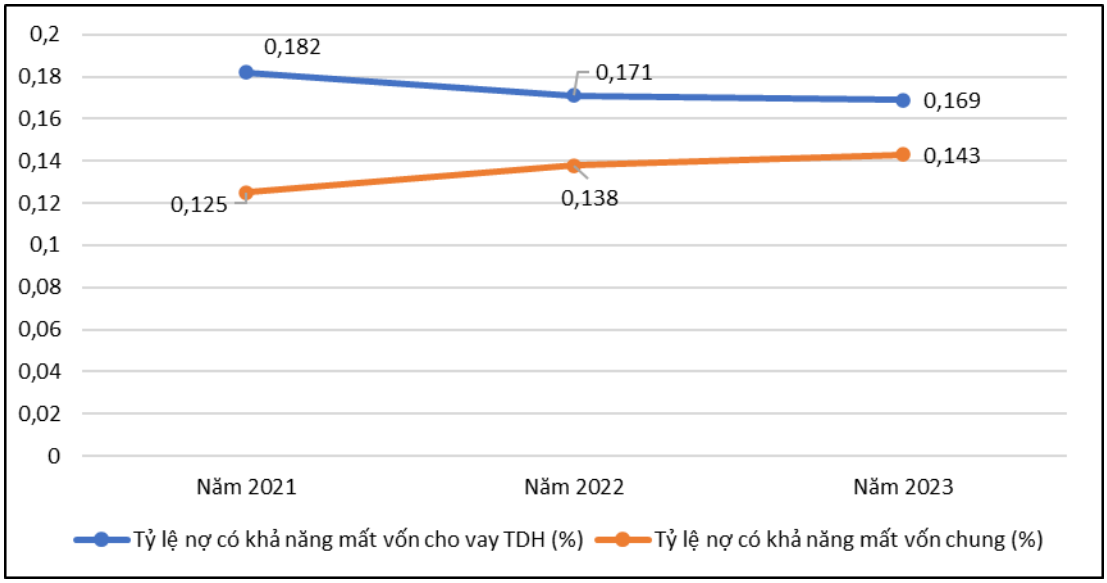

Biểu 2.11: Tỷ lệ nợ có khả năng mất vốn trong cho vay trung dài hạn tại Agribank Chi nhánh Phú Thọ II

Nguồn: Báo cáo tổng kết HĐKD tại Agribank Chi nhánh Phú Thọ II, 2021-2023

(4) Tỷ lệ cho vay trung dài hạn có tài sản đảm bảo

Bảng 2.11. Dư nợ cho vay trung dài hạn có TSĐB tại Agribank chi nhánh Phú Thọ II

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023	
	Số tiền	Tỷ trọng %	Số tiền	Tỷ trọng %	Số tiền	Tỷ trọng %
Tổng dư nợ TDH	4.123	100,00	4.624	100,00	5.044	100,00
Dư nợ TDH có TSĐB	3.461	83,94	3.826	82,74	4.107	81,42
Dư nợ TDH không có TSĐB	662	16,06	798	17,26	937	18,58

Nguồn: Báo cáo tổng kết HĐKD tại Agribank Chi nhánh Phú Thọ II, 2021-2023

Trong hoạt động cho vay, Chi nhánh rất quan tâm tới chất lượng các khoản vay. Chi nhánh luôn thực hiện quy định và nguyên tắc trong cho vay TDH do Agribank quy định. Do đó, các khoản cho vay TDH chủ yếu là các khoản cho vay có TSĐB, với tỷ lệ dư nợ cho vay có TSĐB luôn chiếm khoảng 81% dư nợ TDH. Tuy nhiên, tỷ lệ này đang có xu hướng giảm qua các năm. Phần dư nợ cho vay TDH không có TSĐB chủ

yếu là phần cho vay tín chấp. Mặc dù vậy, những khoản cho vay này đều có thể mang lại những rủi ro không mong muốn trong cho vay TDH tại Chi nhánh.

(5) Quy mô và tỷ lệ trích lập dự phòng rủi ro cho vay trung dài hạn

Bên cạnh những biện pháp nhằm giảm thiểu hạn chế, xử lý nợ xấu và nợ quá hạn, Chi nhánh chú trọng đến công tác trích lập dự phòng và xử lý rủi ro tín dụng. Trên cơ sở phân loại nợ, Chi nhánh đã tiến hành trích lập dự phòng và xử lý rủi ro trong hoạt động tín dụng. Định kỳ hàng tháng, hàng quý thực hiện phân loại các khoản nợ, trích lập dự phòng và xét duyệt các khoản nợ xử lý rủi ro, đồng thời lập phương án thu hồi nợ đã xử lý rủi ro.

Kết quả trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của Chi nhánh giai đoạn 2021 - 2023 được thể hiện qua Bảng 2.12:

Bảng 2.12. Tỷ lệ trích lập dự phòng rủi ro cho vay trung dài hạn tại Agribank Chi nhánh Phú Thọ II

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2021	2022	20231	So sánh 2022/2021		So sánh 2023/2022	
					Chênh lệch	Tỷ lệ %	Chênh lệch	Tỷ lệ %
1. Tổng dư nợ TDH	Tỷ đồng	4.123	4.624	5.044	501	12,15	420	501
2. Chi phí dự phòng TDH	Tỷ đồng	153,6	166	175,3	12	7,75	10	12
3. Chi phí dự phòng rủi ro trên tổng dư nợ TDH	%	3,73	3,58	3,48	-	-	-	-

Nguồn: Báo cáo tổng kết HĐKD tại Agribank Chi nhánh Phú Thọ II, 2021-2023

Theo Bảng 2.12 chi phí dự phòng tín dụng trung dài hạn của Chi nhánh phải trích hàng năm thay đổi theo dư nợ thực tế. Cùng với sự gia tăng của nợ quá hạn, nợ xấu, tổng chi phí dự phòng rủi ro thay đổi từng năm. Kết quả cho thấy mức trích lập dự phòng của Chi nhánh trong các năm qua còn khá thấp và tỷ lệ trích lập dự phòng rủi ro trên tổng dư nợ TDH đang có xu hướng giảm dần chứng tỏ chất lượng cho vay TDH tại Chi nhánh còn tiềm ẩn nhiều rủi ro. Chi nhánh chưa thực sự quyết liệt trong công tác xử lý nợ quá hạn. Công tác thẩm định trước khi cho vay và việc kiểm tra trước, trong và sau khi cho vay của chi nhánh những năm trước đây chưa được thực hiện nghiêm. Cán bộ tín dụng chưa thực sự quan tâm và bám sát với khách hàng, việc quản lý dòng tiền còn lỏng lẻo, không có sự quyết liệt, gay gắt. Mặc dù, Chi nhánh đã

liên tục bổ sung, điều động đối với vị trí cán bộ tín dụng, thành lập tổ thu hồi nợ chuyên trách những chất lượng cho vay TDH của Chi nhánh vẫn còn hạn chế.

2.2.2.3. Thu từ cho vay trung và dài hạn

Bảng 2.13: Thu từ hoạt động cho vay trung dài hạn tại Agribank Chi nhánh Phú Thọ II

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2021	2022	2023	So sánh 2022/2021		So sánh 2023/2022	
				Chênh lệch	Tỷ lệ %	Chênh lệch	Tỷ lệ %
1. Tổng thu	2.273	2.992	3.636	719	31,63	644	21,52
2. Thu từ hoạt động cho vay	2.144	2.853	3.490,2	709	33,07	637	22,33
3. Thu từ cho vay TDH	1.442	1.758	2.047	317	21,98	289	16,44
4. Tỷ trọng thu từ cho vay TDH trên tổng thu (%) (4) = (3)/(1)	63,42	58,77	56,31	-	-	-	-
5. Tỷ trọng thu từ cho vay TDH trên thu từ hoạt động cho vay (%) (5) = (3)/(2)	67,24	61,63	58,66	-	-	-	-

Nguồn: Báo cáo tổng kết HĐKD tại Agribank Chi nhánh Phú Thọ II, 2021-2023

Theo Bảng 2.13, thu từ hoạt động cho vay TDH của Chi nhánh tăng qua các năm. Cụ thể: thu từ cho vay TDH năm 2021 đạt 1.442 tỷ đồng, chiếm 63,42% tổng thu của Chi nhánh. Năm 2022 thu từ cho vay TDH đạt mức 1.758 tỷ đồng, chiếm 58,77% tổng thu. Sang năm 2023, thu từ cho vay TDH đạt 2.047 tỷ đồng, chiếm 56,31% tổng thu của Chi nhánh. Điều này chứng tỏ mặc dù thu từ cho vay TDH tăng lên về giá trị tuyệt đối nhưng tỷ trọng trong tổng thu của Chi nhánh đang có xu hướng giảm. Đồng thời, tỷ trọng thu từ cho vay TDH trên thu từ hoạt động cho vay của Chi nhánh cũng có xu hướng giảm từ 67,24% ở năm 2021 còn 59,66% ở năm 2023. Nguyên nhân là do giai đoạn 2021 - 2023 hoạt động kinh doanh của Chi nhánh còn ảnh hưởng bởi khắc phục hậu quả của đại dịch Covid-19, hoạt động sản xuất kinh doanh của một số khách hàng không thuận lợi. Tỷ lệ nợ quá hạn và xấu cao, trích lập dự phòng rủi ro thấp.... Tuy nhiên với sự phấn đấu và nỗ lực của tập thể Ban Giám đốc và CBCNV nên chỉ tiêu thu từ cho vay TDH của Chi nhánh đều có sự lên về quy mô.

2.3. Đánh giá chất lượng cho vay trung và dài hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ II

2.3.1. Những kết quả đạt được

Trong thời gian qua, Agribank Chi nhánh Phú Thọ II luôn giữ vững là một trong những chi nhánh ngân hàng chiếm thị phần cho vay TDH lớn trên địa bàn, đảm bảo khả năng cạnh tranh với các tổ chức tín dụng khác. Chi nhánh đã đạt được những kết quả sau:

Một là, tổng số khách hàng vay vốn TDH tại Chi nhánh có sự tăng trưởng nhanh. Chi nhánh có 4.248 khách hàng vay vốn TDH vào năm 2021, năm 2022 đạt 4.812 khách hàng, tăng 13,28% so với năm 2021. Đến năm 2023 đạt 5.235 khách hàng, tăng 8,79% so với năm 2022.

Hai là, dư nợ cho vay TDH luôn có sự tăng trưởng, năm sau cao hơn năm trước. Dư nợ TDH của Chi nhánh năm 2021 đạt 4.123 tỷ đồng, năm 2022 dư nợ TDH tăng lên 4.624 tỷ đồng và đến năm 2023, dư nợ TDH tiếp tục tăng lên 5.044 tỷ đồng. Tỷ trọng dư nợ TDH trên tổng dư nợ năm 2023 tăng lên.

Ba là, Doanh số cho vay, thu nhập, thị phần cho vay TDH của Chi nhánh đều có xu hướng tăng lên qua các năm.

2.3.2. Hạn chế và nguyên nhân

2.3.2.1. Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, Chi nhánh vẫn tồn tại một số hạn chế sau:

Một là, mặc dù dư nợ TDH tăng nhưng tốc độ đang giảm dần, từ 12,15% tại năm 2022 xuống còn 9,08% tại năm 2023

Hai là, cơ cấu cho vay TDH còn một số hạn chế như, tỷ trọng cho vay bằng ngoại tệ quy đổi còn rất nhỏ (dưới 1,7% tổng dư nợ TDH) trong khi xét về lâu dài, các khách hàng kinh doanh trong lĩnh vực xuất nhập khẩu trên địa bàn còn khá nhiều, nhu cầu sử dụng ngoại tệ cao. Tỷ trọng dư nợ cho vay theo ngành kinh doanh chưa hợp lý, Chi nhánh chủ yếu tập trung cho vay theo ngành nông nghiệp, trong khi ngành công nghiệp chưa được phát triển, tỷ trọng cho vay ngành này chỉ dưới 9% tổng dư nợ TDH. Cơ cấu cho vay hiện đang tập trung cho vay nội tệ, cho vay TDH ngoại tệ còn rất thấp (dưới 1,61% tại năm 2023). Dư nợ TDH đối với KHDN tại Chi nhánh khá thấp. Điều này chứng tỏ Chi nhánh phụ thuộc nhiều vào nhóm KHCN, chất lượng cho vay TDH của Chi nhánh phụ thuộc vào KHCN, mức độ phân tán rủi ro thấp. Dư nợ TDH có TSĐB đang có xu hướng giảm dần, còn dư nợ TDH không có TSĐB đang đàn tăng lên

cả về giá trị và tỷ trọng.

Ba là, tỷ trọng doanh số cho vay TDH so với tổng doanh số cho vay của chi nhánh có xu hướng giảm từ 45,10% tại năm 2021 còn 40,39% tại năm 2023.

Bốn là, nợ quá hạn, nợ xấu, nợ có khả năng mất vốn trong cho vay TDH của Chi nhánh đều có xu hướng tăng lên qua các năm. Tỷ lệ nợ quá hạn TDH, tỷ lệ nợ xấu cho vay TDH, tỷ lệ nợ có khả năng mất vốn cho vay TDH năm 2022 giảm nhẹ so với năm 2021 nhưng năm 2023 lại tăng lên. Các chỉ tiêu này đều chưa đạt được so với kế hạch đề ra.

Năm là, tỷ trọng thu từ cho vay TDH trên tổng thu từ cho vay đang có xu hướng giảm dần qua các năm.

Sáu là, mức trích lập dự phòng của Chi nhánh trong các năm qua còn khá thấp và tỷ lệ trích lập dự phòng rủi ro trên tổng dư nợ TDH đang có xu hướng giảm dần chứng tỏ chất lượng cho vay TDH tại Chi nhánh còn tiềm ẩn nhiều rủi ro.

2.3.2.2. Nguyên nhân của hạn chế

a. Nguyên nhân từ Chi nhánh

Một là, sự tuân thủ quy trình cho vay TDH của cán bộ tín dụng ngân hàng chưa nghiêm. Nhận thức được tầm quan trọng của cho vay TDH cũng như mức độ rủi ro của cho vay TDH trong hoạt động kinh doanh ngân hàng, hầu hết các nhân viên tại Agribank Chi nhánh Phú Thọ II đều thực hiện nghiêm túc quy trình cho vay TDH của ngân hàng. Tuy nhiên, Chi nhánh vẫn còn một số CBTD chưa thực hiện nghiêm quy trình cho vay TDH. Trong năm 2021 và năm 2022, không có trường hợp nào xảy ra liên quan đến vấn đề đạo đức nghề nghiệp nhưng những sai sót vẫn còn, đặc biệt trong quá trình nhận hồ sơ của khách hàng còn nhiều hạn chế như không xác minh giấy tờ của khách hàng, dẫn đến khách hàng cố tình gian lận (02 vụ). Một số khoản vay do CBTD không có đủ thời gian để thẩm định hoặc do TSĐB của khách hàng cách khá xa so với địa điểm của ngân hàng mà CBTD còn chưa đi thẩm định được kỹ càng, chỉ dựa chủ yếu trên giấy tờ khách hàng đưa ra nên khó lường trước một số rủi ro có thể xảy ra. Theo Báo cáo hoạt động kinh doanh của Chi nhánh năm 2022, Chi nhánh đã áp dụng 2 hình thức khiển trách đối với 02 CBTD đã vi phạm lỗi không tuân thủ quy trình tín dụng dẫn đến phát sinh thêm 1,52 tỷ đồng nợ quá hạn; Năm 2023, có 03 CBTD vẫn chưa tuân thủ theo đúng quy trình tín dụng như: bỏ xót chứng từ trước giải ngân; không kiểm tra chặt chẽ và giám sát việc sử dụng vốn vay.

Hai là, công tác thu hồi nợ xấu, nợ quá hạn của Chi nhánh còn chưa được coi trọng. Ban chỉ đạo xử lý nợ của Chi nhánh chưa phát huy hết vai trò như mục tiêu đã

đề ra. Một số CBTD còn bàng quan với công tác này nên nhiều khoản nợ xấu, nợ quá hạn bị tồn đọng nhiều năm trước chưa được xử lý. Ban xử lý nợ của Chi nhánh hiện nay bao gồm Ban giám đốc, trưởng phòng tín dụng, trưởng phòng giao dịch và một số cán bộ tín dụng nhiều kinh nghiệm. Ban xử lý nợ của chi nhánh hiện nay mới chỉ dừng lại ở công tác theo dõi giám sát công tác xử lý nợ xấu, họp giao ban với các CBTD phụ trách địa bàn nắm bắt tình hình chung mà chưa đi gặp gỡ khách hàng nợ xấu thường xuyên để cập nhật, nắm bắt tình hình thực tế của từng món nợ xấu được dẫn đến chưa lập ra các kế hoạch, phương án xử lý nợ chi tiết đến từng khách hàng nợ xấu, thời hạn đặt ra cho quá trình thu hồi nợ chưa có tính khả thi cao và công tác giám sát thực hiện thu hồi nợ xấu theo kế hoạch đặt ra còn yếu. Những lý do trên khiến ban chỉ đạo xử lý nợ chi nhánh chưa phát huy hết vai trò trong công tác xử lý thu hồi nợ xấu, việc xử lý nợ xấu của chi nhánh hiện nay vẫn thiếu đi tính chủ động, chưa mang tính hệ thống là một trong những nguyên nhân dẫn đến kết quả thu hồi nợ xấu trong thời gian qua chưa cao. Do đó, số nợ xấu đã được xử lý qua các năm khá khiêm tốn: năm 2021 là 26 triệu đồng, năm 2022 là 19 triệu đồng và năm 2023 là 22 triệu đồng.

Ba là, hệ thống thông tin ngân hàng còn hạn chế. Hệ thống thông tin về khách hàng vay được sử dụng ngoài việc khảo sát thực tế và thông qua hồ sơ khách hàng cung cấp còn thông qua các nguồn quan trọng khác từ lịch sử trả nợ gốc lãi của khách hàng tại Agribank, hệ thống CIC và qua thông tin từ cán bộ quản lý cấp xã tại địa phương. Hệ thống thông tin này tại Chi nhánh hiện vẫn còn rời rạc, chưa được cập nhật kịp thời và xây dựng thành hệ thống hoàn chỉnh để việc liên hệ, truy xuất, tìm kiếm thông tin được dễ dàng hơn.

Bốn là, công tác kiểm soát nội bộ tại Chi nhánh còn nhiều lỏng lẻo, sơ sài, chính vì vậy vẫn còn tồn tại những lỗi trong quá trình cấp tín dụng. Các cuộc kiểm tra còn ít, còn chưa mang tính đột xuất, thêm vào đó, công tác kiểm tra đôn đốc thu nợ sau cho vay còn chưa thường xuyên, do vậy, cũng làm ảnh hưởng chất lượng tín dụng tại Chi nhánh. Có rất nhiều hồ sơ sau khi nhảy nhóm nợ rồi mới có các bộ phận tham gia vào công tác kiểm tra giám sát, đôn đốc khách hàng thu hồi nợ. Trong giai đoạn 2021-2023, Chi nhánh có duy nhất 02 cán bộ chuyên trách về hoạt động kiểm soát nội bộ, chưa thể đảm nhiệm được với khối lượng công việc và số lượng khách hàng lớn tại Chi nhánh.

Năm là, trình độ một số CBTD còn hạn chế

CBTD tại Chi nhánh phần lớn là người trẻ, do đó năng lực chuyên môn và kinh nghiệm chưa cao. Đồng thời chưa được đào tạo bài bản nên dễ gặp phải những sai phạm. Mặt khác đối với các nhân viên trẻ, áp lực từ các chỉ tiêu, doanh số khiến họ

hấp tấp trong quá trình cấp tín dụng, mang lại nhiều rủi ro cho ngân hàng. Hơn nữa, Đặc điểm tỉnh Phú Thọ là người dân trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn nhiều nên lượng KHCN lớn, một cán bộ phải quản lý nhiều khách hàng. Do đó, về mặt số lượng thì lực lượng cán bộ tín dụng và quan hệ khách hàng còn quá ít, chưa tương xứng với nền khách hàng rộng lớn của Chi nhánh cũng như chưa đủ đáp ứng hết khối lượng và yêu cầu công việc. Bên cạnh đó, một số nhân viên lớn tuổi, thường có sức ỳ lớn, không nhanh nhạy về công nghệ thông tin và kém về ngoại ngữ, khiến chi nhánh cũng khá khó khăn khi triển khai các chương trình bám địa bàn để huy động vốn khách hàng. Theo báo cáo nhân sự của Chi nhánh, đến năm 2023, Chi nhánh có 273 cán bộ nhân viên, trong đó, trên 90% là trình độ đại học, tuy nhiên đúng chuyên môn theo vị trí công việc đạt 63%. CBNV dưới 30 tuổi chiếm 35%; từ 30 -40 tuổi chiếm 53% còn lại 12% là trên 45 tuổi.

b. Nguyên nhân từ Hội sở

Một là, Quy trình thẩm định cho vay TDH còn mất khá nhiều thời gian (từ 7 ngày đến 15 ngày). Điều này có thể làm cho khách hàng lỡ cơ hội kinh doanh hoặc ngại vì thủ tục rườm rà và chờ đợi lâu nên khách hàng không vay vốn tại ngân hàng.

Hai là, khắt khe về hồ sơ tài sản đảm bảo nên nhiều khách hàng không đáp ứng được yêu cầu về TSĐB trong cho vay. Trong giai đoạn 2021 - 2023, Chi nhánh áp dụng cho vay đối với TSĐB thường chiếm từ 80% đến 85% tổng dư nợ. Cho vay không có TSĐB chỉ chiếm dưới 15%. Điều này gây khó khăn cho nhiều khách hàng không đáp ứng được yêu cầu về TSĐB. Chẳng hạn: khách hàng có tài sản nhưng vướng mắc trong việc giấy chứng nhận quyền sở hữu, hoặc chung quyền sở hữu tài sản với người khác…

Ba là, Kênh thông tin về tình trạng tài chính hay đánh giá khách hàng chưa phù hợp với yêu cầu hiện tại của công việc đòi hỏi. Các Chi nhánh thường thiếu thông tin về khách hàng và thiếu tài liệu để kiểm chứng lại thông tin của khách hàng nên có thể dẫn tới sai lầm khi quyết định cho vay. Chủ yếu, Chi nhánh sử dụng nguồn thông tin từ khách hàng cung cấp để thẩm định cho vay. Phần lớn khách hàng của Chi nhánh là KHCN hoạt động kinh doanh nhỏ lẻ, manh mún, chưa đủ điều kiện xếp hạng khách hàng so với tiêu chuẩn của Agribank. Do đó, nhiều khách hàng không được đánh giá xếp hạng mà chỉ căn cứ vào việc phân tích thông tin từ phía khách hàng cung cấp để thẩm định cho vay. Do đó, Chi nhánh đã có những quyết định cho vay sai lầm với những dự án, phương án sản xuất kinh doanh không hiệu quả hoặc hiệu quả thấp.

c. Nguyên nhân khách quan

Một là, Môi trường pháp luật chưa hoàn thiện: Hệ thống pháp luật thực sự chưa hợp lý, chưa đầy đủ. Một số văn bản chưa đủ sức điều chỉnh những diễn biến phức tạp trong thực tế kinh doanh của các NHTM. Vấn đề phát mại tài sản thế chấp còn gặp rất nhiều vấn đề về thủ tục hành chính. Chưa thông báo, công khai các thay đổi về mặt pháp lý của các cá nhân, tổ chức vay vốn, thế chấp đến các đối tượng liên quan, dẫn đến xảy ra các rủi ro về mặt pháp lý trong thủ tục vay vốn Ngân hàng.

Chưa có các quy định liên quan đến việc cưỡng chế tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho ngân hàng, nhất là đối với các trường hợp không hợp tác để xử lý tài sản thế chấp của mình để thực hiện nghĩa vụ bảo đảm cho khoản vay. Đối với những trường hợp như vậy ngân hàng thường phải đưa ra cơ quan pháp luật giải quyết, điều này làm tốn nhiều thời gian và chi phí cũng như có khả năng sẽ xảy ra rủi ro về giảm giá trị tài sản trong quá trình thực hiện các trình tự theo pháp luật.

Việc thực hiện luật kế toán thống kê chưa nghiêm và chưa xử lý kịp thời nên các doanh nghiệp đều chưa chấp hành nghiêm chỉnh các quy định trong luật kế toán và thống kê do Bộ Tài chính ban hành. Vì vậy, các số liệu và tình hình mà doanh nghiệp cung cấp cho Ngân hàng chưa đảm bảo đủ độ tin cậy về sự chính xác trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình, làm ảnh hưởng đến quá trình thẩm định về khách hàng vay vốn, dẫn đến những rủi ro xảy ra không đáng có.

Hai là, Môi trường kinh tế chưa thuận lợi: Do ảnh hưởng của hậu Covid - 19, một số lĩnh vực sản xuất kinh doanh đến nay vẫn chưa kịp phục hồi, sản phẩm sản xuất khó tiêu thụ, thị trường xuất nhập khẩu bị thu hẹp,... Kinh tế - xã hội năm 2023 trên địa bàn tỉnh tiếp tục diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới cũng như trong nước bị ảnh hưởng của chiến sự Nga - Ucraina kéo dài, lạm phát vẫn ở mức cao, nhiều hoạt động kinh tế suy giảm, tăng trưởng kinh tế dự báo thấp hơn kỳ vọng. Đứng trước những khó khăn chung, nhiều doanh nghiệp không bắt kịp những thay đổi cũng như những đòi hỏi ngày càng cao của thị trường, nhất là về chất lượng, thị hiếu, chủng loại, giá cả sản phẩm dịch vụ, hơn nữa nhiều doanh nghiệp năng lực trình độ và kinh nghiệm quản lý còn hạn chế, khó khăn về vốn tích lũy ban đầu nên trong điều kiện cạnh tranh gay gắt của thị trường thì việc sản xuất cũng như tiêu thụ sản phẩm gặp vô vàn khó khăn, điều này gây ra nợ quá hạn cho Ngân hàng, dẫn đến chất lượng tín dụng giai đoạn này chưa thực sự ổn định.

Ba là, Môi trường cạnh tranh ngày càng gay gắt: Theo báo cáo của các NHTM, trong tháng 2/2023, mặt bằng lãi suất đã ổn định và thực tế, lãi suất trên thị trường đã có xu hướng giảm. Lãi suất cho vay bình quân phát sinh mới đã giảm khoảng 0,4%/năm; đã có 22 NHTM giảm lãi suất cho vay bình quân. Cùng với giảm lãi suất tiền gửi, giảm

lãi suất cho vay, các NHTM còn có nhiều giải pháp tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện cho doanh nghiệp, đặc biệt doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) tiếp cận vốn ngân hàng. Theo đó, các NHTM chủ động tiếp cận DNNVV, triển khai đa dạng các gói sản phẩm, phát triển nhiều dịch vụ ngân hàng như bảo lãnh, tài trợ thương mại, miễn phí dịch vụ thanh toán điện tử, phát triển các ứng dụng ngân hàng dành riêng cho DNNVV,... quy trình, thủ tục cấp tín dụng đối với doanh nghiệp ngày càng đơn giản, phù hợp. Nhiều TCTD đã xây dựng thành công các mô hình xếp hạng tín dụng nội bộ, tối ưu hóa việc phân tích, đánh giá, xếp hạng tín dụng doanh nghiệp trước khi ra quyết định cho vay; thành lập riêng bộ phận chuyên quản lý về hoạt động cho vay đối với DNNVV; đồng thời, cho phép áp dụng đa dạng, linh hoạt các biện pháp về tài sản bảo đảm để tháo gỡ khó khăn về việc thiếu tài sản bảo đảm của DNNVV. Trên địa bàn tỉnh Phú Thọ có nhiều TCTD hoạt động như: Agribank, Vietinbank, Vietcombank, Sacombank, Techcombank, SHB, MB,…. Sự cạnh tranh giữa các NHTM trên địa bàn gay gắt đã xuất hiện sự cạnh tranh thiếu lành mạnh như: hạ thấp điều kiện vay vốn, lãi suất cho vay, lãi suất huy động, cho vay trả nợ lẫn nhau đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động tín dụng nói chung cũng như chất lượng tín dụng nói riêng tại Agribank Chi nhánh Phú Thọ nói riêng.

CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHO VAY TRUNG VÀ DÀI HẠN TẠI NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM – CHI NHÁNH PHÚ THỌ II

3.1. Định hướng nâng cao chất lượng cho vay trung và dài hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ II đến năm 2030

3.1.1. Định hướng phát triển chung

Thời gian tới, khi trở lại nhịp sống bình thường, kinh tế hồi phục, Chi nhánh sẽ có nhiều cơ hội để phát triển nhưng thách thức cũng không hề nhỏ, đặc biệt cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 sẽ tác động làm thay đổi hoạt động của ngân hàng truyền thống. Để duy trì và khẳng định vị thế, Chi nhánh sẽ tập trung đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, phát triển các dịch vụ ngân hàng trực tuyến, tăng tiện ích, tiết kiệm thời gian đi lại cho khách hàng trong giao dịch ngân hàng. Để đạt được các chỉ tiêu, kế hoạch đề ra, bên cạnh nỗ lực của Chi nhánh, lãnh đạo đơn vị rất mong UBND tỉnh chỉ đạo các Sở, ngành, các địa phương tiếp tạo điều kiện thuận lợi để Chi nhánh triển khai đầu tư vốn cho vay phát triển kinh tế, xã hội được an toàn, thuận lợi như: cho phép các ngân hàng được kết nối cơ sở dữ liệu của tỉnh về quản lý đất đai, phương tiện vận tải, quản lý dân cư, hộ tịch, hộ khẩu, giao dịch bảo đảm; kết nối, chia sẻ dữ liệu về quản lý đất đai, phương tiện vận tải, quản lý dân cư, hộ tịch, hộ khẩu, giao dịch bảo đảm… với cơ sở dữ liệu công chứng bảo đảm kết nối liên thông, tạo thuận tiện cho công tác tra cứu, xác minh thông tin về tài sản, giấy tờ tài sản; xem xét áp dụng cơ chế đặc thù đối với hệ số rủi ro của các khoản cho vay không có bảo đảm bằng tài sản trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn theo chính sách của Chính phủ...

Tiếp tục xây dựng uy tín hình ảnh của chi nhánh trên thị trường, qua đó nâng cao hình ảnh của Agribank trong lòng khách hàng. Dần xây dựng hình ảnh của một ngân hàng hiện đại, đa năng, không chỉ đơn thuần chỉ là ngân hàng chỉ có thế mạnh trong lĩnh vực tài trợ phát triển nông nghiệp và nông thôn. Từ đó đẩy mạnh tăng trưởng trên mọi mặt của hoạt động kinh doanh.

Chi nhánh tiếp tục kiên định thực hiện mục tiêu trở thành một trong các chi nhánh dẫn đầu tại địa phương. Hoạt động kinh doanh luôn gắn liền với tiêu chí: hiệu quả - bền vững - chất lượng, sự tăng trưởng phải gắn với chất lượng và an toàn, đặc biệt là sự an toàn trong hoạt động cấp tín dụng.

Hoàn thành xuất sắc các mục tiêu đề ra của chi nhánh, đồng thời hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao từ cấp trên.

Tập trung đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tại chỗ đáp ứng yêu cầu cạnh tranh khốc liệt trong giai đoạn hiện nay; giáo dục đào tạo cán bộ viên chức, lao động nâng cao tinh thần trách nhiệm, chủ động, sáng tạo phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ kinh doanh, góp phần phát triển kinh tế địa phương.

Tập trung triển khai toàn diện có hiệu quả, chất lượng cao công tác quảng cáo, quảng bá kịp thời toàn diện, đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ, công nghệ hiện đại có hiệu quả. Song song với đó là phải tổ chức thực hiện các dịch vụ ngân hàng huy động, cho vay nội, ngoại tệ, thanh toán trong nước và quốc tế để nâng cao năng lực cạnh tranh và thu hút khách hàng giao dịch.

3.1.2. Định hướng phát triển cho vay trung dài hạn

3.1.1.1. Định hướng phát triển cho vay trung dài hạn của Agribank

Bám sát các giải pháp điều hành kinh tế vĩ mô của Chính phủ, điều hành chính sách tiền tệ, tín dụng, hoạt động ngân hàng của Ngân hàng nhà nước, đảm bảo tính tích cực và tạo động lực, đảm bảo an toàn hoạt động theo quy định; phấn đấu nâng cao hiệu quả hoạt động, hoàn thành toàn diện các mục tiêu.

Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tăng trưởng tín dụng sớm từ đầu năm gắn với định hướng khách hàng và sản phẩm mục tiêu, đảm bảo an toàn, hiệu quả.

Có giải pháp nâng cao khả năng tăng trưởng tín dụng ngay từ đầu năm; tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách tín dụng, cải tiến quy trình, thủ tục cấp tín dụng phù hợp với từng sản phẩm tín dụng, gắn với cơ cấu lại tài sản có tổng thể trên cơ sở nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh; hỗ trợ khách hàng vượt qua khó khăn, khuyến khích khách hàng ứng dụng công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, đáp ứng các yêu cầu, tiêu chuẩn quốc tế về bảo vệ môi trường.

Tiếp tục triển khai quyết liệt, hiệu quả các biện pháp kiểm soát nợ tiềm ẩn, phòng ngừa, hạn chế tối đa nợ xấu phát sinh, xử lý, thu hồi nợ xấu, nợ đã xử lý rủi ro.

Nâng cao ý thức trách nhiệm, siết chặt kỷ cương, kỷ luật đảm bảo tuân thủ các quy trình, thủ tục nội bộ; nâng cao năng lực, hiệu quả, vai trò của kiểm toán nội bộ, công tác giám sát, kiểm tra từ Trụ sở chính đến chi nhánh, kịp thời phát hiện, ngăn ngừa và xử lý các tồn tại, rủi ro trong quá trình hoạt động; xử lý quyết liệt, nhanh chóng, nghiêm minh các tồn tại, yếu kém, sai phạm, tiêu cực được phát hiện.

Triển khai có hiệu quả Phương án cơ cấu lại Agribank gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025; các biện pháp nâng cao năng lực tài chính, hiệu quả kinh doanh, tuân thủ các tỷ lệ đảm bảo an toàn hoạt động.

Triển khai đồng bộ các giải pháp về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; đổi mới, hoàn thiện các cơ chế tiền lương, chính sách để tạo động lực cho người lao động. Tiếp tục đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, bồi dưỡng cán bộ đáp ứng yêu cầu quản trị, điều hành trong bối cảnh công nghệ số phát triển và hướng tới cổ phần hóa Agribank.

3.1.1.3. Định hướng phát triển cho vay trung dài hạn của Agribank Chi nhánh tỉnh Phú Thọ

Với mục tiêu phát triển cho vay trung dài hạn đảm bảo an toàn, hạn chế rủi ro, Agribank tỉnh Phú Thọ đã xây dựng định hướng sau:

Coi trọng chất lượng tín dụng trung dài hạn hơn là mở rộng quy mô tín dụng: Agribank tỉnh Phú Thọ tiếp tục chuyển hướng đầu tư, ưu tiên cung cấp tín dụng cho khách hàng có uy tín đối với ngân hàng, tập trung vào đối tượng là hộ sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp nhỏ và vừa, từng bước chiếm lĩnh thị trường ở khu đông dân cư, khu công nghiệp. Thận trọng trong cho vay doanh nghiệp, kể cả doanh nghiệp nhà nước. Kiên quyết không cho vay các doanh nghiệp kinh doanh kém hiệu quả.

Hoàn thiện cơ sở và điều kiện đảm bảo cho công tác kiểm soát rủi ro tín dụng có hiệu quả. Trước hết cần thiết lập mối quan hệ chặt chẽ giữa bộ phận thông tin phòng ngừa rủi ro và bộ phận nghiệp vụ tín dụng. Hệ thống thông tin phải được đầu tư, hiện đại hóa tương xứng. Cán bộ thông tin phải được bố trí đầy đủ và phải được đào tạo có trình độ tương xứng. Các hoạt động thu thập thông tin, điều tra khách hàng phải được tiến hành có hệ thống, trên cơ sở liên tục cập nhật thông tin theo yêu cầu thẩm định khách hàng chặt chẽ.

Hoàn thiện quy trình tín dụng và thực hiện nghiêm ngặt quy trình tín dụng nhằm nâng cao hiệu quả, hạn chế rủi ro của hoạt động tín dụng. Ngân hàng triển khải thường xuyên việc rà soát, phân tích, đánh giá từng khoản vay, từng nhóm khách hàng và xây dựng các khung chính sách để cán bộ tín dụng có thể xử lý linh hoạt trong công việc. Các thiếu sót trong quy trình tín dụng cần được bổ sung, hoàn thiện sao cho hạn chế đến mức thấp nhất các sai sót chủ quan. Tăng cường kiểm tra khâu cấp tín dụng, kiên quyết không chấp nhận gia hạn cho các khoản vay không an toàn, chú trọng kiểm tra việc thu hồi và xử lý các khoản vay đã được cơ cấu lại, đôn đốc thu hồi nợ tồn đọng. Nguyên tắc hoàn thiện quy trình giám sát và đo lường rủi ro tín dụng là tăng cường phòng ngừa bằng thông tin, kiểm soát chặt chẽ, giao quyền xử lý linh hoạt.

Chú trọng xử lý các khoản nợ tồn đọng, nợ khó đòi. Thường xuyên kiểm tra việc chấp hành phân loại nợ ở các đơn vị trực thuộc theo chế độ quy định chung của

Agribank và phản ánh đúng thực trạng, thực hiện đầy đủ chế độ trích lập dự phòng rủi ro. Việc xử lý các khoản nợ xấu phải gắn với trách nhiệm cá nhân trong giải quyết món vay theo cơ chế khoán. Phân định rõ trách nhiệm trong từng khâu của quy trình cho vay. Có cơ chế thưởng phạt rõ ràng, kịp thời để động viên, khuyến khích cán bộ đồng thời cũng hạn chế sớm những rủi ro có thể xảy ra.

- Đẩy mạnh công tác kiểm tra nội bộ của ngân hàng. Phòng kiểm tra kiểm soát tiến hành kiểm tra thường xuyên và liên tục theo định kỳ hoặc đột xuất tại Chi nhánh các huyện, qua đó đảm bảo tính tuân thủ cũng như khả năng dự báo, phòng ngừa rủi ro, chấn chỉnh và khắc phục kịp thời các thiếu sót.

3.1.1.3. Định hướng phát triển cho vay trung dài hạn của Agribank Chi nhánh Phú Thọ II

Đối với cho vay TDH tại Agribank Chi nhánh Phú Thọ II định hướng phát triển như sau:

Nhận thức đầy đủ, bám sát và thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Agribank quán triệt đến từng cán bộ và đảm bảo sự chấp hành tuân thủ, tuyệt đối không vi phạm kỷ luật quản trị điều hành.

- Tiếp tục triển khai các giải pháp tháo gỡ khó khăn, Chi nhánh nhằm tạo điều kiện cho khách hàng tiếp cận nguồn vốn tín dụng theo đúng quy định, góp phần hỗ trợ khách hàng duy trì sản xuất, phát triển sản xuất kinh doanh.

- Kiểm soát chỉ tiêu cơ cấu ngành nghề, chất lượng an toàn và hiệu quả tín dụng theo đúng định hướng của Agribank Việt Nam giảm mức độ tập trung tín dụng với với khách hàng lớn, nhóm khách hàng có liên quan.

- Tích cực phát triển cho vay TDH, cơ cấu lại nền khách hàng theo hướng ưu tiên mở rộng có chọn lọc các khách hàng tốt, sử dụng nhiều sản phẩm dịch vụ.

- Thực hiện phân loại nợ, phân loại khách hàng theo quy định để có chính sách phù hợp đối với từng đối tượng khách hàng, thực hiện tận thu lãi treo để tăng hiệu quả hoạt động.

- Đảm bảo các tỷ lệ an toàn theo quy định cấp tín dụng, thực hiện trích lập đủ dự phòng rủi ro, gia tăng tài sàn bảo đảm nợ vay theo quy định gắn với rà soát lại chất lượng tài sản bảo đảm.

- Quyết liệt xử lý các khoản nợ xấu, nợ ngoại bảng xây dựng lộ trình xử lý từng khoản nợ xấu. Hạn chế phát sinh nợ quá hạn, nợ nhóm II.

- Thực hiện quyết liệt đổi mới cơ chế điều hành hoạt động cho vay TDH theo hướng cải cách hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thẩm định tín dụng. Tăng cường kỷ cương, kỷ luật trong điều hành tín dụng. Nâng cao vai trò kiểm tra, giám sát tại các cấp trong hoạt động tín dụng.

- Áp dụng chính sách ưu đãi về lãi suất tiền vay, phí dịch vụ đối với các khách hàng sử dụng đa dạng các sản phẩm dịch vụ, các khách hàng lớn, các khách hàng có tiền gửi đối ứng hoặc duy trì thường xuyên tiền gửi thanh toán

3.2. Giải pháp nâng cao chất lượng cho vay trung và dài hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ II

3.2.1. Tuân thủ nghiêm quy trình tín dụng

Cơ sở đề xuất giải pháp

Thực tế tại Agribank Chi nhánh Phú Thọ II còn một số CBTD vẫn chưa thực hiện nghiêm các bước trong quy trình tín dụng như: một số CBTD chưa tích cực đôn đốc khách hàng hoàn thành hồ sơ sớm, dẫn đến việc chậm trễ trong khâu thẩm định khi phải chờ bổ sung các giấy tờ, chứng từ mà khách hàng còn thiếu. Việc tư vấn cho khách hàng vay còn chưa kỹ, nhiều khi khách hàng tới xin vay, CBTD còn chưa hướng dẫn khách hàng vay theo thời hạn phù hợp với mục đích vay mà chủ yếu là theo ý kiến chủ quan của khách hàng đề xuất...

Nội dung thực hiện

Trong thời gian tới, Chi nhánh cần tuân thủ nghiêm quy trình tín dụng nhằm hạn chế nợ xấu. Để thực hiện giải pháp này, bên cạnh việc quản lý tốt các mối quan hệ với khách hàng, chi nhánh cũng cần tuân thủ và thực hiện tốt quy trình tín dụng đồng bộ, khép kín từ khâu phân tích trước khi cho vay cho đến khâu thu nợ. Trong đó đặt trọng tâm vào khâu phân tích trước khi cho vay bởi vì khâu này rất dễ xảy ra rủi ro đạo đức của khách hàng.

- Tăng cường phối hợp chặt chẽ với trung tâm thông tin tín dụng nhằm mục đích giúp cho Chi nhánh có thêm thông tin cần thiết để làm cơ sở cho việc đầu tư tín dụng có hiệu quả, tránh thất thoát vốn, ngăn ngừa phát sinh nợ quá hạn. Tiếp tục chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các giải pháp nâng cao CLTD theo văn bản 5996/NHNo-KTNB của Agribank; các văn bản số 225/QĐ-HĐTV-TD của Chủ tịch hội đồng thành viên Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam ngày 09/4/2019;

- Tuân thủ các điều kiện tín dụng về vốn tự có, tài sản bảo đảm tiền vay, kiểm toán báo cáo tài chính doanh nghiệp theo Quyết định 1595/QĐ-HĐTV-TDDN của

Agribank.

- Nâng cao tính tuân thủ quy trình, quy chế nghiệp vụ, gắn trách nhiệm cụ thể đến từng cán bộ với hiệu quả từng khoản vay và chất lượng tín dụng theo địa bàn phụ trách; tăng cường vai trò kiểm soát của lãnh đạo phòng Kế hoạch kinh doanh và ban giám đốc Ngân hàng cơ sở đối với hoạt động tín dụng.

- Thực hiện nghiêm quy định của Agribank về việc đăng nhập thông tin khách hàng, thông tin khoản vay vào hệ thống IPCAS; Quản lý chặt chẽ việc thực hiện quy trình giao dịch tín dụng trên IPCAS; Việc chỉnh sửa thông tin về kỳ hạn trả nợ gốc, lãi trên IPCAS, không để xảy ra việc nhảy nhóm nợ do việc chỉnh sửa thông tin sai quy định phản ánh không đúng chất lượng tín dụng.

- Thực hiện tốt công tác kiểm tra, tự kiểm tra chuyên đề nhằm phát hiện và khắc phục kịp thời sai phạm thiếu sót trong công tác tín dụng thông qua kiểm tra chuyên đề giúp Chi nhánh cơ sở nâng cao khả năng tác nghiệp cho cán bộ nghiệp vụ, quan tâm đẩy mạnh công tác kiểm tra tín dụng của khách hàng.

Nếu áp dụng thành công, Chi nhánh sẽ kịp thời phát hiện những dấu hiệu rủi ro sớm trong hoạt động tín dụng. Kiểm tra, giám sát được các khoản tín dụng, từ đó có biện pháp ngăn ngừa, xử lý phù hợp.

Bộ phận thực hiện:

- Bộ phận tín dụng CBTD thực hiện theo quy trình cho vay TDH

- Bộ phận kiểm tra kiểm soát nội bộ thực hiện công tác kiểm tra trước, trong và sau khi cho vay

- Bộ phận kế toán ngân quỹ, phòng kế hoạch kinh doanh, phòng kế hoạch nguồn vốn phối hợp cùng thực hiện.

Thời gian thực hiện:

Thực hiện ngay tại thời điểm hiện tại và sau khi cho vay.

3.2.2. Tăng cường thu thập hệ thống thông tin tín dụng

Cơ sở đề xuất giải pháp

Thông tin đầy đủ, chính xác về khách hàng, về thị trường có vai trò rất quan trọng trong việc bảo đảm chất lượng cho vay TDH. Hoạt động của các NHTM là cho vay với lòng tin khách hàng sẽ hoàn trả nợ vay theo thoả thuận, muốn đảm bảo rằng khoản vay được an toàn, ngân hàng phải nắm đầy đủ thông tin khách hàng để xem xét quyết định cho vay. Theo kết quả phân tích cho thấy, nguyên nhân dẫn đến chất lượng

cho vay TDH tại Chi nhánh giảm là do thông tin còn hạn chế, chất lượng thông tin tín dụng chưa cao.

Nội dung thực hiện

Chi nhánh cần thực hiện có hiệu quả các khâu sau:

Một là, thu thập thông tin về khách hàng

Trong hoạt động tín dụng, việc thu thập thông tin về khách hàng rất quan trọng bởi nó ảnh hưởng trực tiếp đến quyết định cho vay của Ngân hàng. Hiện nay, việc khai thác thông tin về khách hàng gồm những nội dung sau:

+ Thông tin về hồ sơ pháp lý: Đăng ký kinh doanh, điều lệ, quyết định bổ nhiệm các chức vụ, người đại diện theo pháp luật, ngành nghề kinh doanh, mặt hàng sản xuất.

+ Thông tin về tình hình tài chính: Thông qua báo cáo của khách hàng, chẳng hạn thông tin về tài chính thường dựa trên báo cáo tài chính trong các năm gần đây của khách hàng (doanh nghiệp) trong đó có rất nhiều thông tin mà cán bộ quản lý khách hàng có thể khai thác là: bảng cân đối kế toán báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

+ Thông tin về tình hình quan hệ tín dụng của các khách hàng được thể hiện gồm các khoản vay tại các tổ chức tín dụng, tổ chức khác, thời hạn khoản vay và lịch sử quan hệ tín dụng của khách hàng với tổ chức mà khách hàng đã và đang có quan hệ tín dụng.

Các báo cáo khách hàng lập thường không đảm bảo tính trung thực. Do vậy, đối với cán bộ Ngân hàng, bên cạnh việc thu thập thông tin từ khách hàng cần thu thập thêm từ các đối tác của khách hàng, từ những ngân hàng mà khách hàng đã có quan hệ, từ các cơ quan quản lý khách hàng, từ trung tâm thông tin tín dụng của NHNN (CIC), từ hệ thống thông tin tín dụng của Agribank Việt Nam,…

Hai là, thu thập thông tin về thị trường

Khi khách hàng đặt quan hệ tín dụng, bên cạnh việc khai thác thông tin về khách hàng, cán bộ quan hệ khách hàng còn phải khai thác thông tin mang tính chất thị trường về sản phẩm mà khách hàng kinh doanh như dự báo tình hình cung cầu, giá cả sản phẩm, tài sản đảm bảo…

Ba là, phân tích xử lý thông tin

Sau khi đã thu thập các nguồn thông tin, cán bộ quan hệ khách hàng cần phải sàng lọc nguồn thông tin đã thu thập để phân tích, đánh giá khách hàng, khả năng tài

chính của khách hàng, khả năng trả nợ của nguồn vốn vay. Trên cơ sở đó để ra quyết định cho vay hay từ chối cho vay nhằm hạn chế rủi ro

Bộ phận thực hiện:

- Bộ phận tín dụng CBTD thu thập thông tin từ khách hàng và các nguồn khác

- Bộ phận thực hiện thẩm định thực hiện thẩm định tín dụng, lập báo cáo thẩm định phục vụ việc ra quyết định cho vay

- Bộ phận kế toán ngân quỹ, phòng kế hoạch kinh doanh phối hợp cung cấp lịch sử giao dịch của khách hàng với ngân hàng.

Thời gian thực hiện:

Thu thập thông tin tín dụng là hoạt động được thực hiện thường xuyên, liên tục, cập nhật vào hệ thống hoặc ghi sổ theo dõi của CBTD.

3.2.3. Tăng cường công tác kiểm tra nội bộ

Cơ sở đề xuất giải pháp

Kết quả phân tích tại Chương 2 cho thấy, việc kiểm soát nội bộ tại Chi nhánh giai đoạn 2021-2023 được thực hiện chưa tốt. Chi nhánh mới quan tâm tới việc kiểm tra trước khi cho vay bằng cách thu thập thông tin về khách hàng và hoạt động kinh doanh của khách hàng nhưng Chi nhánh chưa chú trọng hoạt động kiểm tra trong và sau khi cho vay. Khâu giám sát các khoản cho vay không thường xuyên, chưa phát hiện dấu hiệu cảnh bảo sớm; cán bộ tín dụng ít đi thực địa khách hàng nên không có bức tranh rõ ràng về tình hình hoạt động của khách hàng... Do đó, nợ quá hạn và nợ xấu của Chi nhánh tăng và chưa đạt mức kế hoạch đề ra. Điều này đã làm chất lượng tín dụng tại Chi nhánh giảm xuống. Vì vậy, trong thời gian tới, Chi nhánh cần thực hiện nghiêm hoạt động kiểm tra kiểm soát nội bộ nhằm phát hiện các dấu hiệu rủi ro sớm và đề xuất các giải pháp khắc phục kịp thời, nâng cao chất lượng tín dụng.

Nội dung thực hiện

Thực hiện giải ngân theo đúng các quyết định cấp tín dụng của cấp phê duyệt, đối chiếu giữa mục đích vay, yêu cầu giải ngân, đảm bảo việc sử dụng vốn vay có đầy đủ chứng từ chứng minh và hợp lệ. Hạn chế giải ngân bằng tiền mặt trừ những trường hợp đặc thù do hoạt động kinh doanh của khách hàng như cho vay thu mua nông, lâm thủy sản của các hộ dân, trả lương công nhân, chỉ áp dụng phương thức giải ngân qua chuyển khoản để có thể kiểm soát tốt hơn việc sử dụng vốn vay của khách hàng.

Chi nhánh tăng cường ứng dụng tin học trong công tác quản lý, điều hành, đặc biệt là quản lý tài chính, quản lý giao dịch và quản lý tài sản. Việc này sẽ tạo ra một cơ

chế giám sát tự động, thường xuyên và liên tục.

Bộ phận kiểm soát nội bộ phải thực hiện nộp các báo cáo định kỳ theo chế độ thông tin kịp thời để đảm bảo an toàn trong các nghiệp vụ giao dịch tại Chi nhánh. Định kỳ 6 tháng đánh giá việc thực hiện quy trình nghiệp vụ, phát hiện những điểm bất hợp lý để có sự điều chỉnh hoàn thiện kịp thời.

Xây dựng hệ thống thông tin báo cáo, các công cụ quản lý để khai báo và chiết xuất dữ liệu báo cáo kịp thời phục vụ công tác quản trị điều hành tín dụng và kiểm soát các giới hạn tín dụng theo ngành, lĩnh vực.

Nếu thực hiện tốt hoạt động kiểm tra kiểm soát nội bộ, Chi nhánh đạt được những kết quả: (1) đánh giá tính đúng đắn và hiệu quả trong xây dựng và tổ chức thực hiện nghiệp vụ tín dụng như chính sách, quy trình quy chế, phân chia chức năng, nhiệm vụ hoạt động; (2) phát hiện những sơ hở, rủi ro tiềm ẩn trong hoạt động tín dụng của Chi nhánh từ đó đề xuất với ban lãnh đạo các biện pháp nhằm giảm thiểu rủi ro trong hoạt động tín dụng góp phần nâng cao chất lượng tín dụng của Chi nhánh. (3) đảm bảo hoạt động tín dụng trong ngân hàng phải tuân thủ theo các quy định, quy trình, quy chế mà ban điều hành Chi nhánh đề ra và tuân thủ pháp luật hiện hành; (4) đảm bảo tính chính xác của các số liệu kế toán và báo cáo tài chính. (5) bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư, cổ đông và xây dựng lòng tin của họ đối với Chi nhánh.

Bộ phận thực hiện:

- Bộ phận kiểm tra kiểm soát nội bộ thực hiện hoạt động kiểm soát trước, trong và sau khi cho vay

- CBTD, Bộ phận kế toán ngân quỹ, phòng kế hoạch kinh doanh phối hợp theo dõi, cung cấp lịch sử giao dịch của khách hàng khi cần thiết.

Thời gian thực hiện:

Kiểm tra kiểm soát nội bộ là hoạt động được thực hiện thường xuyên, liên tục, trước, trong và sau khi cho vay.

3.2.4. Nâng cao chất lượng cán bộ tín dụng

Cơ sở đề xuất giải pháp

Hiện tại, CBTD tại Chi nhánh phần lớn là người trẻ, do đó năng lực chuyên môn và kinh nghiệm chưa cao. Đồng thời chưa được đào tạo bài bản nên dễ gặp phải những sai phạm. Mặt khác đối với các nhân viên trẻ, áp lực từ các chỉ tiêu, doanh số khiến họ hấp tấp trong quá trình cấp tín dụng, mang lại nhiều rủi ro cho ngân hàng. Một số nhân viên lớn tuổi, thường có sức ỳ lớn, không nhanh nhạy về công nghệ thông

tin và kém về ngoại ngữ, khiến chi nhánh cũng khá khó khăn khi triển khai các chương trình bám địa bàn để huy động vốn khách hàng. CBTD là người trực tiếp thực thi các hoạt động tín dụng cho nên trình độ của các nhân viên lại càng có ý nghĩa quan trọng. Một số giải pháp có thể thực hiện nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của đội ngũ CBTD như sau:

Nội dung thực hiện

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ nhằm thực thi có hiệu quả các chính sách của ngân hàng đề ra. Tổ chức các cuộc hội thảo về kỹ năng lắng nghe và phỏng vấn khách hàng để giúp cán bộ có những bài học quý báu nhằm tăng cường khả năng đánh giá, thẩm định sâu sát với món vay.

- Nâng cao hiểu biết của CBTD về kiến thức pháp luật nhất là bộ luật dân sự, luật đất đai, luật phá sản và đặc biệt là luật ngân hàng để thực hiện xử lý công việc chặt chẽ không để khách hàng lợi dụng.

- Tổ chức các cuộc thi sát hạch nhằm đánh giá trình độ CBTD để có chiến lược đào tạo hợp lý.

- Định kỳ hay đột xuất phải thay đổi địa bàn phụ trách cho vay để phòng ngừa trường hợp thông đồng giữa cán bộ ngân hàng với khách hàng đảo nợ, tự ý gia hạn nợ, thu nợ, thu lãi nhưng không nộp vào ngân hàng hoặc nhờ khách hàng vay hộ hay vay ghi vào khế ước của khách hàng.

- Thực hiện công tác đánh giá giữa các CBTD với nhau qua đó để nâng cao tính cạnh tranh trong việc hoàn thành chỉ tiêu đề ra của các CBTD.

- Tổ chức các phong trào thi đua, nghiên cứu, phát huy sang kiến… để thúc đẩy, khuyến khích CBTD hăng say làm việc.

Chi nhánh cũng cần đổi mới hơn nữa chính sách đãi ngộ CBTD, thẩm định và thực hiện, xây dựng chế độ khuyến khích thưởng phạt đối với cán bộ làm công tác tín dụng, thẩm định như là: cần có chế độ lương, thưởng khác nhau đối với những nhiệm vụ mang tính quan trọng khác nhau, tránh hiện tượng bình quân chủ nghĩa vì công tác tín dụng thực sự nặng nề, áp lực và nhiều rủi ro. Một sự đãi ngộ như nhau ở những vị trí khác nhau với sự đóng góp, năng lực và cường độ làm việc khác nhau sẽ làm triệt tiêu mọi nỗ lực, mọi cố gắng sáng tạo và mọi sự phấn đấu. Do vậy, cần nghiên cứu áp dụng chế độ lương, thưởng xứng đáng đối với những người làm tốt công tác thẩm định và tín dụng.

Bộ phận thực hiện:

- Phòng Tổng hợp phụ trách xác định nhu cầu đào tạo, xây dựng kế hoạch đào tạo, triển khai kế hoạch đào tạo nhân lực

- Các phòng nghiệp vụ khác phối hợp cung cấp danh sách nhu cầu đào tạo cho Phòng Tổng hợp.

- Các cá nhân, tổ chức trong kế hoạch đào tạo cùng thực hiện nội dung đào tạo.

Thời gian thực hiện:

Kế hoạch đào tạo thường được xây dựng theo từng năm, thay đổi theo tình hình thực tiễn tại Chi nhánh.

3.3. Kiến nghị

3.3.1. Kiến nghị với Ngân hàng Nhà nước tỉnh Phú Thọ

Để nâng cao chất lượng tín dụng TDH tại Agribank Chi nhánh Phú Thọ, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) tỉnh Phú Thọ nên thực hiện các nội dung sau:

Tăng cường hỗ trợ thông tin đối với các doanh nghiệp. Vấn đề thông tin là một trong những khó khăn lớn đối với doanh nghiệp. Vì thế, NHNN tỉnh Phú Thọ nên có chính sách về cung cấp thông tin cho doanh nghiệp. Với việc lập các website chuyên về tin tức, sự kiện, thị trường cho các ngành nghề của doanh nghiệp, cập nhật các văn bản Luật và văn bản dưới Luật sẽ giúp doanh nghiệp có được hiểu tổng quan nhất về các văn bản liên quan tới hoạt động kinh doanh của mình. NHNN tỉnh Phú Thọ có thể tiến hành đào tạo các khóa về thủ tục đăng kí kinh doanh, hoạt động xuất nhập khẩu, đào tạo công tác quản lí, các quy chế của NHTM... nhằm nâng cao hiểu biết cũng như năng lực của doanh nghiệp.

Nên thành lập các khu công nghiệp tập trung cho doanh nghiệp. Hoạt động tập trung giúp NHNN tỉnh Phú Thọ dễ dàng hỗ trợ cho các doanh nghiệp về cơ sở hạ tầng, cập nhật thông tin, phát triển thị trường và giải quyết khó khăn về mặt bằng sản xuất cho doanh nghiệp.

NHNN tỉnh Phú Thọ xây dựng các chính sách hỗ trợ thành lập và phát triển doanh nghiệp ở một số ngành lợi thế, như các ngành sản xuất hàng tiêu dùng, hàng thay thế nhập khẩu và hàng xuất khẩu có khả năng cạnh tranh, các ngành tại đầu vào cho các doanh nghiệp lớn, cũng như trong các lĩnh vực phục vụ đầu ra cho các sản phẩm của doanh nghiệp lớn, các ngành thuộc lĩnh vực công nghiệp nông thôn, bao gồm các sản phẩm thuộc các ngành nghề truyền thống... Đó được xem là những ngành thuận lợi cho doanh nghiệp, vì thế NHNN tỉnh Phú Thọ cần định hướng cho doanh nghiệp đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh trong những lĩnh vực trên. Từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động

kinh doanh cho doanh nghiệp, đáp ứng tốt hơn với yêu cầu vay vốn tại NHTM. Đồng thời, tăng khả năng hiệu quả sử dụng vốn, đảm bảo nguồn thu và khả năng trả nợ cho các doanh nghiệp, góp phần nâng cao chất lượng tín dụng tại ngân hàng.

Tăng cường công tác thanh tra kiểm tra kiểm soát từ nhiều phía, kiểm soát nội bộ trong hệ thống để từ đó có biện pháp khắc phục, sửa chữa kịp thời những sai lầm nhằm giảm rủi ro ở mức thấp nhất trong hoạt động kinh doanh, đồng thời nâng cao trình độ quản lý kinh doanh, đảm bảo cho hoạt động tín dụng theo đúng luật pháp, an toàn và hiệu quả.

3.3.2. Kiến nghị với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam

Thứ nhất, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam xây dựng mô hình kiểm tra kiểm soát nội bộ độc lập, để tất cả các cán bộ kiểm tra của các chi nhánh đều trực thuộc Agribank, hưởng quyền lợi từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chứ không phụ thuộc vào chi nhánh. Có như vậy kết quả kiểm tra mới khách quan, độc lập, chất lượng kiểm tra mới được nâng lên.

Thứ hai, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam xây dựng một nền tảng công nghệ hiện đại đảm bảo các yêu cầu về quản lý nội bộ của ngân hàng, thỏa mãn yêu cầu phát triển của các giao dịch kinh doanh ngày càng đa dạng, yêu cầu quản lý rủi ro, quản lý thanh khoản, có khả năng kết nối với các ngân hàng khác.

Thứ ba, xây dựng quy chế chặt chẽ, rõ ràng về việc xử phạt những cán bộ có liên quan trong việc gây ro rủi ro trong hoạt động tín dụng của ngân hàng. Việc xử phạt này phải có cả những cán bộ kiểm tra và những lãnh đạo liên quan đến khoản vay chứ không chỉ một mình cán bộ tín dụng trực tiếp cho vay.

Thứ tư, xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và các kiến thức về quản lý rủi ro cho cán bộ ngân hàng. Thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn về nghiệp vụ tín dụng, thẩm định tín dụng và pháp luật, thảo luận các thông tin kinh tế xã hội biến đổi liên tục trong và ngoài nước để nâng cao trình độ của cán bộ làm công tác kiểm tra và tín dụng.

Thứ năm, về phương thức đảm bảo tiền vay: Đối với hàng hóa tồn kho, yêu cầu các chi nhánh thuê bên thứ ba bảo vệ chứ không để cho khách hàng tự quản lý và làm báo cáo xuất - nhập tồn cho Ngân hàng mà không có sự sát sao quản lý và đối chiếu thực tế như hiện nay. Hội sở nên bổ sung nhân sự, tổ chức thảo luận, thống nhất và đào tạo bài bản cách thức quản lý tài sản thế chấp đảm bảo an toàn cho chi nhánh. Ban Giám Đốc chủ động hoặc cho phép các chi nhánh tham gia với tư cách là thành viên của các quỹ bảo lãnh tín dụng, của Hiệp hội phát triển doanh nghiệp hoặc các dự án

phát triển doanh nghiệp. Việc gia nhập các tổ chức trên sẽ tạo điều kiện cho ngân hàng hoặc các chi nhánh tham gia có được những thông tin chính xác hơn, cập nhật hơn và từ đó chủ động tiếp cận với các khách hàng có nhu cầu một cách hiệu quả nhất. Ngân hàng cũng phải giữ vai trò là người cung cấp các bản tin về rủi ro tín dụng, trong đó nêu lên những nhận định đánh giá về rủi ro của các doanh nghiệp trên địa bàn và cảnh báo cho các chi nhánh những trường hợp khẩn cấp có dấu hiệu lừa đảo, hoặc mất khả năng thanh toán.

KẾT LUẬN

Nâng cao chất lượng cho vay TDH là vấn đề có tính sống còn đối với các NHTM nói chung và Agribank Chi nhánh Phú Thọ II nói riêng. Với sự chỉ đạo đúng đắn của ban lãnh đạo, chiến lược phát triển phù hợp cùng với đội ngũ cán bộ nhân viên trẻ, năng động, nhiệt tình, không ngừng học hỏi, được bồi dưỡng tốt về chuyên môn, nghiệp vụ; Agribank Chi nhánh Phú Thọ II đã không ngừng nâng cao về chất lượng cho vay TDH. Nhờ vậy mà trong thời gian qua, Chi nhánh đã đạt được những kết quả đáng kể, từng bước nâng cao chất lượng cho vay nói chung và chất lượng cho vay TDH nói riêng. Tuy nhiên, để tiếp tục củng cố và nâng cao hơn nữa chất lượng cho vay TDH tại Chi nhánh, Chi nhánh cần tiếp tục tìm kiếm và thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng cho vay TDH của mình.

Qua nghiên cứu thực trạng chất lượng cho vay TDH tại Agribank Chi nhánh Phú Thọ II, đề án đã thực hiện các nhiệm vụ sau:

Một là, hệ thống hóa các lý luận cơ bản về cho vay TDH tại NHTM

Hai là, đề án đã làm rõ thực trạng chất lượng cho vay TDH tại Agribank Chi nhánh Phú Thọ II giai đoạn 2021 - 2023. Về cơ bản, Chi nhánh vẫn giữ vững là một trong những ngân hàng chiếm thị phần cho vay TDH lớn trên địa bàn, đảm bảo khả năng cạnh tranh với các tổ chức tín dụng khác. Chi nhánh vẫn đảm bảo sự tăng trưởng về quy mô dư nợ TDH, doanh số cho vay, thu từ cho vay TDH... Chi nhánh đã thực hiện việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro đúng quy định luôn đảm bảo bù đắp được dư nợ tránh mất vốn. Tuy nhiên, Chi nhánh còn một số hạn chế như Cơ cấu dư nợ cho vay TDH vẫn chưa hợp lý. Dư nợ có TSĐB đang có xu hướng giảm dần. Điều này về lâu dài sẽ ảnh hưởng lớn tới sự an toàn trong hoạt động cho vay TDH. Nợ xấu, tỷ lệ nợ xấu cũng tăng qua các năm, cao hơn mức kế hoạch đề ra...

Ba là, trên cơ sở đó đánh giá về những kết quả đạt được, những tồn tại hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế về chất lượng cho vay TDH tại Chi nhánh, đề án đã đề xuất một số giải pháp và một số kiến nghị với NHNN, Hội sở và Agribank tỉnh Phú Thọ nhằm tạo điều kiện cho Chi nhánh nâng cao chất lượng cho vay TDH trong thời gian tới.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Khoa học và Công nghệ (2018), *Tiêu chuẩn Quản lý rủi ro – Hướng dẫn*, Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN ISO 9000:2018.
2. Chính phủ (2015), *Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 9 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ, Nghị định về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn.*
3. Chính phủ (2018), *Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 7 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ, Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 9 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn.*
4. Phan Thị Thu Hà (2023), *Giáo trình Ngân hàng thương mại*, Nxb Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
5. Tô Ngọc Hưng (2019), *Giáo trình Tín dụng ngân hàng*, NXB Lao động – Xã hội, Hà Nội.
6. Nguyễn Thị Phương Liên (2022), *Giáo trình Quản trị Ngân hàng thương mại*, NXB Hà Nội, Hà Nội.
7. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2023), *Thông tư 02/2023/TT-NHNN ngày 13/04/2023 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh và khách hàng gặp khó khăn trả nợ vay phục vụ nhu cầu đời sống, tiêu dùng*
8. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2018), *Thông tư số 21/2018/TT-NHNN ngày 17/3/2018 của Thống đốc NHNN Việt Nam quy định về phương thức giải ngân tại các NHTM*, Hà Nội.
9. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2020), *Thông tư số 08/2020/TT-NHNN ngày 14/8/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài,* Hà Nội.
10. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2021), *Thông tư số 11/2021/TT-NHNN ngày 30/7/2021 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài,* Hà Nội.
11. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Phú

Thọ II (2021-24), *Báo cáo hoạt động kinh doanh các năm 2021-2024*, Phú Thọ.

12. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (2019), *Quyết định số 1225/QĐ-NHNo-TD của Tổng giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam ngày 18/6/2019, quy định, quy trình cho vay đối với khách hàng trong hệ thống Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam*
13. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (2023), *Văn bản số 656/QC-HĐTV- TD ngày 31/08/2023 của Hội đồng thành viên về ban hành quy chế cho vay đối với khách hàng trong hệ thống Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.*
14. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (2023), *Văn bản số 2268/QyĐ-NHNo-TD ngày 19/09/2023 của Tổng GĐ Quy định cho vay đối với khách hàng trong hệ thống Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam*